



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2022

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2022



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
INFORMATION AND COMMUNICATIONS PUBLISHING HOUSE

MỤC LỤC

Danh mục đồ thị - bảng	iii
Danh mục các từ viết tắt	iv
Vị thế, chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	v
Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	vii
Lời tựa của Thống đốc	ix
Các Vụ, Cục, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	xii
■ Phần I - Kinh tế thế giới và Việt Nam	1
1. Tổng quan kinh tế thế giới	1
1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới	1
1.2. Điều hành CSTT của một số quốc gia	3
2. Tổng quan kinh tế Việt Nam	4
2.1. Tăng trưởng kinh tế	4
2.2. Lao động, thu nhập, năng suất	6
2.3. Diễn biến lạm phát	7
2.4. Thu chi NSNN	9
2.5. Cán cân thanh toán	9
2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ	11
2.7. Hoạt động của các TCTD	17
■ Phần II - Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	22
1. Điều hành CSTT	22
2. Quản lý ngoại hối	26
3. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng	28
4. Hoạt động giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính	31
5. Công tác pháp chế	31
6. Công tác phát hành kho quỹ	33
7. Hoạt động thanh toán và chuyển đổi số	34
8. Hoạt động ngân hàng xanh	39
9. Hoạt động thông tin tín dụng	39
10. Hoạt động truyền thông, minh bạch hóa thông tin	42
■ Phần III - Quản trị nội bộ	44
1. Hoạt động kiểm toán nội bộ	44

2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng	44
3. Công tác nghiên cứu khoa học	47
4. Công tác thống kê	47
5. Công nghệ thông tin	48
■ Phần IV - Hợp tác quốc tế	51
1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế	51
2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế	53
3. Quan hệ hợp tác song phương	59
■ Phụ lục	61
Phụ lục 1: Các mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố	62
Phụ lục 2: Hoạt động nghiệp vụ thị trường mở	62
Phụ lục 3: Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	63
Phụ lục 4: Cán cân thanh toán quốc tế	64
Phụ lục 5: Tỷ giá giữa VND và USD	65
Phụ lục 6: Giá vàng thị trường trong nước	65
Phụ lục 7: Chỉ số giá tiêu dùng	66
Phụ lục 8: Một số chỉ tiêu tiền tệ, tín dụng	67
Phụ lục 9: Tổng sản phẩm trong nước	67

DANH MỤC ĐỒ THỊ - BẢNG

Danh mục đồ thị

Đồ thị 1: Tăng trưởng GDP thực và đóng góp của các ngành sản xuất, 2018-2022	5
Đồ thị 2: Diễn biến lạm phát CPI, lạm phát cơ bản, 2018-2022	8
Đồ thị 3: Cán cân thanh toán của Việt Nam, 2018-2022	9
Đồ thị 4: Tăng trưởng các chỉ tiêu tiền tệ, 2018-2022	11
Đồ thị 5: Tăng trưởng huy động vốn, 2021-2022	12
Đồ thị 6: Tỷ trọng huy động vốn theo khối ngân hàng năm 2022	12
Đồ thị 7: Tỷ trọng tín dụng đối với nền kinh tế theo khối ngân hàng năm 2022	12
Đồ thị 8: Tăng trưởng tín dụng đối với nền kinh tế, 2021-2022	13
Đồ thị 9: Lãi suất huy động và cho vay bình quân, 2018-2022	14
Đồ thị 10: Lãi suất bình quân liên ngân hàng bằng VND, 2018-2022	15
Đồ thị 11: Diễn biến tỷ giá VND/USD năm 2022	16
Đồ thị 12: Biến động giao dịch Hệ thống TTĐTLNH, 2018-2022	35
Đồ thị 13: Số lượng hồ sơ khách hàng vay trong kho dữ liệu CIC, 2018-2022	40
Đồ thị 14: Số lượng sản phẩm, dịch vụ thông tin tín dụng do CIC cung cấp cho TCTD, 2018-2022	41

Danh mục bảng

Bảng 1: Hệ thống các TCTD của Việt Nam (đến 31/12/2022)	17
Bảng 2: Thống kê một số chỉ tiêu cơ bản	18
Bảng 3: Tỷ lệ an toàn vốn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	19
Bảng 4: Một số chỉ tiêu hoạt động của TCTD	20

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nội dung viết tắt
ADB	Ngân hàng Phát triển châu Á
CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
CIC	Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
CSTT	Chính sách tiền tệ
DTBB	Dự trữ bắt buộc
DTNHNN	Dự trữ ngoại hối nhà nước
ECB	Ngân hàng trung ương châu Âu
Fed	Cục Dự trữ liên bang Mỹ
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm trong nước
GTCG	Giấy tờ có giá
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
KT - XH	Kinh tế - xã hội
M2	Tổng phương tiện thanh toán
NHCSXH	Ngân hàng Chính sách xã hội
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTM	Ngân hàng thương mại
NHTMCP	Ngân hàng thương mại cổ phần
NHTW	Ngân hàng trung ương
NSNN	Ngân sách Nhà nước
QPPL	Quy phạm pháp luật
QTDND	Quỹ tín dụng nhân dân
ROA	Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản
ROE	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
TCTD	Tổ chức tín dụng
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
TTĐTLNH	Thanh toán điện tử liên ngân hàng
TTKDTM	Thanh toán không dùng tiền mặt
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
USD	Đô-la Mỹ
VAMC	Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam
VND	Đồng Việt Nam
WB	Ngân hàng Thế giới
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

VỊ THẾ, CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM



Trụ sở chính, 49 Lý Thái Tổ, Hà Nội, Việt Nam

□ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, là Ngân hàng trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các tổ chức tín dụng và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.

Tóm lược Điều 2, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Chính sách tiền tệ quốc gia là các quyết định về tiền tệ ở tầm quốc gia của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm quyết định mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền biểu hiện bằng chỉ tiêu lạm phát, quyết định sử dụng các công cụ và biện pháp để thực hiện mục tiêu đề ra.

Khoản 1, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hàng năm được thể hiện thông qua việc quyết định chỉ số giá tiêu dùng và giám sát việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Khoản 2, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Chính phủ trình Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hàng năm. Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc sử dụng các công cụ và biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia theo quy định của Chính phủ.

Khoản 4, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

**BAN LÃNH ĐẠO
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**



Bà Nguyễn Thị Hồng
Tổng đốc



Ông Đào Minh Tú
Phó Tổng đốc thường trực



Ông Nguyễn Kim Anh
Phó Tổng đốc



Ông Đoàn Thái Sơn
Phó Tổng đốc



Ông Phạm Tiến Dũng
Phó Tổng đốc



Ông Phạm Thanh Hà
Phó Tổng đốc



Thống đốc
Nguyễn Thị Hồng

Lời tựa của Thống đốc

Thế giới năm 2022 đối mặt với nhiều thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường. Dịch bệnh COVID-19 tái bùng phát tại một số nơi, tình hình cạnh tranh chiến lược tăng cao, xung đột địa chính trị bùng phát và kéo dài đã ảnh hưởng đến đà phục hồi kinh tế thế giới, làm trầm trọng hơn tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu khiến giá hàng hóa quốc tế tăng cao. Lạm phát tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ (Quỹ Tiền tệ quốc tế ước tính lạm phát thế giới năm 2022 ở mức 8,7%), buộc NHTW các nước liên tục điều chỉnh CSTT, tăng lãi suất với quy mô, tốc độ nhanh kỷ lục để đối phó với cơn bão lạm phát. Đồng USD tăng giá mạnh, dòng vốn chuyển ra khỏi các thị trường mới nổi và đang phát triển. Ở trong nước, nền kinh tế mở cửa sau thời gian giãn cách xã hội, các hoạt động kinh tế khôi phục và tăng trưởng trở lại. Tuy nhiên, dịch bệnh diễn biến khó lường, thị trường quốc tế và trong nước biến động mạnh tạo ra thách thức không nhỏ đối với xu hướng phục hồi kinh tế trong nước, gây khó khăn lớn công tác điều hành CSTT để ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, và hỗ trợ phục hồi kinh tế.

Trước bối cảnh đó, bám sát chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhất là tại các nghị quyết về thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển KT - XH năm 2022-2023, Kế hoạch phát triển KT - XH năm 2022, NHNN đã theo dõi sát diễn biến kinh tế vĩ mô, tài chính, tiền tệ trong và ngoài nước để điều hành kịp thời, đồng bộ, tối ưu các công cụ, giải pháp điều hành CSTT, hoạt động ngân hàng nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an toàn hệ thống các TCTD. Cụ thể:

Thứ nhất, phối hợp đồng bộ các công cụ CSTT để điều tiết tiền tệ hợp lý, đảm bảo thanh khoản hệ thống, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại tệ, linh hoạt, thích ứng kịp thời với diễn biến, tình hình trong từng thời điểm

Trong hơn 8 tháng đầu năm, mặc dù lãi suất thế giới tăng nhanh và mạnh, đồng USD liên tục tăng giá trên thị trường quốc tế gây áp lực lên thị trường tiền tệ, ngoại tệ trong nước, nhưng trên cơ sở theo dõi sát diễn biến lạm phát và thực hiện chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ về hỗ trợ phục hồi, phát triển kinh tế sau dịch bệnh, NHNN đã: **(1)** Nỗ lực không tăng các mức lãi suất điều hành để kiềm chế áp lực tăng lãi suất trong nước, hỗ trợ đà phục hồi kinh tế; **(2)** Can thiệp bán ngoại tệ để giảm bớt các biến động quá mức trên thị trường ngoại tệ do tác động bất lợi từ thị trường thế giới, đồng thời đáp ứng các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế; **(3)** Điều hành linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở để điều tiết thanh khoản phù hợp, hỗ trợ ổn định mặt bằng lãi suất trong nửa đầu năm và hỗ trợ ổn định thị trường ngoại tệ khi áp lực tăng cao.

Từ tháng 9, thị trường tài chính tiền tệ trong và ngoài nước đối mặt với những áp lực lớn chưa từng có trong nhiều thập kỷ: lạm phát một số nước chủ chốt lên mức cao

nhất trong 40 năm, lãi suất thế giới tăng mạnh vượt kỳ vọng, đồng USD tăng lên mức kỷ lục trong vòng 20 năm, áp lực lạm phát trong nước liên tục gia tăng rõ rệt hơn, thị trường tiền tệ, ngoại hối trong nước chịu tác động cộng hưởng của các sự kiện, diễn biến bất lợi trong và ngoài nước. Để ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, ổn định thị trường tiền tệ và an toàn hệ thống các TCTD, NHNN đã: **(1)** Điều chỉnh lãi suất điều hành trong tháng 9 và tháng 10, phù hợp với xu hướng chung tăng lãi suất trên toàn thế giới để ưu tiên kiểm soát lạm phát, giữ ổn định tỷ giá, tạo dư địa thích ứng với các biến động trên thị trường, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô; đồng thời, chỉ đạo TCTD tiếp tục chủ động cân đối khả năng tài chính, tiết giảm chi phí hoạt động, để có dư địa phần đầu giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ và đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn. **(2)** Điều hành linh hoạt tỷ giá trung tâm, điều chỉnh tăng biên độ tỷ giá từ $\pm 3\%$ lên $\pm 5\%$ để tăng thêm sự linh hoạt cho tỷ giá, tạo dư địa hấp thụ các biến động phức tạp từ thị trường quốc tế; **(3)** Tăng cường các nghiệp vụ đảm bảo thanh khoản thị trường tiền tệ, an toàn hệ thống các TCTD dưới tác động của các diễn biến bất lợi, hỗ trợ ổn định thị trường ngoại tệ.

Thứ hai, triển khai các giải pháp nhằm cung ứng vốn tín dụng cho các hoạt động kinh tế, quyết liệt triển khai Chương trình phục hồi và phát triển KT - XH: NHNN điều hành tăng trưởng tín dụng đảm bảo cung ứng vốn tín dụng đầy đủ và kịp thời cho các nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nền kinh tế nhưng không chủ quan với rủi ro lạm phát; tiếp tục điều hành các giải pháp tín dụng gắn tăng trưởng đi đôi với chất lượng tín dụng; tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; triển khai nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, góp phần hạn chế tín dụng đen.

Bên cạnh đó, NHNN quyết liệt triển khai các giải pháp, mục tiêu đề ra tại Chương trình phục hồi và phát triển KT - XH như: triển khai gói hỗ trợ lãi suất 2%/năm từ nguồn NSNN thông qua hệ thống các NHTM; ban hành và triển khai chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện thông qua NHCSXH; tái cấp vốn cho NHCSXH để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất cho người lao động... Đồng thời, NHNN thường xuyên rà soát, điều chỉnh để các biện pháp, chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thiết thực, dễ tiếp cận, đi vào đời sống.

Thứ ba, tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả công tác cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu, kết hợp tăng cường công tác thanh tra, giám sát, cảnh báo rủi ro; từ đó nâng cao vai trò trung gian tài chính của hệ thống TCTD trong cung ứng vốn và dịch vụ cho nền kinh tế đi đôi với đảm bảo an toàn hệ thống. Theo đó, NHNN đã chỉ đạo TCTD củng cố, chấn chỉnh toàn diện các mặt tài chính, quản trị, xử lý nợ xấu, tăng cường các biện pháp kiểm soát nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh, tăng cường tính minh bạch trong hoạt động. Nhờ đó, sự ổn định, an toàn của hệ thống TCTD tiếp tục được giữ vững; năng lực tài chính, chất lượng quản trị điều hành từng bước cải thiện, tiệm cận thông lệ quốc tế.

Thứ tư, TTKDTM được đẩy mạnh, chuyển đổi số trong hệ thống ngân hàng được tăng cường thông qua đổi mới, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin qua đó nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường an ninh, an toàn và bảo mật hoạt động ngân hàng, phát huy hiệu quả vai trò huyết mạch cung cấp vốn cho nền kinh tế. Ngoài ra, để tạo điều kiện cho TCTD giảm phí dịch vụ, hỗ trợ khách hàng khắc phục khó khăn do dịch COVID-19, NHNN tiếp tục kéo dài thời gian áp dụng chính sách giảm phí thanh toán trong nước qua Hệ thống TTĐTLNH, giảm phí khai thác thông tin tín dụng... NHNN cũng đẩy mạnh việc nghiên cứu, hoàn thiện khung khổ pháp lý nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực ngân hàng, phát triển thanh toán không dùng tiền mặt như hướng dẫn TCTD triển khai việc mở tài khoản, phát hành thẻ bằng phương thức điện tử eKYC, thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ - Mobile Money...

Thứ năm, NHNN tiếp tục triển khai có hiệu quả và đồng bộ các giải pháp điều hành quản lý thị trường vàng; triển khai quyết liệt cải cách hành chính, minh bạch hóa thông tin; đẩy mạnh công tác truyền thông; đổi mới và hoàn thiện công tác thống kê, tổ chức, đào tạo, nghiên cứu khoa học, giám sát tài chính... Đồng thời, NHNN tiếp tục phát triển, mở rộng quan hệ song phương, đa phương với NHTW các nước, các tổ chức tài chính quốc tế để nhận được sự ủng hộ, hỗ trợ và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Như vậy, mặc dù kinh tế thế giới năm 2022 biến động phức tạp nhất trong nhiều năm nhưng với việc phối hợp đồng bộ, linh hoạt các công cụ, biện pháp CSTT và hoạt động ngân hàng, thích ứng kịp thời với diễn biến, tình hình, NHNN đã góp phần vào kết quả tích cực trong điều hành vĩ mô của Chính phủ năm 2022: kinh tế phục hồi tốt với tốc độ tăng trưởng đạt 8,02%; lạm phát được kiểm soát ở mức 3,15%; ổn định kinh tế vĩ mô, an toàn hệ thống các TCTD được giữ vững; đồng Việt Nam diễn biến tương đối ổn định so với các đồng tiền trong khu vực; tỷ lệ nợ xấu nội bảng được kiểm soát dưới 2%. Kết quả này tiếp tục củng cố khả năng chống chịu của nền kinh tế trước các khó khăn, bất lợi vẫn còn rất lớn trong năm 2023 và những năm tiếp theo./.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



NGUYỄN THỊ HỒNG

CÁC VỤ, CỤC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

<i>Vụ Chính sách tiền tệ</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc quyết định việc sử dụng công cụ thực hiện CSTT quốc gia, bao gồm tái cấp vốn, lãi suất, tỷ giá hối đoái, DTBB, nghiệp vụ thị trường mở, phát hành tín phiếu NHNN và các công cụ, biện pháp khác để thực hiện CSTT quốc gia.
<i>Vụ Quản lý ngoại hối</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngoại hối, hoạt động ngoại hối và hoạt động kinh doanh vàng theo quy định của pháp luật.
<i>Vụ Thanh toán</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực thanh toán trong nền kinh tế quốc dân và hoạt động ngân hàng số theo quy định của pháp luật.
<i>Vụ Tín dụng các ngành kinh tế</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tín dụng ngân hàng đối với các ngành kinh tế theo quy định của pháp luật.
<i>Vụ Dự báo, thống kê</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về thống kê; tổ chức hoạt động thống kê ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật; thực hiện công tác dự báo về tiền tệ và ngân hàng.
<i>Vụ Hợp tác quốc tế</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về hợp tác và hội nhập quốc tế thuộc phạm vi quản lý của NHNN theo quy định của pháp luật.
<i>Vụ Ổn định tiền tệ - tài chính</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác ổn định hệ thống tiền tệ, tài chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN.
<i>Vụ Kiểm toán nội bộ</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát nội bộ NHNN.
<i>Vụ Pháp chế</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng, ngoại hối và tổ chức thực hiện công tác pháp chế của NHNN theo quy định pháp luật.
<i>Vụ Tài chính - Kế toán</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý về tài chính, kế toán, đầu tư xây dựng công trình của NHNN; quản lý nhà nước về kế toán, tài chính, đầu tư xây dựng công trình của NHNN.
<i>Vụ Tổ chức cán bộ</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc, Ban Cán sự Đảng NHNN thực hiện quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, chế độ tiền lương, công tác cán bộ, công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của NHNN theo quy định của pháp luật; quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Vụ Thi đua - khen thưởng	Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
Vụ Truyền thông	Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động truyền thông ngành Ngân hàng liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của NHNN; thực hiện trách nhiệm của cơ quan chủ quản báo chí đối với các cơ quan báo chí thuộc NHNN theo quy định của pháp luật.
Văn phòng	Tham mưu, giúp Thống đốc trong công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động ngân hàng; công tác Quốc hội; công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại NHNN; thực hiện công tác cải cách hành chính của NHNN; quản lý hoạt động văn thư, lưu trữ tại NHNN.
Cục Công nghệ thông tin	Giúp Thống đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực công nghệ thông tin trong phạm vi toàn ngành Ngân hàng và triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin trong NHNN.
Cục Phát hành và Kho quỹ	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chức năng NHTW về lĩnh vực phát hành và kho quỹ theo quy định của pháp luật.
Cục Quản trị	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý về tài sản công (không bao gồm tài sản đã giao đơn vị sự nghiệp tự chủ) được Thống đốc giao và công tác quản trị, phục vụ hậu cần của NHNN trên địa bàn thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh gồm: quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật, bảo vệ, an ninh, trật tự an toàn cơ quan, chăm lo đời sống, sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.
Sở Giao dịch	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện các nghiệp vụ NHTW.
Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Đơn vị tương đương Tổng cục, trực thuộc NHNN, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước đối với các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giám sát ngân hàng, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, phòng, chống rửa tiền, bảo hiểm tiền gửi; tiến hành thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và giám sát ngân hàng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN; thực hiện phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật và phân công của Thống đốc.
Các chi nhánh tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối trên địa bàn và thực hiện một số nghiệp vụ NHTW theo ủy quyền của Thống đốc.

CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VÀ ĐƠN VỊ DO THỐNG ĐỐC QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP

Viện Chiến lược ngân hàng

Nghiên cứu và xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Ngân hàng phục vụ quản lý nhà nước của NHNN; tổ chức nghiên cứu, triển khai và quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam

Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc NHNN, thực hiện chức năng thu thập, xử lý, phân tích, lưu trữ thông tin tín dụng, đăng ký tín dụng; chấm điểm, xếp hạng tín dụng pháp nhân và thể nhân trên lãnh thổ Việt Nam; cung ứng sản phẩm dịch vụ thông tin tín dụng nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro tín dụng và phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của NHNN theo quy định của pháp luật.

Thời báo Ngân hàng

Là cơ quan ngôn luận, diễn đàn về xã hội và hoạt động ngân hàng, có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và hoạt động của ngành Ngân hàng theo quy định của NHNN và của pháp luật.

Tạp chí Ngân hàng

Là cơ quan ngôn luận và diễn đàn về lý luận nghiệp vụ, khoa học và công nghệ ngân hàng; có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, hoạt động ngân hàng và những thành tựu về khoa học, công nghệ của ngành Ngân hàng và lĩnh vực liên quan theo quy định của NHNN và của pháp luật.

Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của NHNN và của ngành Ngân hàng.

Học viện Ngân hàng

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ở trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học về lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng và các ngành, chuyên ngành khác khi được cấp có thẩm quyền quy định.

Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng ở bậc đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học, tư vấn về lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng và các ngành nghề khác khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

Phần I - Kinh tế thế giới và Việt Nam

1. Tổng quan kinh tế thế giới

Năm 2022, đại dịch COVID-19 được kiểm soát cơ bản trên thế giới nhưng vẫn diễn biến phức tạp ở một số quốc gia và vùng lãnh thổ; xung đột địa chính trị bùng phát và kéo dài làm trầm trọng hơn tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, đẩy giá hàng hóa quốc tế leo thang...¹ Bối cảnh này tạo ra những thách thức rất lớn đối với nền kinh tế toàn cầu mới phục hồi sau đại dịch, kinh tế thế giới đối mặt với nhiều diễn biến phức tạp chưa từng có trong nhiều năm như: lạm phát tăng cao nhất trong nhiều thập kỷ, CSTT thắt chặt với lãi suất tăng nhanh và mạnh tại nhiều nước, tăng trưởng kinh tế thế giới chậm lại do điều kiện tiền tệ thắt chặt, thách thức về đảm bảo an sinh xã hội gia tăng tại nhiều nước do lạm phát cao, nhiều đồng tiền mất giá mạnh so với USD² tiềm ẩn rủi ro bất ổn vĩ mô, tài chính. Hàng loạt NHTW trên thế giới thắt chặt CSTT quyết liệt hơn, phát tín hiệu cứng rắn trong kiểm soát lạm phát, đồng thời bán ngoại tệ can thiệp để bảo vệ giá trị đồng bản tệ, ổn định vĩ mô.

1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới

Theo thống kê của IMF,³ tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2022 ở mức 3,5% (2021: 6,3%); lạm phát toàn cầu tăng cao, từ mức 4,7% năm 2021 lên mức 8,7% năm 2022.

Kinh tế Mỹ giảm tốc với mức tăng trưởng 2,1% - thấp hơn nhiều so với mức 5,9% năm 2021 do hệ quả từ việc lạm phát tăng cao dai dẳng, các gói kích thích kinh tế chấm dứt và chính sách tăng lãi suất của Fed. Mặc dù vậy, thị trường lao động Mỹ vẫn duy trì tích cực, tỷ lệ thất nghiệp ở mức 3,6% - thấp hơn mức tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên và thấp nhất kể từ đầu đại dịch. Thâm hụt ngân sách kết thúc năm tài khóa giảm mạnh ở mức 6,5% GDP (2021: 11,4% GDP). Nợ công giảm từ mức 126,4% GDP năm 2021 xuống mức 121,7% GDP năm 2022. Lạm phát

“

Kinh tế thế giới năm 2022 tăng chậm lại, lạm phát tăng mạnh, CSTT thắt chặt.

¹ Bình quân năm 2022 so với năm 2021, giá lương thực, thực phẩm FAO tăng 14,3%; giá dầu WTI tăng 39,6%.

² Nhân dân tệ giảm 9,5%, Won Hàn Quốc giảm 6,8%, Baht Thái giảm 4,1%, Yên Nhật giảm 16%.

³ Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 10/2023, IMF.

Mỹ tăng cao nhất trong hơn 40 năm qua, ở mức 8,0% (2021: 4,7%).

Kinh tế khu vực đồng Euro tăng trưởng chậm lại với mức tăng 3,3% (2021: 5,6%) do sự sụt giảm nhu cầu tiêu dùng và đầu tư trong bối cảnh lạm phát tăng cao. Trong số các nền kinh tế lớn, kinh tế Tây Ban Nha đạt mức tăng cao nhất 5,8% (2021: 6,4%); Italy tăng 3,7% (2021: 7,0%); Pháp tăng 2,5% (2021: 6,4%); Đức tăng 1,8% (2021: 3,2%). Nợ công toàn khu vực giảm từ 94,8% GDP năm 2021 xuống 90,9% GDP năm 2022. Lạm phát toàn khu vực tăng cao kỷ lục lên mức 8,4% trong năm 2022 (2021: 2,6%). Thị trường lao động toàn khu vực phục hồi mạnh mẽ; tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống mức 6,7% (2021: 7,7%) - mức thấp nhất trong nhiều thập kỷ qua do nhu cầu lao động tăng lên khi kinh tế phục hồi.

Kinh tế Nhật Bản tăng trưởng 1,0% (2021: 2,2%). Nợ công ở mức 260,1% GDP (2021: 255,1% GDP). Tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức thấp - khoảng 2,6% (2021: 2,8%). Lạm phát ở mức 2,5% (2021: -0,2%).

Các nước mới nổi và đang phát triển tăng trưởng 4,1% (2021: 6,9%). Khối các nước BRICS đều đạt mức tăng trưởng thấp hơn so với cùng kỳ năm 2021, trong đó tăng trưởng của nền kinh tế thứ hai thế giới - Trung Quốc chỉ đạt 3% (2021: 8,5%) - thấp hơn so với mục tiêu 5,5% và đánh dấu lần đầu tiên sau 40 năm GDP của Trung Quốc không đạt được mức trung bình toàn cầu do tác động nghiêm trọng của đại dịch COVID-19 và bất ổn từ thị trường bất động sản. Các nước Ấn Độ, Nga, Brazil và Nam Phi lần lượt tăng 7,2%; -2,1%; 2,9% và 2,1% (2021: lần lượt 9,1%; 5,6%; 5,0% và 4,9%). Nhóm các nước ASEAN-5⁴ tăng trưởng 5,5% (2021: 4,0%) trong đó tất cả các nền kinh tế đều có mức tăng trưởng khá (Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam lần lượt tăng 5,3%; 8,7%; 7,6%; 2,6% và 8,02%). Lạm phát trung bình của nhóm các nước mới nổi và đang phát triển cũng tăng nhanh từ mức 5,9% năm 2021 lên mức 9,8% năm 2022; trong đó lạm phát nhóm các nước ASEAN-5 là 4,8% (2021: 2,0%).

Thương mại toàn cầu giảm tốc, chỉ tăng 5,1% sau đà tăng bất phá năm ngoái (2021: 10,9%) trong bối cảnh giá hàng hóa tăng cao, căng thẳng địa chính trị gia tăng, tình

⁴ Gồm: Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan, Việt Nam.

trạng đứt gãy chuỗi cung ứng tiếp tục diễn ra và Trung Quốc thực hiện chính sách Zero-COVID.

1.2. Điều hành CSTT của một số quốc gia

Với ưu tiên hàng đầu là kiểm soát lạm phát, xu hướng thắt chặt CSTT khởi động từ năm 2021 được các NHTW triển khai mạnh mẽ trong năm 2022. Tính chung cả năm, trên 70 NHTW tăng lãi suất, 367 lượt tăng với mức độ và tần suất nhanh nhất từ trước đến nay. Đồng USD tăng giá mạnh trên thị trường toàn cầu, chỉ số USD thế giới có thời điểm vượt ngưỡng 115 điểm - là mức cao nhất trong 20 năm gần đây, dòng vốn có xu hướng dịch chuyển khỏi các thị trường mới nổi. Trước xu thế đó, bên cạnh việc tăng mạnh lãi suất và phát tín hiệu cứng rắn kiểm soát lạm phát, nhiều NHTW tại cả nước phát triển và đang phát triển đã bán ngoại tệ can thiệp thị trường để bảo vệ giá trị đồng bản tệ, ổn định vĩ mô. Theo số liệu của IMF, dự trữ ngoại hối của thế giới từ đầu năm đến quý III/2022 đã giảm khoảng 1,3 nghìn tỷ USD - mức giảm mạnh nhất kể từ năm 2020.

Đối với các nước phát triển, tần suất và mức độ tăng lãi suất diễn ra mạnh mẽ. Fed tăng lãi suất nhanh nhất trong 40 năm trở lại đây, với 07 lần điều chỉnh tăng liên tục trong năm 2022 từ mức 0-0,25%/năm lên 4,25-4,5%/năm. Trong tháng 6/2022, ECB đã quyết định chấm dứt chương trình mua tài sản, nới lỏng định lượng được duy trì từ cuộc khủng hoảng nợ công, mở đường cho việc tăng lãi suất lần đầu tiên sau 11 năm với 4 lần tăng trong nửa cuối năm 2022. Một số các nền kinh tế phát triển khác cũng trong xu hướng thắt chặt tiền tệ như: Anh, Canada, Úc,... Trong số các nước phát triển, Nhật Bản là nước duy nhất vẫn duy trì chính sách nới lỏng tiền tệ để thúc đẩy tăng trưởng trong bối cảnh kinh tế phục hồi chậm, tuy nhiên NHTW Nhật Bản cũng lần đầu tiên sau nhiều năm phải bán can thiệp ngoại tệ để ổn định thị trường ngoại hối.

Đối với các nước mới nổi và đang phát triển, áp lực mất giá đồng nội tệ so với USD cùng với giá thế giới leo thang khiến lạm phát liên tục tăng tại nhiều nước, trong khi đó, dòng vốn rút ra quy mô lớn tiềm ẩn rủi ro bất ổn vĩ mô, tài chính tại các quốc gia này. Do đó, xu hướng tăng lãi suất, kết hợp với bán can thiệp ngoại tệ cũng diễn ra tại nhiều NHTW để kiểm soát lạm phát, hạn chế đà giảm

“

Nhằm ứng phó với tình trạng lạm phát leo thang, NHTW các nước thắt chặt CSTT quyết liệt, phát tín hiệu cứng rắn trong kiểm soát lạm phát và bán ngoại tệ can thiệp thị trường để bảo vệ giá trị đồng bản tệ trước các áp lực biến động mạnh.

giá của đồng nội tệ so với USD. Tại ASEAN, Indonesia tăng lãi suất 5 lần từ 3,5% lên 5,5%; Malaysia tăng 4 lần từ 1,75% lên 2,75%; Philippines tăng 7 lần từ 2% lên 5,5%; Thái Lan tăng 2 lần lãi suất repo từ 0,5% lên 1%. Trái với xu hướng đó, NHTW Trung Quốc thực hiện giảm lãi suất điều hành và giảm tỷ lệ DTBB nhằm hỗ trợ nền kinh tế trong giai đoạn áp dụng chính sách Zero-COVID và tác động từ các vấn đề tiêu cực trên thị trường bất động sản lên nền kinh tế.

2. Tổng quan kinh tế Việt Nam

Năm 2022, nền kinh tế mở cửa trở lại sau đại dịch, các hoạt động kinh tế phục hồi. Cùng với việc ban hành nghị quyết về Kế hoạch phát triển KT - XH năm 2022, Quốc hội, Chính phủ đã khẩn trương ban hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP triển khai Chương trình phục hồi và phát triển KT - XH giai đoạn 2022-2023, đưa ra chương trình tổng thể hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, khôi phục và phát triển kinh tế sau đại dịch. Tuy nhiên, với đặc điểm là nền kinh tế nhỏ có độ mở lớn, đà phục hồi kinh tế gặp nhiều thách thức trước những biến động phức tạp từ thế giới cộng hưởng với các vấn đề nội tại trong nước bộc lộ rõ sau giai đoạn khó khăn vì dịch bệnh. Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự chỉ đạo quyết liệt của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự điều hành linh hoạt của các bộ, ngành, trong đó có NHNN, nhằm tập trung ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi và phát triển KT - XH, nền kinh tế nước ta phục hồi tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo. Môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện góp phần tích cực cho phục hồi và phát triển KT - XH, tạo được sự tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp.

2.1. Tăng trưởng kinh tế

Theo lĩnh vực kinh tế, cả 3 khu vực đều phục hồi; khu vực nông - lâm - thủy sản; công nghiệp và xây dựng có mức tăng cao hơn 02 năm trước; khu vực dịch vụ có mức tăng cao nhất trong 12 năm

Nông - lâm - thủy sản tăng 3,36%, cao hơn mức tăng 3,27% của năm 2021 chủ yếu do sự phục hồi của ngành lâm nghiệp và thủy sản trong khi ngành

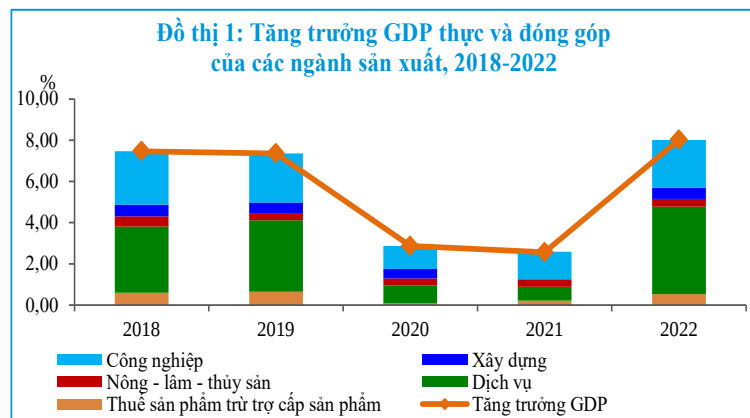


Kinh tế trong nước tăng 8,02% so với năm trước, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022

nông nghiệp chậm lại. Ngành lâm nghiệp tăng 6,13% (2021: 4,62%) do sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm tăng cao. Ngành thủy sản tăng 4,43% (2021: 1,83%) do nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh xúc tiến thương mại và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu khiến xuất khẩu nông sản đạt kết quả ấn tượng (tăng 23,1%). Riêng ngành nông nghiệp tăng 2,88%, thấp hơn mức tăng 3,61% của cùng kỳ chủ yếu do diện tích gieo trồng và sản lượng giảm.

Công nghiệp tăng 7,69%, cao hơn mức 4,47% năm 2021. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo duy trì vai trò là động lực tăng trưởng quan trọng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 8,10% (2021: 6,05%). Ngành khai khoáng phục hồi tăng 5,19% sau thời gian dài tăng trưởng âm từ năm 2016 do sản lượng khai thác than tăng 4,7% và khí đốt thiên nhiên dạng khí tăng 8,3%.

do các hoạt động kinh tế khôi phục trở lại sau 02 năm chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh COVID-19. Về phía sản xuất, sự phục hồi diễn ra ở cả 03 khu vực, đặc biệt khu vực dịch vụ có mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Về phía cầu, tiêu dùng, đầu tư đều phục hồi, xuất khẩu ròng có đóng góp dương vào tăng trưởng kinh tế.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, tính toán của NHNN

Xây dựng tăng mạnh 8,17% sau khi giảm 0,34% năm 2021. Tương ứng với tăng trưởng của ngành xây dựng, tổng vốn đầu tư toàn xã hội phục hồi ở mức 11,2% (2021: 3,3%).

Dịch vụ khôi phục mạnh mẽ với tốc độ tăng 9,99%, cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Một số ngành dịch vụ thị trường tăng cao, đóng góp lớn vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như sau: Ngành bán buôn, bán lẻ tăng 10,15% so với năm trước, đóng góp 0,97 điểm phần trăm; ngành vận tải kho bãi tăng 11,93%, đóng góp 0,69 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng cao nhất trong khu vực dịch vụ với mức tăng 40,61%, đóng góp 0,79 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm

tăng 9,03%, đóng góp 0,53 điểm phần trăm; ngành thông tin và truyền thông tăng 7,80%, đóng góp 0,5 điểm phần trăm.

Tiêu dùng, đầu tư đều phục hồi, xuất khẩu ròng có đóng góp dương vào tăng trưởng kinh tế

Tiêu dùng cuối cùng tăng trưởng mạnh sau 02 năm bị tác động tiêu cực bởi dịch COVID-19, tăng 7,18% - cao nhất trong giai đoạn 2016-2022, chủ yếu do sự phục hồi của tiêu dùng tư nhân, tăng 7,79% (2021: 1,95%), trong khi tiêu dùng Nhà nước chậm lại ở mức 3,62% (2021: 4,66%).

Tổng tích lũy tài sản tăng 5,75%, cao hơn mức tăng của 02 năm trước, tương ứng với việc tổng vốn đầu tư toàn xã hội phục hồi ở mức 11,2%. Trong đó, khu vực Nhà nước tăng 14,6%, khu vực ngoài Nhà nước tăng 8,9%, khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 13,9% (năm 2021 lần lượt là -2,1%; 7,1%; -1,1%).

Xuất khẩu ròng có đóng góp dương (2,62 điểm phần trăm) vào tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh cả xuất và nhập khẩu đều tăng chậm, nhưng nhập khẩu tăng chậm hơn xuất khẩu. Cụ thể, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 4,74% (2021: 13,85%) trong bối cảnh cầu nước ngoài thấp, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 2,77% (2021: 15,83%).

2.2. Lao động, thu nhập, năng suất

Theo Tổng cục Thống kê, tính chung năm 2022, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 51,7 triệu người, tăng 1,1 triệu người so với năm trước gồm: Lao động nam 27,5 triệu người, chiếm 53,2%; lao động nữ là 24,2 triệu người, chiếm 46,8%. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động ước tính là 2,32% (trong đó quý IV/2022 là 2,32%, tăng 0,04 điểm phần trăm so với quý trước; 2021: 3,2%), trong đó tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 2,79% (2021: 4,33%), khu vực nông thôn là 2,03% (2021: 2,5%). Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) năm 2022 ước tính là 7,72% (2021: 8,55%), trong đó khu vực thành thị là 9,7% (2021: 11,91%); khu vực nông thôn là 6,68% (2021: 6,76%). Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động tăng 2,21% (trong đó quý IV/2022 là 1,98%, tăng 0,06 điểm phần trăm so với quý trước; 2021: 3,1%).



Tình hình lao động, việc làm năm 2022 phục hồi tích cực nhưng có xu hướng tăng chậm lại trong quý IV/2022 khi nền kinh tế chịu tác động tiêu cực từ những khó khăn của tăng trưởng kinh tế toàn cầu, số lượng đơn hàng bị cắt giảm mạnh vào dịp cuối

Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2022 theo giá hiện hành ước tính đạt 188,1 triệu đồng/lao động (tương đương 8.083 USD/lao động, tăng 622 USD so với năm 2021). Theo giá so sánh, năng suất lao động năm 2022 tăng 4,8% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2022 đạt 26,2%, cao hơn 0,1 điểm phần trăm so với năm 2021).

GDP bình quân đầu người năm 2022 theo giá hiện hành ước đạt 95,6 triệu đồng/người, tương đương 4.110 USD, tăng 393 USD so với năm 2021. Tính chung năm 2022, thu nhập bình quân tháng của lao động làm công hưởng lương ước tính là 7,5 triệu đồng/tháng, tăng 992 nghìn đồng so với năm trước. Lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được giữ ở mức 1,49 triệu đồng/tháng kể từ ngày 01/7/2019 theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 trong giai đoạn 2020-2022. Lương tối thiểu vùng sau khi không điều chỉnh tăng trong 02 năm 2020-2021, ngày 12/6/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38/2022/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, theo đó, mức lương của người lao động được phân theo 04 vùng, tương ứng 4,68 triệu đồng/tháng; 4,16 triệu đồng/tháng; 3,64 triệu đồng/tháng và 3,25 triệu đồng/tháng.

2.3. Diễn biến lạm phát

Lạm phát năm 2022 chịu nhiều áp lực từ diễn biến phức tạp, khó lường của thị trường quốc tế và trong nước. Giá năng lượng, hàng hóa cơ bản... toàn cầu tăng mạnh đã ảnh hưởng tiêu cực đến giá hàng hóa trong nước của Việt Nam; cùng với nhu cầu sản xuất, tiêu dùng trong nước phục hồi sau giai đoạn dịch COVID-19 khiến lạm phát diễn biến theo xu hướng tăng (lạm phát so với cùng kỳ tăng nhanh từ mức 1,94% trong tháng 01/2022 lên mức 4,55% trong tháng 12/2022). Mặc dù áp lực gia tăng nhưng tính chung cả năm, lạm phát trong tầm kiểm soát, bình quân là 3,15% - phù hợp với mục tiêu. Các yếu tố chủ yếu giúp Việt Nam kiểm soát thành công lạm phát năm 2022 trong bối cảnh lạm phát thế giới tăng nhanh gồm: (1) Nguồn cung hàng hóa, đặc biệt là mặt hàng lương thực, thực phẩm trong nước được bảo đảm, giá thịt lợn bình quân năm 2022 giảm 10,68% so với năm 2021, đã giúp kiềm chế

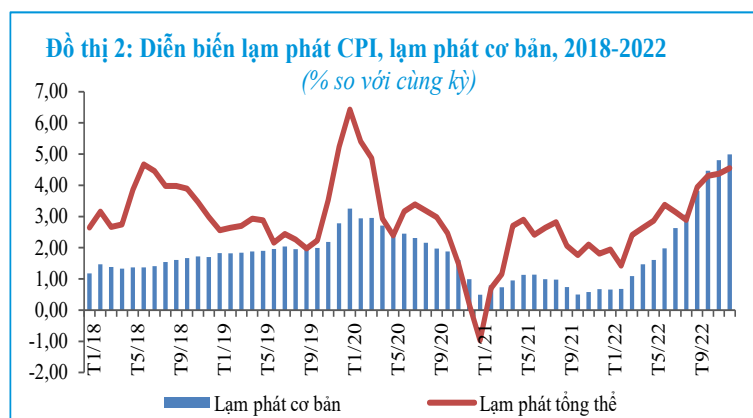
năm. Thu nhập bình quân tháng của lao động làm công hưởng lương tăng so với năm trước.

“

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2022 tăng 3,15%, phù hợp với mục tiêu Quốc hội đề ra trong bối cảnh chịu nhiều áp lực và biến động khó lường từ thế giới. Lạm phát cơ bản bình quân ở mức 2,59% - thấp hơn so với lạm phát chung cho thấy giá nhiên liệu tăng cao là

nguyên nhân chính trong mức tăng lạm phát CPI chung.

tốc độ tăng giá của nhóm Thực phẩm ở mức 1,62% - thấp nhất kể từ năm 2018 (ngoại trừ năm 2021, giá giảm do ảnh hưởng của dịch COVID-19); (2) Chính phủ hoãn lộ trình điều chỉnh giá một số hàng hóa, dịch vụ Nhà nước quản lý (điện, y tế, giáo dục...) nhằm tiếp tục hỗ trợ người dân, doanh nghiệp; (3) Thực hiện đồng bộ các giải pháp về thuế, nguồn cung, hỗ trợ giá... nhằm giảm bớt áp lực lạm phát như: giảm thuế giá trị gia tăng đối với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ từ 10% xuống 8% từ ngày 01/02/2022; giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022; giảm mức thu 37 khoản phí, lệ phí trong 6 tháng đầu năm 2022; giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu... (4) Việc điều hành CSTT chủ động, linh hoạt, thận trọng và kịp thời của NHNN, cùng với sự kiên định và thành công của Chính phủ trong việc đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát những năm gần đây đã giúp kiềm chế áp lực tăng kỳ vọng lạm phát của nền kinh tế. Các yếu tố này đã triệt tiêu tác động tăng cao 11,27% của nhóm Giao thông do giá nhiên liệu thế giới tăng mạnh.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Lạm phát cơ bản có xu hướng tăng nhanh trong năm 2022 do giá Nhà ở thuê, Phương tiện đi lại tăng mạnh trở lại, cùng với sự hồi phục mạnh mẽ của cầu tiêu dùng trong nước và tác động của việc tăng giá nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào lên các nhóm hàng hóa khác.⁵ Bình quân cả năm 2022, lạm phát cơ bản là 2,59% - thấp hơn so với

⁵ Lạm phát cơ bản so với cùng kỳ tăng nhanh từ mức 0,66% trong tháng 01/2022 lên mức 4,99% trong tháng 12/2022. Bình quân năm 2022 so với năm 2021, giá Nhà ở thuê tăng 0,72% (năm 2021: giảm 1,41%); giá nhóm hàng Ăn uống ngoài gia đình tăng 4,94% (năm 2021: 2,09%); giá nhóm hàng Phương tiện đi lại cũng tăng trở lại ở mức 1,05% sau khi giảm trong 02 năm 2020-2021...

lạm phát chung, phản ánh giá nhiên liệu là nguyên nhân chính trong mức tăng lạm phát CPI chung.

2.4. Thu chi NSNN

Thu NSNN⁶ tăng 28,6% so với dự toán, đạt khoảng 19,1% GDP (năm 2021: tăng 16,8% so với dự toán và đạt 18,5% GDP). Tiến độ thu NSNN cao ở hầu hết các khoản thu, đặc biệt là các khoản thu từ dầu thô và thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu tăng mạnh so với dự toán. Thu nội địa chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng thu NSNN (khoảng 80%) và vượt dự toán 22,7% (năm 2021: vượt dự toán 15,1%). Thu dầu thô vượt dự toán 176,7% (năm 2021: tăng 92,4% so với dự toán). Thu từ xuất nhập khẩu vượt dự toán 43,4% (năm 2021: tăng 20,9% so với dự toán).

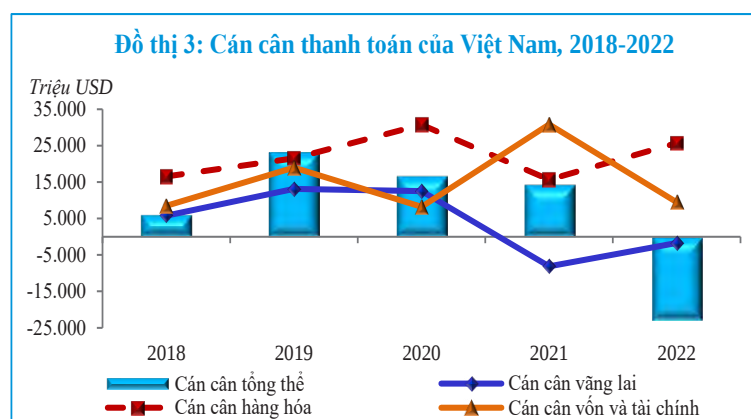
Chi NSNN vượt dự toán Quốc hội 6,1% (năm 2021: vượt dự toán 3%). Trong đó, chi đầu tư phát triển vượt dự toán 16,3% (năm 2021: vượt dự toán 8,1%); chi thường xuyên thấp hơn 0,8% so với dự toán (năm 2021: vượt dự toán 1,7%).

Bội chi NSNN thấp hơn dự toán cả về giá trị tuyệt đối và tương đối, đạt 352.830 tỷ đồng, tương đương 3,71% GDP (năm 2021: bội chi 3,41% GDP).



Thu NSNN cao hơn dự toán do hầu hết các khoản thu tích cực nhờ sự phục hồi kinh tế trong năm 2022, điển hình là các khoản thu từ dầu thô và thu từ xuất nhập khẩu, trong khi chi NSNN thấp hơn dự toán. Tiến độ thu cao hơn tiến độ chi khiến bội chi NSNN được cải thiện so với dự toán.

2.5. Cán cân thanh toán



Nguồn: NHNN

⁶ Số liệu NSNN năm 2022 là số ước thực hiện theo Tờ trình số 46/TTr-BTC trình Chính phủ ngày 31/3/2023 về báo cáo đánh giá bổ sung kết quả thực hiện NSNN năm 2022, tình hình triển khai thực hiện dự toán NSNN năm 2023. Số liệu năm 2021 theo Tờ trình 65/TTr-BTC về báo cáo kết quả thực hiện NSNN năm 2021, tình hình NSNN năm 2022 ngày 30/3/2022. Trên cơ sở nguồn số liệu về NSNN nêu trên, NHNN tự tính toán tỷ lệ thu NSNN/GDP và chi NSNN/GDP sử dụng GDP đã điều chỉnh do Tổng cục Thống kê công bố. Tỷ lệ bội chi NSNN/GDP do Bộ Tài chính công bố.



Cán cân thanh toán tổng thể năm 2022 thâm hụt, đảo chiều so với mức thặng dư 14,3 tỷ USD năm 2021 trong bối cảnh kinh tế thế giới nhiều biến động, đồng USD tăng giá mạnh so với hầu hết các đồng tiền trên thế giới.

Cán cân thanh toán tổng thể thâm hụt khoảng 22,7 tỷ USD, đảo chiều so với mức thặng dư 14,3 tỷ USD của năm 2021. Trong bối cảnh lãi suất trên thị trường quốc tế tăng và đồng USD tăng giá mạnh so với hầu hết các đồng tiền trên thế giới, xu hướng nắm giữ ngoại tệ và gửi tiền ra nước ngoài gia tăng, khiến cán cân tổng thể chuyển sang thâm hụt cao trong năm 2022.

Cán cân vãng lai thâm hụt 1,07 tỷ USD (tương đương 0,26% GDP), cải thiện đáng kể so với mức thâm hụt 8,15 tỷ USD năm 2021 (tương đương 0,37% GDP) nhờ cán cân hàng hoá thặng dư cao và xuất khẩu dịch vụ phục hồi mạnh mẽ sau thời gian dài bị tác động tiêu cực bởi ảnh hưởng của dịch COVID-19. *Cán cân hàng hóa*⁷ thặng dư 25,72 tỷ USD, tăng 64% so với mức thặng dư năm 2021 (15,67 tỷ USD), chỉ thấp hơn mức kỷ lục năm 2020 (29,68 tỷ USD). *Cán cân thương mại*⁸ xuất siêu 12,4 tỷ USD (tương đương 3,3% kim ngạch xuất khẩu), cao gấp 3,7 lần so với mức xuất siêu 3,3 tỷ USD của năm 2021 (tương đương 1% kim ngạch xuất khẩu). Mặc dù năm 2022 ghi nhận tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt mức cao kỷ lục (730,2 tỷ USD), tăng 9,1% so với năm 2021, nhưng tốc độ tăng trưởng của xuất khẩu và nhập khẩu đều thấp hơn số liệu cùng kỳ năm 2021. *Cán cân dịch vụ* thâm hụt 12,6 tỷ USD trong năm 2022, giảm 18% so với mức thâm hụt năm 2021 (15,4 tỷ USD) nhờ các nguồn thu xuất khẩu dịch vụ bắt đầu phục hồi trở lại (xuất khẩu dịch vụ đạt 12,9 tỷ USD, tăng gấp gần 2,5 lần so với mức 5,26 tỷ USD năm 2021; nhập khẩu dịch vụ đạt 25,5 tỷ USD, tăng 23,6% so với năm 2021). *Chuyển giao vãng lai* thặng dư 5,56 tỷ USD, giảm 46,1% so với năm 2021 chủ yếu do chuyển tiền của khu vực tư nhân có nhiều biến động.

Cán cân vốn và tài chính thặng dư 9,5 tỷ USD, thấp hơn so với mức thặng dư năm 2021 (30,8 tỷ USD). FDI ròng đạt 15,23 tỷ USD, giảm nhẹ so với mức 15,28 tỷ USD của năm 2021. *Đầu tư gián tiếp nước ngoài* ròng thặng dư 1,5 tỷ USD, tăng mạnh so với mức thặng dư 281 triệu USD của năm 2021. *Vay nợ nước ngoài* thặng dư 6,07 tỷ USD, tăng 11,6% so với mức thặng dư 5,44 tỷ USD của năm 2021, diễn biến trái chiều theo

⁷ Cán cân hàng hóa là chênh lệch giữa xuất khẩu hàng hóa giá FOB và nhập khẩu hàng hóa giá FOB.

⁸ Cán cân thương mại là chênh lệch giữa xuất khẩu hàng hóa giá FOB và nhập khẩu hàng hóa giá CIF.

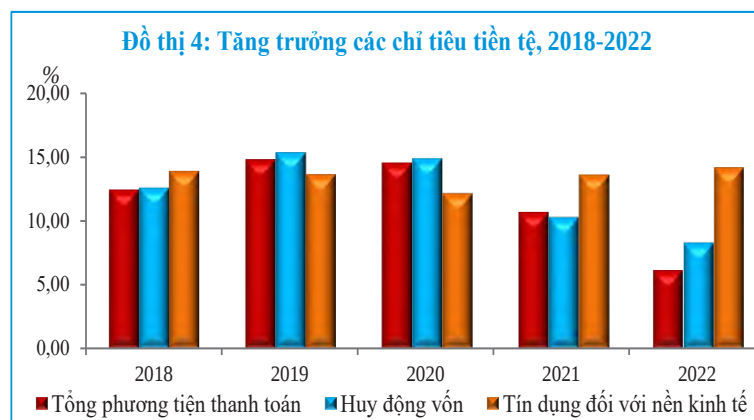
các kỳ hạn. Vay nợ ngắn hạn ròng thặng dư 3,9 tỷ USD, tăng mạnh 48,5% so với mức thặng dư 2,64 tỷ USD của năm 2021. Vay trả nợ nước ngoài trung, dài hạn ròng thặng dư 2,16 tỷ USD, giảm tới 23,1% so với mức thặng dư 2,8 tỷ USD của năm 2021. *Tiền và tiền gửi* thâm hụt 13,4 tỷ USD, đảo chiều so với mức thặng dư lớn 8,06 tỷ USD của năm 2021.

2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ

Diễn biến tiền tệ

Năm 2022, M2 tăng 6,15% so cuối năm 2021, thấp hơn so với mức tăng của năm 2021 (10,66%). Trong bối cảnh trong bối cảnh thị trường tiền tệ, ngoại hối trong nước chịu áp lực rất lớn từ thế giới, nhu cầu nắm giữ ngoại tệ ở mức cao, NHNN phải bán can thiệp ngoại tệ để hạn chế biến động quá mức của tỷ giá, đảm bảo ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Trong khi đó, thu NSNN tốt, giải ngân đầu tư công chậm so với kế hoạch khiến lượng tiền lớn tập trung tại tài khoản của Kho bạc Nhà nước ở hệ thống ngân hàng mà chưa đưa ra được nền kinh tế, là nguyên nhân quan trọng khiến M2 tăng thấp. Yếu tố chủ yếu hỗ trợ tăng trưởng M2 là tín dụng với mức tăng 14,18% (2021: 13,61%) trong điều kiện nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh để phục hồi kinh tế tăng cao.

Huy động vốn của hệ thống ngân hàng giảm tốc liên tục từ năm 2019-2022, huy động vốn ngoại tệ tăng trở lại



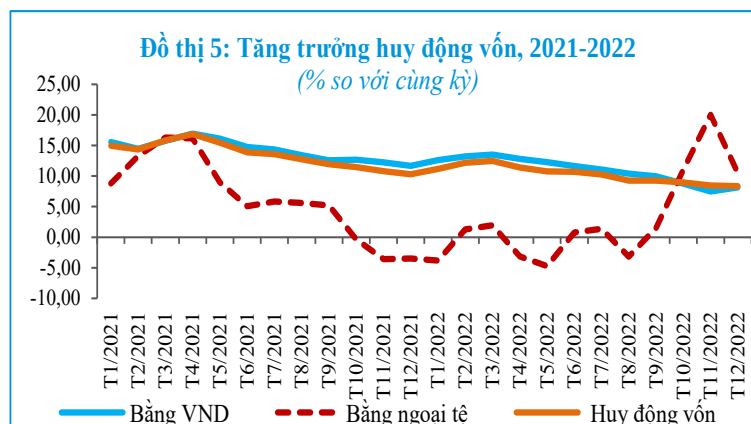
Nguồn: NHNN

Huy động vốn của toàn hệ thống tăng 8,34% so với cuối năm 2021 - giảm tốc liên tục từ năm 2019-2022 (2019: 15,37%; 2020: 14,9%; 2021: 10,3%); trong đó,

“

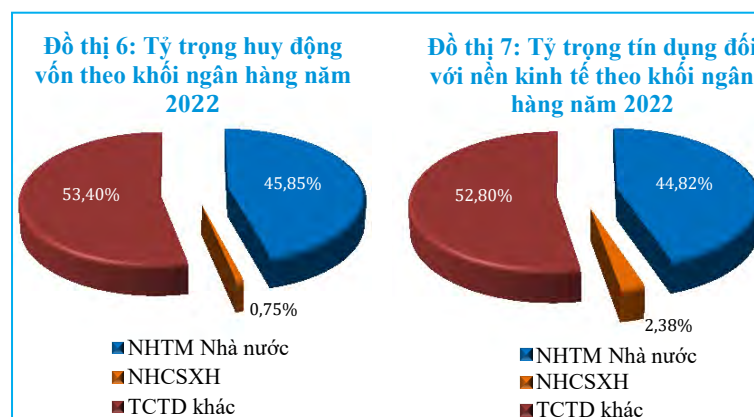
Tổng phương tiện thanh toán tăng thấp trong bối cảnh lượng tiền lớn tập trung tại tài khoản của Kho bạc Nhà nước tại hệ thống ngân hàng mà chưa đưa ra được nền kinh tế, NHNN bán can thiệp để ổn định thị trường ngoại tệ trước các áp lực lớn từ thị trường thế giới. Trong khi đó, tín dụng tăng cao hơn năm 2021 đã góp phần hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế.

huy động VND tăng 8,16% (2021: 11,67%), huy động ngoại tệ tăng 10,5% (2021: -3,5%).



Nguồn: NHNN

Tỷ trọng huy động vốn của nhóm NHTM Nhà nước và NHCSXH tăng, trong khi nhóm TCTD khác giảm⁹: huy động vốn của nhóm NHTM Nhà nước (không bao gồm NHCSXH) chiếm 45,85% huy động toàn hệ thống (2021: 45,53%); NHCSXH chiếm 0,75% huy động toàn hệ thống (2021: 0,67%); nhóm các TCTD khác chiếm 53,4% (2021: 53,8%).



Nguồn: NHNN

Tăng trưởng tín dụng gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, hỗ trợ phục hồi và phát triển KT - XH nhưng không chủ quan với rủi ro lạm phát

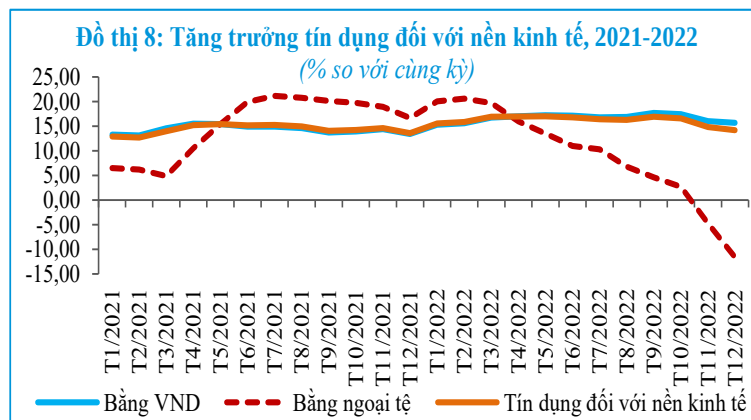
Tín dụng đối với nền kinh tế¹⁰ tăng 14,18% so với cuối năm 2021 (2021: 13,61%); trong đó, tín dụng VND

⁹ Gồm NHTM cổ phần, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, TCTD phi ngân hàng (công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính), QTDND.

¹⁰ Dư nợ tín dụng không bao gồm số dư cấp tín dụng theo hợp đồng nhận ủy thác và số dư trái phiếu đặc biệt VAMC.

tăng 15,71% (2021:13,44%), tín dụng ngoại tệ giảm 11,62% (2021: 16,69%). Tín dụng đối với nền kinh tế tiếp tục được TCTD tập trung phân bổ vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực là động lực tăng trưởng kinh tế, qua đó góp phần kiểm soát lạm phát, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế.

Cơ cấu tín dụng đối với nền kinh tế có xu hướng tăng đối với nhóm TCTD khác và NHCSXH trong khi giảm ở nhóm NHTM Nhà nước: Dư nợ tín dụng của nhóm NHTM Nhà nước (không bao gồm NHCSXH) chiếm 44,82% dư nợ toàn hệ thống (2021: 45,27%); NHCSXH chiếm 2,38% (2021: 2,37%); nhóm các TCTD khác chiếm 52,8% (2021: 52,36%).



Nguồn: NHNN

Diễn biến lãi suất

Lãi suất VND

Mặt bằng lãi suất tiền gửi và cho vay của TCTD có xu hướng tăng trong bối cảnh lãi suất trong nước chịu áp lực tăng từ lãi suất thế giới và lạm phát trong nước gia tăng. Đến cuối năm 2022, lãi suất tiền gửi bằng VND bình quân ở mức 0,2-0,6%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 5,3-5,8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 6,2-7,6%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng; 6,0-7,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 24 tháng và 6,9-7,2%/năm đối với kỳ hạn trên 24 tháng. Lãi suất cho vay bình quân đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 9,0-10,7%/năm; lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng VND đối với một số ngành, lĩnh vực khoảng 4,7%/năm, thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của NHNN (5,5%/

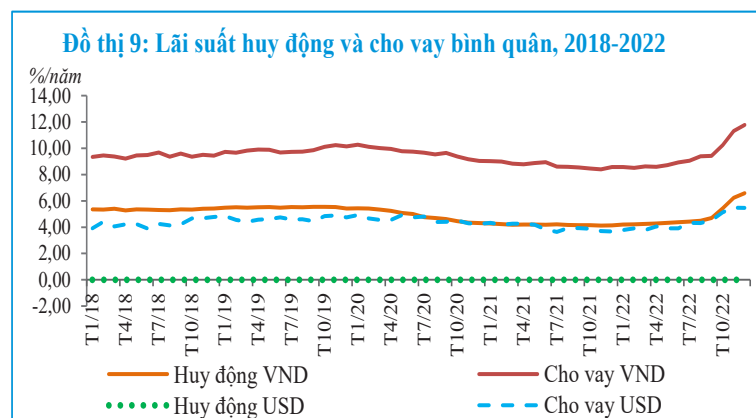
“

Mặt bằng lãi suất thị trường có xu hướng tăng trong bối cảnh lãi suất trong nước chịu áp lực tăng từ lãi suất thế giới và lạm phát trong nước gia tăng.

năm). Theo đó, lãi suất tiền gửi bình quân VND là 5,42%/năm (tăng 1,51%/năm so với cuối năm 2021); lãi suất cho vay VND bình quân là 10,19%/năm (tăng 1,51%/năm so với cuối năm 2021).

Lãi suất USD

Lãi suất USD diễn biến phù hợp với chủ trương của Chính phủ và định hướng điều hành của NHNN về chống Đô-la hóa trong nền kinh tế, hạn chế tình trạng găm giữ ngoại tệ. Đến cuối năm 2022, lãi suất huy động USD của các TCTD ở mức 0%/năm đối với tiền gửi của cá nhân và tổ chức theo quy định của NHNN; lãi suất cho vay USD bình quân của NHTM trong nước đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 3,9-5,4%/năm đối với ngắn hạn và ở mức 5,8-5,9%/năm đối với trung và dài hạn.



Nguồn: NHNN

Thị trường tiền tệ liên ngân hàng

Quy mô thị trường tiền tệ liên ngân hàng tiếp tục mở rộng, đặc biệt là hoạt động cho vay, gửi tiền

“

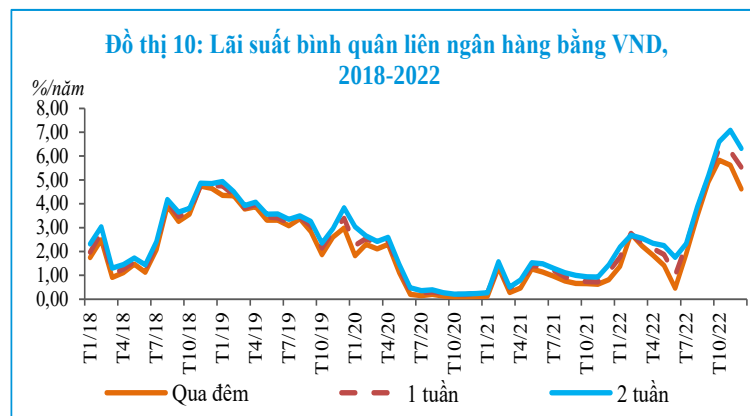
Lãi suất liên ngân hàng tăng do chịu áp lực từ kinh tế thế giới và trong nước, quy mô thị trường liên ngân hàng tiếp tục mở rộng.

Tổng doanh số cho vay, gửi tiền trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng bằng VND đạt 58.194 nghìn tỷ đồng, bằng USD quy đổi VND là 12.527 nghìn tỷ đồng, tăng lần lượt 73% và 59% so với năm 2021. So với hoạt động cho vay, gửi tiền, hoạt động mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các TCTD có quy mô nhỏ hơn với doanh số ở mức 796 nghìn tỷ đồng trong năm 2022.

Xét theo kỳ hạn, các giao dịch trên thị trường liên ngân hàng năm 2022 tiếp tục chủ yếu dưới 1 tháng, tập trung vào kỳ hạn qua đêm, 1 tuần. Doanh số giao dịch qua đêm bằng VND cả năm đạt 50.862 nghìn tỷ đồng, bằng USD quy đổi VND đạt 9.790 nghìn tỷ đồng, lần lượt chiếm 87% và 78% so với tổng doanh số giao dịch cả năm.

Lãi suất liên ngân hàng tăng do chịu áp lực từ kinh tế thế giới và trong nước

Trong nửa đầu năm 2022, lãi suất giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng ở mức tương đối thấp do thanh khoản toàn hệ thống dồi dào. Tuy nhiên, trong nửa cuối năm 2022, lãi suất giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng có xu hướng tăng tương đối mạnh nhằm đối phó với áp lực tăng cao từ thị trường ngoại tệ và xu hướng tăng lạm phát, biến động bất lợi trong nước trong quý IV/2022. Tính bình quân cả năm, lãi suất kỳ hạn qua đêm, 1 tuần và 2 tuần lần lượt là 3,04%, 3,42% và 3,76%/năm.



Nguồn: NHNN

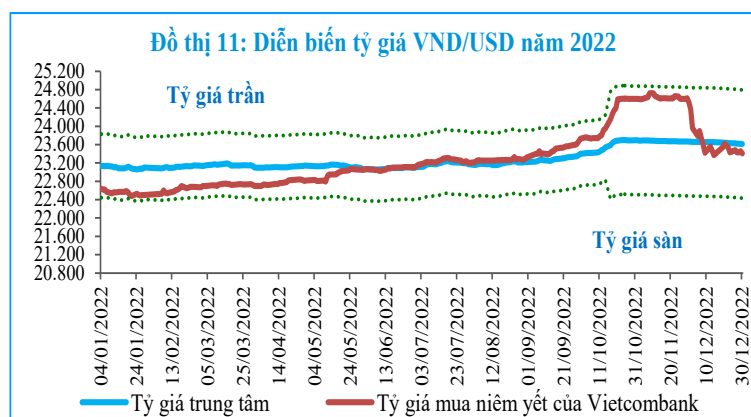
Diễn biến thị trường ngoại tệ

Áp lực từ thị trường thế giới, đặc biệt là việc Fed nâng lãi suất điều hành 7 lần liên tiếp với mức độ ngày càng tăng, lên thị trường ngoại tệ trong nước ở mức cao trong năm 2022. Tỷ giá VND/USD trên thị trường liên ngân hàng tăng nhanh từ mức 22.814 VND/USD lên khoảng 23.900 VND/USD trong tháng 9/2022, tăng 4,75% so với cuối năm 2021. Đặc biệt, từ tháng 10/2022, các thông tin bất lợi về thị trường tài chính, ngân hàng đã tác động tiêu cực đến tâm lý và thanh khoản thị trường khiến tỷ giá VND/USD tăng nhanh. Mặc dù vậy, mức mất giá lớn nhất của VND trong năm 2022 vẫn thấp hơn so với mức mất giá từ 10% đến 30% của các đồng tiền của nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Từ giữa tháng 11/2022, nhờ các biện pháp điều hành CSTT đồng bộ, linh hoạt của NHNN, đặc biệt là việc điều chỉnh biên độ tỷ giá giao ngay, điều chỉnh tỷ giá can thiệp linh hoạt để hạn chế đầu cơ, găm giữ ngoại tệ kết hợp đồng bộ với các giải pháp về điều hành lãi suất, điều tiết thanh khoản



Thị trường ngoại tệ hoạt động thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời; VND là một trong số ít các đồng tiền biến động thấp nhất so với các đồng tiền trong khu vực.

VND và áp lực trên thị trường tài chính quốc tế giảm bớt, thị trường ngoại tệ ổn định trở lại, tỷ giá trên thị trường liên ngân hàng có xu hướng giảm dần về quanh mức 23.600 VND/USD vào cuối năm 2022.



Nguồn: NHNN

Diễn biến giá vàng

“

Giá vàng trong nước biến động mạnh theo diễn biến giá vàng quốc tế nhưng với tốc độ tăng nhanh hơn và giảm chậm hơn, nới rộng mức chênh lệch giữa giá vàng trong nước và quốc tế. Năm 2022 chứng kiến giá vàng quốc tế và trong nước thiết lập mức giá cao nhất trong nhiều năm.

Năm 2022, giá vàng miếng trong nước biến động theo diễn biến giá vàng quốc tế nhưng với tốc độ tăng nhanh hơn và giảm chậm hơn. Đầu năm, giá vàng miếng trong nước bình quân được giao dịch ở mức 61,1 triệu đồng/lượng. Cuối tháng 2, căng thẳng địa chính trị gia tăng, lạm phát thế giới tăng cao, thị trường chứng khoán toàn cầu giảm sút khiến nhu cầu tài sản trú ẩn an toàn gia tăng, đẩy giá vàng thế giới tăng mạnh. Với lực đẩy từ giá vàng thế giới, ngày 08/3/2022, giá vàng trong nước tăng lên mức kỷ lục 73,3 triệu đồng/lượng, tăng 20% so với cuối năm 2021. Từ cuối tháng 9, Fed đẩy mạnh tăng lãi suất khiến đồng USD tăng giá mạnh so với đồng tiền của hầu hết các nền kinh tế trên thế giới, giá vàng trong nước giảm theo giá vàng quốc tế. Ngày 30/12/2022, giá vàng miếng SJC bình quân được giao dịch quanh ngưỡng 66,3 triệu đồng/lượng, giảm 9,5% so với ngày 08/3/2022, tăng 8,5% so với đầu năm 2022; chênh lệch giữa giá vàng trong nước và quốc tế ở mức 13,9 triệu đồng/lượng.

Thị trường chứng khoán

“

Năm 2022 thị trường chứng khoán trải qua một năm đầy

Năm 2022, sau một năm 2021 thăng hoa, chỉ số VN-Index tiếp tục duy trì ở đỉnh cao lịch sử trong 3 tháng đầu năm 2022. Tuy nhiên, sau đó, thị trường liên tục đi xuống và nằm trong số các thị trường giảm sâu nhất thế giới. Ngày 15/11/2022, VN-Index đóng cửa ở mức thấp nhất trong năm, chỉ còn 911,9 điểm, giảm 40,34% so với

mức cao kỷ lục 1.528,57 điểm vào ngày 6/01/2022, giảm 39,13% so với cuối năm trước và giảm 20,23% so với cùng kỳ. Tính đến thời điểm tháng 12/2022, giá trị vốn hóa cổ phiếu trên cả 3 sàn giao dịch (HOSE, HNX, UPCoM) đạt khoảng 5,22 triệu tỷ đồng, tương đương 54,94% GDP¹¹ (2021: 92,47% GDP), riêng sàn HOSE đạt 42,23% (2021: 69,51%). Giá trị giao dịch bình quân trong một phiên trên sàn HOSE và HNX lần lượt đạt 32,56 nghìn tỷ đồng và 1,99 nghìn tỷ đồng, tăng 19,92% trên sàn HOSE và giảm 65,72% trên sàn HNX so với năm 2021.¹² Nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng 13,12 nghìn tỷ đồng chứng khoán, bao gồm cổ phiếu và trái phiếu (năm 2021: bán ròng 4,1 nghìn tỷ đồng).¹³

biến động, tăng trưởng, VN-Index nằm trong danh sách các chỉ số tăng, giảm mạnh nhất thế giới.

2.7. Hoạt động của các TCTD

Đến cuối năm 2022, hệ thống TCTD gồm 04 NHTM do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; 03 NHTM mua bắt buộc; 01 NHCSXH; 01 Ngân hàng Phát triển; 28 NHTMCP; 02 ngân hàng liên doanh; 09 ngân hàng 100% vốn nước ngoài; 50 chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 26 công ty tài chính, cho thuê tài chính; 01 Ngân hàng Hợp tác xã; 1.181 QTDND và 04 tổ chức tài chính vi mô.

Bảng 1: Hệ thống các TCTD của Việt Nam (đến 31/12/2022)

STT	Loại hình TCTD	2021	2022
1	NHTM Nhà nước	4	4
2	Ngân hàng mua bắt buộc	3	3
3	NHCSXH	1	1
4	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	1	1
5	NHTMCP	28	28
6	Ngân hàng liên doanh	2	2
7	Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	9	9
8	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	51	50
9	Công ty tài chính, cho thuê tài chính	26	26
10	Ngân hàng Hợp tác xã	1	1
11	QTDND	1.181	1.181
12	Tổ chức tài chính vi mô	4	4

Nguồn: NHNN

¹¹ Tính toán dựa trên giá trị vốn hóa thị trường chứng khoán do UBCKNN công bố trên cổng thông tin điện tử.

¹² Tính toán dựa trên giá trị giao dịch bình quân do UBCKNN công bố trên cổng thông tin điện tử.

¹³ Số liệu do UBCKNN công bố trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN.

“

Các TCTD tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị điều hành; cải thiện các tỷ lệ đảm bảo an toàn, tăng cường quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật, phù hợp với thông lệ quốc tế. Thanh khoản hệ thống tiếp tục được đảm bảo, chất lượng tín dụng được nâng cao.

Năng lực tài chính của các TCTD tiếp tục được củng cố, quy mô hoạt động tiếp tục tăng

Bảng 2: Thống kê một số chỉ tiêu cơ bản

Loại hình TCTD	Tổng tài sản có		Vốn điều lệ		Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn (%)	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (%)
	Tỷ đồng	± %	Tỷ đồng	± %		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
NHTM Nhà nước	7.679.166	19,03	190.433	5,75	26,17	80,64
NHCSXH	300.553	15,77	22.185	16,63		
NHTMCP	8.000.502	11,86	469.409	19,26	30,71	75,36
Ngân hàng liên doanh, nước ngoài	1.770.764	8,67	146.414	5,66		40,30
Công ty tài chính, cho thuê tài chính	310.877	19,49	39.165	9,17	42,03	
Ngân hàng Hợp tác xã	49.799	1,28	3.030	0,00	16,10	67,67
QTDND	164.241	3,41	6.357	12,33		
Toàn hệ thống	18.275.093	14,50	876.993	13,04	25,56	74,35

Nguồn: NHNN

Ghi chú:

- Số liệu dựa trên Báo cáo cân đối tài khoản kế toán, báo cáo thống kê tháng 12/2022 của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, không bao gồm các Tổ chức tài chính vi mô;
- Khối NHTM Nhà nước bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, NHTMCP Công Thương Việt Nam, NHTMCP Ngoại thương Việt Nam, NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, NHTM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam, NHTM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu, NHTM TNHH MTV Đại Dương;
- Số liệu cột (6), (7) không bao gồm NHCSXH và QTDND (không thuộc đối tượng báo cáo);
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn của khối ngân hàng liên doanh, nước ngoài không có giá trị do khối này không sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn.

Năm 2022, năng lực tài chính của hệ thống TCTD tiếp tục được củng cố, quy mô hoạt động tăng; các giải pháp xử lý nợ xấu được triển khai đồng bộ với các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa nợ xấu mới phát sinh góp phần duy trì tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 2%; năng lực quản trị điều hành, quản lý rủi ro của TCTD từng bước được nâng cao, tiệm cận thông lệ quốc tế và phù hợp với điều

kiện của thị trường Việt Nam; thanh khoản hệ thống duy trì ổn định, các quy định về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn được TCTD chấp hành nghiêm túc; kết quả kinh doanh của các TCTD tiếp tục được cải thiện. Đến cuối năm 2022, tổng tài sản toàn hệ thống đạt 18,28 triệu tỷ đồng, tăng 14,5% so với cuối năm 2021; tổng vốn điều lệ toàn hệ thống đạt 878,1 nghìn tỷ đồng, tăng 13,02% so với cuối năm 2021.

Bảng 3: Tỷ lệ an toàn vốn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

STT	Loại hình TCTD	Vốn tự có		Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (%)
		Tỷ đồng	± %	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 41/2016/TT-NHNN	1.404.901	17,53	11,68
1.1	NHTM Nhà nước	427.931	16,63	9,16
1.2	NHTM cổ phần	726.938	19,19	12,01
1.3	Ngân hàng liên danh, nước ngoài	250.031	14,40	19,16
2	Nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 22/2019/TT-NHNN	159.176	9,16	10,44
2.1	NHTM Nhà nước	127.717	15,67	10,63
2.2	NHTM cổ phần	28.559	16,02	9,63
2.3	Ngân hàng Hợp tác xã	2.900	5,84	10,67
3.	Nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 23/2020/TT-NHNN	54.850	6,44	18,07
3.1	Công ty tài chính, cho thuê tài chính	54.850	6,44	18,07

Nguồn: NHNN

Ghi chú:

- Số liệu dựa trên Báo cáo thống kê tháng 12/2022 của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không bao gồm tổ chức tài chính vi mô);
- Khối NHTM Nhà nước bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, NHTMCP Công Thương Việt Nam, NHTMCP Ngoại thương Việt Nam, NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, NHTM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam, NHTM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu, NHTM TNHH MTV Đại Dương;
- Vốn tự có, tỷ lệ CAR đã loại bỏ các TCTD có Vốn tự có âm;

Trong năm 2022, các TCTD đã tập trung xây dựng phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu, khắc phục các tồn tại, hạn chế, nâng cao năng lực tài chính, quản trị của TCTD theo quy định pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế. Đến cuối năm 2022, ROA và ROE toàn hệ thống lần lượt là 1,38% và 15,83% (cao hơn mức của năm 2021 lần lượt là 1,20% và 14,70%). Tỷ lệ CAR của nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 41/2016/TT-NHNN là 11,68%; nhóm ngân

hàng áp dụng Thông tư số 22/2019/TT-NHNN là 10,44%; nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 23/2020/TT-NHNN là 18,07%. Tỷ lệ dự trữ thanh khoản bình quân đạt 18,5%; hầu hết các TCTD đạt các tỷ lệ, giới hạn an toàn hoạt động theo quy định của pháp luật.¹⁴

Bảng 4: Một số chỉ tiêu hoạt động của TCTD

Đơn vị: %

Loại hình TCTD	ROA	ROE
NHTM Nhà nước	1,08	19,44
NHCSXH	0,55	3,20
NHTM cổ phần	1,78	17,82
Ngân hàng liên doanh, nước ngoài	1,32	9,23
Công ty tài chính, cho thuê tài chính	0,90	5,20
Ngân hàng Hợp tác xã	0,39	4,63
QTDND	0,95	13,40
Toàn hệ thống	1,38	15,83

Nguồn: NHNN

Ghi chú:

- Số liệu theo Báo cáo tài chính năm 2022;
- Không bao gồm các TCTD vi mô.
- Khối NHTM Nhà nước bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, NHTMCP Công Thương Việt Nam, NHTMCP Ngoại thương Việt Nam, NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, NHTM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam, NHTM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu, NHTM TNHH MTV Đại Dương;
- Loại bỏ các TCTD có Vốn chủ sở hữu âm khi tính ROA, ROE.

Thanh khoản hệ thống và chất lượng tín dụng tiếp tục được đảm bảo

Rủi ro thanh khoản: Do tác động của các diễn biến phức tạp trong và ngoài nước, thanh khoản của hệ thống TCTD tại một số thời điểm chịu áp lực cao, nhất là trong quý IV. Tuy nhiên, NHNN đã kịp thời có các biện pháp hỗ trợ và giải tỏa áp lực thanh khoản, ổn định thị trường tiền tệ. Tính chung cả năm 2022, cơ bản thanh khoản toàn hệ thống được đảm bảo, an toàn hệ thống được duy trì.

Rủi ro tín dụng: Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 và các diễn biến bất lợi kinh tế vĩ mô thế giới tác động tiêu cực tới nền kinh tế trong nước, làm suy giảm năng lực tài chính và khả năng trả nợ của doanh nghiệp,

¹⁴ Ngoại trừ một số TCTD yếu kém đang trong quá trình triển khai cơ cấu lại và TCTD đang thực hiện chuyển tiếp một số giới hạn, tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật.

NHNN đã chỉ đạo TCTD triển khai đồng bộ các biện pháp xử lý nợ xấu, kiểm soát, phòng ngừa nợ xấu mới phát sinh, góp phần nâng cao chất lượng tín dụng và duy trì tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống TCTD ở mức 2%. Trong năm 2022, toàn hệ thống các TCTD đã xử lý được 205,1 nghìn tỷ đồng nợ xấu, trong đó TCTD sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý chiếm tỷ lệ 54,14%, khách hàng trả nợ chiếm 32,04% và nợ xấu được xử lý bằng hình thức bán cho VAMC chiếm 9,7% tổng số nợ xấu đã xử lý. Về số liệu xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội (Nghị quyết 42), lũy kế từ ngày 15/8/2017 đến cuối tháng 12/2022, cả hệ thống TCTD đã xử lý được 412,4 nghìn tỷ đồng nợ xấu. Trong năm 2022, NHNN đã tham mưu Chính phủ kiến nghị, đề xuất Quốc hội kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết 42; đồng thời nghiên cứu, luật hóa trên cơ sở kế thừa, bổ sung và hoàn thiện các quy định của Nghị quyết 42 nhằm tạo hành lang pháp lý ổn định, bền vững cho việc xử lý nợ xấu của các TCTD.

Phần II - Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thực hiện chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ tại các Nghị quyết về Kế hoạch phát triển KT - XH năm 2022 và triển khai Chương trình phục hồi và phát triển KT - XH,¹⁵ NHNN ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 13/01/2022 để ra mục tiêu, nhiệm vụ toàn ngành Ngân hàng năm 2022: “Điều hành CSTT chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu năm 2022 bình quân khoảng 4%, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế, thích ứng kịp thời với diễn biến thị trường trong và ngoài nước. Năm 2022, định hướng mức tăng trưởng tín dụng khoảng 14%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. Tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, hỗ trợ phục hồi và phát triển KT - XH; tiếp tục kiểm soát chặt tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn về tín dụng cho người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, thiên tai, dịch bệnh”. Đồng thời, NHNN cũng quyết liệt triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Chương trình phục hồi và phát triển KT - XH.

1. Điều hành CSTT

Điều tiết tiền tệ hợp lý, đảm bảo thanh khoản hệ thống, ổn định thị trường tiền tệ, sẵn sàng nguồn vốn hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế

“

Điều hành chủ động, linh hoạt, đồng bộ các công cụ CSTT để kiểm soát lạm phát, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh

Bám sát chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, mục tiêu CSTT của NHNN, diễn biến thị trường tiền tệ và tình hình vốn khả dụng của TCTD, NHNN điều hành chủ động, linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa nhằm điều tiết tiền tệ hợp lý, đảm bảo thanh khoản hệ thống, ổn định thị trường tiền tệ nhằm kiểm soát lạm phát và hỗ trợ phục hồi tăng

¹⁵ Nghị quyết số 32/2021/QH15 của Quốc hội ngày 12/11/2021; Nghị quyết số 43/2022QH15 của Quốc hội ngày 11/01/2022; Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ ngày 08/01/2022; Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ ngày 30/01/2022.

trường kinh tế. Theo đó, NHNN tiếp tục thực hiện chào mua GTCG hàng ngày với khối lượng và kỳ hạn phù hợp để phát tín hiệu hỗ trợ vốn cho các TCTD, góp phần hỗ trợ phục hồi nền kinh tế. Khối lượng và thời hạn chào mua được điều chỉnh phù hợp, vào những thời điểm nhu cầu thanh toán của hệ thống ngân hàng và của nền kinh tế tăng như dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán và đặc biệt từ tháng 10/2022, trước những thông tin bất lợi ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống ngân hàng, NHNN đã tăng khối lượng chào mua GTCG thông qua nghiệp vụ thị trường mở để bơm vốn hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán, tiền mặt của dân cư và tổ chức kinh tế, ổn định tâm lý, ổn định thị trường tiền tệ, đảm bảo an toàn hệ thống các TCTD. Bên cạnh đó, từ tháng 6/2022, trước diễn biến bất lợi của thị trường quốc tế và trong nước ảnh hưởng đến hoạt động điều hành tỷ giá, NHNN đã phát hành tín phiếu NHNN với kỳ hạn và khối lượng hợp lý nhằm chủ động kiểm soát tiền tệ, thực hiện mục tiêu CSTT.

tế; bảo đảm thanh khoản hệ thống, duy trì thị trường tiền tệ ổn định; triển khai gói hỗ trợ lãi suất 2% trị giá 40.000 tỷ đồng từ nguồn NSNN qua hệ thống ngân hàng.

Điều hành lãi suất linh hoạt, thích ứng tình hình

Trong gần 9 tháng đầu năm 2022, NHNN tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành trong bối cảnh lãi suất thế giới tăng nhanh và áp lực lạm phát trong nước gia tăng, tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp. Tuy nhiên, từ cuối tháng 9/2022, những tác động tiêu cực lên lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng chuyển biến rất nhanh; lạm phát toàn cầu neo ở mức cao, Fed đã liên tục điều chỉnh nhanh, mạnh lãi suất điều hành và dự báo còn tiếp tục tăng trong thời gian tới, đồng USD lên giá mạnh, gia tăng áp lực lên mặt bằng lãi suất và tỷ giá trong nước, tạo sức ép lên lạm phát. Để tiếp tục triển khai đồng bộ các biện pháp, góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tiền tệ, đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng, NHNN đã điều chỉnh tăng các mức lãi suất với mức tăng 0,8-2%/năm trong tháng 9 và 10/2022. Cụ thể: (1) Lãi suất tái cấp vốn tăng từ 4%/năm lên 6%/năm; Lãi suất tái chiết khấu tăng từ 2,5%/năm lên 4,5%/năm; Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN tăng từ 5%/năm lên 7%/năm; (2) Lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND của tổ chức, cá nhân tại các TCTD, đối với tiền gửi không kỳ hạn và

kỳ hạn dưới 1 tháng tăng từ 0,2%/năm lên 1,0%/năm, kỳ hạn 1 tháng đến dưới 6 tháng tăng từ 4%/năm lên 6%/năm; (3) Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND tăng từ 4,5%/năm lên 5,5%/năm. Đồng thời, NHNN chỉ đạo TCTD nỗ lực tối đa tiết giảm chi phí hoạt động, thủ tục hành chính, các khoản chi không cần thiết để có dư địa phân đấu giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ và đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn.

Giữ ổn định tỷ lệ DTBB VND và ngoại tệ

Tỷ lệ DTBB đối với tiền gửi VND được duy trì ở mức 3% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, 1% đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Đối với tiền gửi bằng ngoại tệ, tỷ lệ DTBB được duy trì ở mức 8% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, 6% đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên và 1% đối với tiền gửi của các TCTD ở nước ngoài.

Tiếp tục tái cấp vốn phù hợp với mục tiêu điều hành CSTT và chủ trương của Chính phủ

Công cụ tái cấp vốn được điều hành phù hợp với chủ trương của Chính phủ, mục tiêu điều hành của NHNN và nhu cầu vốn của TCTD. Theo đó, NHNN tái cấp vốn hỗ trợ thanh khoản đối với TCTD; tái cấp vốn đối với NHCSXH để cho người sử dụng lao động vay trả lương đối với người lao động theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.¹⁶

Điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp, giữ ổn định thị trường ngoại tệ

Năm 2022, trong bối cảnh tỷ giá và thị trường ngoại tệ chịu áp lực rất lớn do những biến động mạnh, với mức độ ngày càng tăng trên thị trường quốc tế, NHNN linh hoạt thực hiện các biện pháp điều hành nhằm ổn định thị trường ngoại tệ, bình ổn diễn biến tỷ giá, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô: (1) Từng bước tạo dư địa cho tỷ giá biến động linh hoạt, phù hợp với điều kiện thị trường và nền tảng kinh tế vĩ mô, qua đó hấp thụ các cú sốc bên

¹⁶ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

ngoài, hạn chế tâm lý, kỳ vọng thị trường và hành vi găm giữ ngoại tệ; (2) Linh hoạt các phương thức bán can thiệp thị trường, điều chỉnh tỷ giá mua/bán can thiệp, bán ròng ngoại tệ cho các TCTD để đáp ứng nhu cầu thanh khoản và bình ổn tâm lý thị trường, góp phần hạn chế biến động mạnh thị trường trong từng giai đoạn; (3) Để chủ động thích ứng trước diễn biến khó lường và các áp lực lớn của thị trường, ngày 17/10/2022, NHNN điều chỉnh biên độ tỷ giá giao ngay USD/VND từ mức $\pm 3\%$ lên $\pm 5\%$, tạo dư địa cho tỷ giá biến động linh hoạt hơn, có khả năng hấp thụ tốt hơn các cú sốc trong và ngoài nước. Điều hành tỷ giá đã phối hợp đồng bộ với các công cụ CSTT khác (lãi suất, thanh khoản VND) nhằm hạn chế áp lực từ thị trường thế giới.

Điều hành tăng trưởng tín dụng gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, đáp ứng đầy đủ và kịp thời vốn cho nền kinh tế; quyết liệt triển khai gói hỗ trợ lãi suất 2% trị giá 40.000 tỷ đồng từ nguồn NSNN qua hệ thống ngân hàng

Trên cơ sở mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2022 được Quốc hội và Chính phủ đề ra, NHNN xây dựng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng định hướng và có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế.¹⁷ Theo đó, NHNN điều hành tín dụng hỗ trợ phục hồi kinh tế, đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh nhưng không chủ quan với rủi ro lạm phát; tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Chỉ đạo các TCTD triển khai nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, góp phần hạn chế tín dụng đen như: đổi mới, cải thiện quy trình, thủ tục cho vay; đa dạng các chương trình, sản phẩm tín dụng phù hợp với các đối tượng, ngành kinh tế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong bối cảnh dịch bệnh; rà soát, cắt giảm nhiều loại phí cho khách hàng,... Đồng thời, tiếp tục triển khai có hiệu quả các hội nghị kết nối ngân hàng - doanh nghiệp trên toàn quốc, khảo sát thực địa, tiếp nhận và giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp.

¹⁷ Chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng được xác định ở mức khoảng 14% tại thời điểm đầu năm và đến ngày 5/12/2022 được điều chỉnh tăng thêm từ 1,5-2% trên toàn hệ thống.

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 về hỗ trợ lãi suất từ NSNN đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, NHNN đã ban hành: (1) Thông tư số 03/2022/TT-NHNN ngày 20/5/2022 hướng dẫn NHTM hỗ trợ lãi suất theo quy định; (2) Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 16/8/2022 về việc đẩy mạnh triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất; (3) Các văn bản hướng dẫn hạch toán hỗ trợ lãi suất, trả lời, giải đáp các vấn đề thuộc phạm vi quản lý của NHNN; (4) NHNN đã tổ chức 04 hội nghị toàn quốc để quán triệt, phổ biến, thống nhất triển khai chính sách từ trung ương đến địa phương, đồng thời giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai chính sách.

2. Quản lý ngoại hối

Tăng cường công tác xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ngoại hối và thị trường vàng



Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ngoại hối và thị trường vàng; các công tác quản lý giao dịch vãng lai, giao dịch vốn, quản lý DTNHNN, quản lý thị trường vàng tiếp tục được thực hiện hiệu quả.

NHNN tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về hoạt động ngoại hối và đổi mới hệ thống văn bản QPPL phù hợp với các điều kiện thực tế, góp phần tạo hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động ngoại hối theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền tiếp cận các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này cho tổ chức, cá nhân. Theo đó, trong năm 2022, NHNN đã ban hành 06 thông tư trong lĩnh vực quản lý ngoại hối. Các văn bản mới đã góp phần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ngoại hối, đáp ứng nhu cầu thực tế và yêu cầu quản lý của nhà nước, đồng bộ hóa hệ thống pháp lý điều chỉnh hoạt động ngoại hối, hạn chế các trường hợp lợi dụng để thực hiện các hành vi trái pháp luật trong lĩnh vực ngoại hối. Bên cạnh đó, NHNN đã nâng cấp một số thủ tục hành chính lên dịch vụ công mức độ 3, 4 nhằm giảm thiểu tối đa thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân có thể thực hiện thủ tục hành chính linh hoạt bằng nhiều hình thức.

Quản lý các giao dịch vãng lai

Công tác quản lý giao dịch vãng lai tiếp tục được thực hiện theo hướng tự do hóa phù hợp với các cam kết quốc tế, đồng thời NHNN tiếp tục triển khai các chính sách hạn chế sử dụng ngoại tệ trong nước nhằm thực

hiện chủ trương hạn chế, tiến tới chấm dứt tình trạng đô-la hóa, tăng niềm tin của người dân vào VND. Chính sách thu hút kiều hối tiếp tục thông thoáng, phù hợp với xu thế hội nhập, nhằm khuyến khích và tạo thuận lợi cho dòng kiều hối, góp phần phát triển kinh tế trong nước, cải thiện cán cân thanh toán của Việt Nam. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục triển khai các giải pháp thu hút các nguồn ngoại tệ vào hệ thống ngân hàng thông thoáng thông qua các chính sách quản lý thu đổi ngoại tệ, chính sách kiều hối, chính sách mua, bán ngoại tệ tiền mặt của các TCTD được phép với cá nhân, quy định kết hối, chính sách quản lý thanh toán biên mậu...

Quản lý các giao dịch vốn

Công tác quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư nước ngoài được thực hiện theo hướng tạo thuận lợi thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, cải thiện cán cân thanh toán quốc tế; quản lý dòng vốn đầu tư trực tiếp/gián tiếp ra nước ngoài chặt chẽ, thận trọng, vừa hỗ trợ nhà đầu tư trong nước tranh thủ cơ hội đầu tư ra nước ngoài, song vẫn đảm bảo giám sát chặt chẽ dòng vốn ra, ưu tiên tập trung nguồn lực phát triển kinh tế trong nước.

Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục theo dõi, quản lý chặt chẽ hoạt động vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, nhất quán với mục tiêu quản lý nợ nước ngoài của quốc gia, đảm bảo hạn mức vay trả nợ nước ngoài ròng của doanh nghiệp tự vay tự trả luôn nằm trong hạn mức vay nước ngoài được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, vừa đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu an toàn nợ nước ngoài quốc gia, vừa đáp ứng nhu cầu vốn của doanh nghiệp. Đồng thời, NHNN đã tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh theo hướng: **(1)** Tăng cường năng lực giám sát dòng vốn vay, trả nợ nước ngoài đảm bảo mục tiêu quản lý hoạt động vay nước ngoài tự vay, tự trả; **(2)** Đơn giản hóa thủ tục hành chính hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn vay nước ngoài; **(3)** Hoàn thiện cơ chế báo cáo, đổi mới, áp dụng thực hiện báo cáo vay, trả nợ nước ngoài trực tuyến, giúp giảm chi phí cho doanh nghiệp và nâng cao chất lượng báo cáo thống kê phục vụ việc giám sát hạn mức, quản lý dòng vốn vay nước ngoài.

Quản lý DTNHNN

Năm 2022, với quy mô DTNHNN đã được tích lũy đáng kể trong những giai đoạn trước đó, khi thị trường trong nước diễn biến không thuận lợi, NHNN đã chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực đáp ứng nhu cầu ngoại tệ để can thiệp, đảm bảo thanh khoản cho thị trường, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm chế lạm phát. Đồng thời, NHNN điều chỉnh kịp thời về cơ cấu, tiêu chuẩn, hạn mức đầu tư DTNHNN vừa phù hợp với diễn biến thị trường tài chính trong nước và quốc tế, vừa đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc bảo toàn, thanh khoản, sinh lời trong quản lý DTNHNN.

3. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng

Công tác thanh tra, giám sát

Công tác thanh tra tiếp tục được đổi mới theo hướng thanh tra toàn diện pháp nhân, kết hợp và áp dụng phương pháp thanh tra trên cơ sở rủi ro, hướng tới tập trung hiệu quả nguồn lực thanh tra vào các đối tượng, lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao, dễ phát sinh tiêu cực và sai phạm nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các vi phạm của TCTD. Năm 2022, NHNN đã thực hiện 1.420 cuộc thanh tra, kiểm tra; ban hành 227 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với TCTD và doanh nghiệp, cá nhân với tổng số tiền phạt 22,4 tỷ đồng.

Công tác giám sát tiếp tục được chú trọng, thể hiện ở: **(1)** Tập trung giám sát, đánh giá rủi ro trong hoạt động của TCTD bên cạnh tình hình tuân thủ, chấp hành các quy định về an toàn trong hoạt động; **(2)** Phối hợp chặt chẽ giữa công tác giám sát với công tác thanh tra, cấp phép và ban hành chế độ, chính sách; **(3)** Làm việc với các TCTD yêu cầu tăng cường quản trị điều hành, kiểm soát nội bộ, xử lý nợ xấu, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động và chấp hành nghiêm quy định pháp luật...

Trên cơ sở kết quả thanh tra, giám sát, NHNN đã ban hành các văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh, đại lý bảo hiểm; hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp; việc chấp hành quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn; cấp tín dụng đối với các tập đoàn kinh tế tư nhân, tập đoàn bất động sản lớn và người có liên quan; cấp tín dụng cho



NHNN tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về công tác thanh tra, giám sát ngân hàng; các giải pháp về cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với xử lý nợ xấu; đẩy mạnh triển khai thực hiện, đảm bảo an toàn hiệu quả hoạt động theo chuẩn mực quốc tế Basel II.

hoạt động tham gia đấu giá quyền sử dụng đất, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, cung ứng dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp và các khách hàng có dư nợ thuộc các lĩnh vực có rủi ro như bất động sản, chứng khoán...

Công tác quản lý cấp phép

Năm 2022, NHNN đã tiếp nhận và xử lý 02 hồ sơ thành lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài, 14 hồ sơ đề nghị cấp phép thành lập mới chi nhánh ngân hàng nước ngoài của các TCTD nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011, 01 hồ sơ đề nghị thành lập tổ chức cung ứng hoạt động thông tin tín dụng theo quy định tại Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10/6/2021; đồng thời, tiếp tục cấp phép thành lập mạng lưới chi nhánh của NHTM theo quy định tại Thông tư số 21/2013/TT-NHNN ngày 09/09/2013. Qua theo dõi công tác quản lý cấp phép chi nhánh NHTM, mạng lưới thành lập mới chi nhánh của hệ thống NHTM không còn tập trung ở các thành phố lớn mà phát triển rộng khắp các tỉnh thành, một số NHTM đã phát triển mạng lưới phòng giao dịch tại các địa bàn miền núi phía Bắc, miền Trung, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

Công tác phòng, chống rửa tiền

Công tác phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố tiếp tục đạt được nhiều kết quả quan trọng góp phần phòng, chống tội phạm trong nước và quốc tế, bảo vệ an ninh tài chính - tiền tệ quốc gia và sự an toàn của hệ thống ngân hàng. Với sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ và Ban Chỉ đạo phòng, chống rửa tiền, NHNN đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trong việc triển khai nhiều nhiệm vụ quan trọng như: **(1)** Xây dựng, hoàn thiện Luật Phòng, chống rửa tiền báo cáo Chính phủ trình Quốc hội thông qua ngày 15/11/2022 nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, phù hợp với các điều ước, cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên và bảo đảm tính khả thi với điều kiện thực tiễn của Việt Nam; **(2)** Thực hiện các cam kết của Chính phủ Việt Nam đối với các tổ chức quốc tế và nghĩa vụ thành viên của Việt Nam trong Nhóm châu Á - Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG); **(3)** Tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành các quyết định thành lập các nhóm làm việc đánh giá rủi ro quốc gia về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố (NRA).

Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục tập trung thu thập, xử lý thông tin báo cáo theo quy định của pháp luật, chuyển giao thông tin giao dịch đáng ngờ, trao đổi và cung cấp thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền trong và ngoài nước; đồng thời, tăng cường hợp tác quốc tế, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền, góp phần phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh tài chính - tiền tệ quốc gia và an toàn của hệ thống ngân hàng.

Xây dựng và tổ chức triển khai Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”; triển khai thực hiện, đảm bảo an toàn hiệu quả hoạt động theo chuẩn mực quốc tế Basel II

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với xử lý nợ xấu

Trên cơ sở tổng kết việc thực hiện Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020, NHNN đã xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022). Để triển khai đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Đề án, NHNN đã ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng triển khai thực hiện Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1382/QĐ-NHNN ngày 12/8/2022). Bên cạnh đó, NHNN đã có văn bản yêu cầu TCTD thực hiện rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng tài chính, hoạt động của TCTD, nhận định khó khăn, thách thức, tồn tại, hạn chế cần xử lý, giải pháp cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của TCTD giai đoạn 2021-2025 và lộ trình thực hiện đảm bảo phù hợp với Đề án theo Quyết định số 689/QĐ-TTg. Hiện NHNN đang tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các TCTD xây dựng phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 của từng TCTD. Nhờ vậy, hoạt động của hệ thống TCTD tiếp tục được duy trì an toàn, ổn định. Quy mô hệ thống TCTD tiếp tục tăng trưởng, vốn điều lệ tăng dần qua các năm, năng lực tài chính của TCTD được củng cố, tỷ lệ nợ xấu tiếp tục duy trì ở mức an toàn, TCTD nâng cao nhận thức và chú trọng hơn trong quản trị rủi ro, tăng cường minh bạch thông tin hoạt động theo quy định của pháp luật.

Triển khai thực hiện, đảm bảo an toàn hiệu quả hoạt động theo chuẩn mực quốc tế Basel II

Nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý triển khai Basel II tại Việt Nam, NHNN đã ban hành Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về tỷ lệ an toàn vốn theo Phương pháp tiêu chuẩn của Basel II và Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, góp phần tăng cường khả năng kiểm soát, phát hiện, ngăn ngừa, cảnh báo, xử lý kịp thời sai phạm và rủi ro của hệ thống ngân hàng. Trên cơ sở Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018, đến nay, hầu hết các TCTD đã áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN (chuẩn mực vốn Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn). Đến ngày 31/12/2022, có 87 NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN.

4. Hoạt động giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính

NHNN tiếp tục triển khai Quy chế giám sát rủi ro hệ thống (theo Quyết định số 2563/QĐ-NHNN ngày 31/12/2016); cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ công tác theo dõi diễn biến các chỉ số ổn định tài chính, phân tích, đánh giá rủi ro tác động đến ổn định tài chính; thực hiện khảo sát rủi ro hệ thống tài chính; kiểm tra sức chịu đựng của hệ thống ngân hàng trước các cú sốc bên ngoài; hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về ổn định tài chính, các công cụ, chính sách an toàn vĩ mô nhằm ngăn ngừa rủi ro hệ thống, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến nền kinh tế.

5. Công tác pháp chế

Công tác xây dựng pháp luật

Năm 2022, công tác xây dựng pháp luật, hoàn thiện thể chế, khuôn khổ pháp lý, cơ chế chính sách về tiền tệ và hoạt động ngân hàng tiếp tục được chú trọng và có nhiều điểm mới. Theo đó, NHNN đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, hoàn thiện một số dự án luật, tham mưu báo cáo Chính phủ trình Quốc

“

NHNN tiếp tục triển khai Quy chế giám sát rủi ro hệ thống, từng bước hoàn thiện khuôn khổ chính sách an toàn vĩ mô tạo cơ sở pháp lý giúp ngăn ngừa rủi ro hệ thống, giảm thiểu tác động tiêu cực đến nền kinh tế.

”

Công tác xây dựng và thực thi pháp luật tiếp tục được

đẩy mạnh nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tiền tệ - ngân hàng, góp phần tăng cường hiệu quả quản lý của nhà nước, nâng cao tính minh bạch, thống nhất của hệ thống pháp luật về ngân hàng.

hội ban hành Nghị quyết về các vấn đề trọng yếu, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng của ngành Ngân hàng như: (1) Dự án Luật Phòng, chống rửa tiền (sửa đổi) được Quốc hội thông qua vào ngày 15/11/2022; (2) Nghị quyết số 63/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội, trong đó có nội dung về việc thống nhất kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ quy định của Nghị quyết 42 từ ngày 15/8/2022 đến ngày 31/12/2023; (3) Hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Các TCTD (sửa đổi) trên cơ sở rà soát, tổng kết, hoàn thiện Luật Các TCTD năm 2010 và Luật số 17/2017/QH14, trong đó có nội dung luật hóa các quy định về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Nghị quyết 42.

Năm 2022, NHNN đã xây dựng, ban hành theo thẩm quyền, trình cấp có thẩm quyền ban hành 32 văn bản QPPL bao gồm 03 nghị định của Chính phủ, 01 quyết định Thủ tướng Chính phủ và 27 thông tư, tạo cơ sở pháp lý cho việc: (1) Triển khai các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo chỉ đạo của Chính phủ; (2) Tăng cường, nâng cao hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng; (3) Hoàn thiện các quy định về tổ chức, hoạt động của TCTD; (4) Điều chỉnh hoạt động ngoại hối, chuyển tiền ra nước ngoài, thanh toán...

Các văn bản QPPL ban hành trong năm 2022 đã hoàn thiện thêm một bước hệ thống pháp luật ngành Ngân hàng, tạo cơ sở triển khai kịp thời, hiệu quả các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; góp phần tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tạo lập khuôn khổ pháp lý quan trọng cho NHNN điều hành CSTT, bảo đảm an toàn hoạt động, thúc đẩy quá trình cơ cấu lại và lành mạnh hóa hệ thống TCTD.

Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản pháp luật ngân hàng

Năm 2022, NHNN đã thực hiện kiểm tra, xử lý 41 văn bản QPPL; rà soát, công bố 28 văn bản hết hiệu lực toàn bộ và 26 văn bản hết hiệu lực một phần.

Công tác thực thi pháp luật ngân hàng

Để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ngân hàng, NHNN đã tập trung triển khai: (1) Thường xuyên

cập nhật, theo dõi thi hành đối với các văn bản QPPL của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ mới được ban hành (khoảng 15 văn bản); (2) Theo dõi thi hành pháp luật theo chuyên đề để đề xuất ban hành văn bản hướng dẫn thi hành, hoặc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản QPPL theo thẩm quyền để đáp ứng yêu cầu quản lý, qua đó nâng cao tính thống nhất, minh bạch của hệ thống pháp luật ngân hàng (khoảng 35 văn bản); (3) Nghiên cứu, có ý kiến đối với việc ký kết, phê duyệt các điều ước quốc tế liên quan đến lĩnh vực ngân hàng.

6. Công tác phát hành kho quỹ

Về hoạt động phát hành và điều hòa tiền mặt

Trên cơ sở dự báo nhu cầu tiền mặt của nền kinh tế, nhu cầu thay thế tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông thu hồi, NHNN xây dựng kế hoạch in tiền năm 2022, qua đó, duy trì dự trữ trong toàn hệ thống ở mức an toàn, hiệu quả. Đồng thời, căn cứ tình hình thu, chi, tồn quỹ, NHNN chủ động trong công tác điều hòa tiền mặt, kịp thời đáp ứng nhu cầu cho các địa phương về giá trị và cơ cấu mệnh giá cả trong thời điểm nhu cầu tăng cao dịp Tết Nguyên đán và trong các tình huống nhu cầu thanh khoản tăng đột biến, không xảy ra tình trạng thiếu tiền mặt trên phạm vi toàn quốc. Tại địa phương, công tác cung ứng tiền mặt cho TCTD, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn được NHNN chi nhánh thực hiện tốt, không xảy ra tình trạng khát, hoãn chi tiền mặt khi khách hàng có nhu cầu; phục vụ kịp thời nhu cầu tiền mặt cho phát triển KT-XH của địa phương. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục đẩy mạnh công tác thu, đổi, tuyển chọn tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, yêu cầu các đơn vị trong toàn ngành chú trọng hơn nữa việc kiểm tra, giám sát đối với hoạt động này nhằm nâng cao chất lượng đồng tiền trong lưu thông. Kết quả, lượng tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông thu hồi về hệ thống NHNN cả năm 2022 tăng 40% so với năm 2021.

Công tác an toàn kho quỹ

Năm 2022, NHNN tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý, nâng cao hiệu quả hoạt động kho quỹ và đảm bảo cho các quy định phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn. Tăng cường kiểm tra thường xuyên và đột xuất đối với



Triển khai hiệu quả công tác phát hành kho quỹ, đảm bảo an toàn hệ thống, an ninh tiền tệ.

hệ thống NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, TCTD đảm bảo an toàn trong hoạt động tiền tệ kho quỹ; nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường tính kỷ luật, kỷ cương trong điều hành, chấp hành quy định về an toàn kho quỹ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của NHNN, kiểm tra nội bộ của TCTD, có chế tài xử lý cụ thể đối với các sai phạm. Phối hợp với Bộ Công an trong công tác phòng, chống tội phạm cướp ngân hàng, đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động ngân hàng và an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Công tác đấu tranh phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam

NHNN kịp thời phân tích, giám định và thông tin, cảnh báo kịp thời các loại tiền giả mới xuất hiện; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng trao đổi thông tin, tập huấn nghiệp vụ phân biệt tiền thật/tiền giả; xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ về phòng, chống tiền giả vào bảo vệ tiền Việt Nam nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý và tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ, ngành liên quan.

7. Hoạt động thanh toán và chuyển đổi số

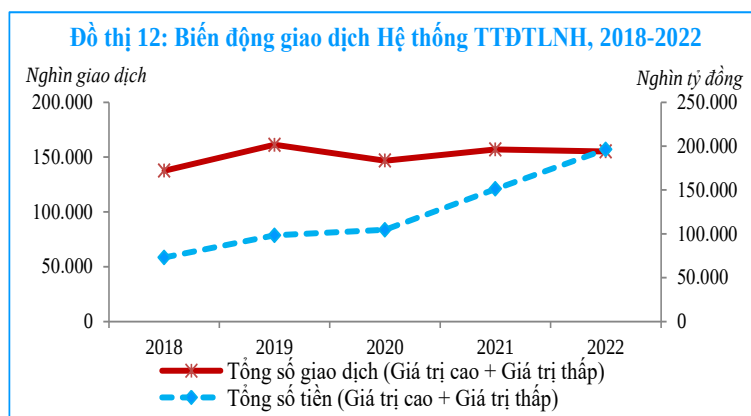
Hiện đại hóa hệ thống thanh toán

Hệ thống TTĐTLNH

Hệ thống TTĐTLNH tiếp tục được đầu tư, hiện đại hóa để đáp ứng được nhu cầu thanh toán điện tử ngày càng cao của người dân. Hoạt động của hệ thống TTĐTLNH ổn định; số lượng giao dịch giảm nhẹ nhưng giá trị giao dịch vẫn tăng cao; đáp ứng được nhu cầu thanh toán, chuyển tiền của các đơn vị thành viên, đồng thời thúc đẩy hoạt động thanh toán nhanh chóng, thuận tiện, chính xác và an toàn, bảo mật. Đến cuối năm 2022, Hệ thống TTĐTLNH của NHNN đã kết nối với 257 đơn vị thành viên thuộc 101 thành viên tham gia hệ thống, bao gồm: 19 đơn vị thành viên thuộc Kho bạc Nhà nước, 64 đơn vị thành viên là các đơn vị trực thuộc NHNN và 175 đơn vị thành viên thuộc 99 TCTD thành viên. Tổng số lượng giao dịch qua Hệ thống TTĐTLNH đạt gần 155,19 triệu giao dịch với giá trị gần 191,3 triệu tỷ đồng (giảm 1,11% về số lượng và tăng 29,90% về giá trị giao dịch so với năm 2021).

“

Hệ thống thanh toán tiếp tục được hiện đại hóa, hoạt động ổn định, an toàn, tiện lợi, bảo mật, phục vụ hiệu quả nhu cầu thanh toán của nền kinh tế.



Nguồn: NHNN

Hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính

Năm 2022, Hệ thống chuyển mạch giao dịch tài chính và bù trừ điện tử hoạt động ổn định, thông suốt; xử lý khoảng 4,9 tỷ giao dịch với giá trị giao dịch đạt 48,2 triệu tỷ đồng (tương ứng tăng 114,89% và 95,96% so với năm 2021). Bên cạnh Hệ thống chuyển mạch giao dịch tài chính và bù trừ điện tử, từ đầu tháng 7/2020, Công ty Cổ phần Thanh toán quốc gia Việt Nam (Napas) đã đưa vào vận hành chính thức Hệ thống thanh toán bù trừ tự động (Hệ thống ACH), hoạt động liên tục 24/7, xử lý giao dịch đa kênh, đa phương tiện, phục vụ nhu cầu chuyển tiền, giao dịch thanh toán bán lẻ, thanh toán các dịch vụ tiện ích. Với 14 ngân hàng thành viên, trong năm 2022, Hệ thống ACH xử lý 105,06 triệu giao dịch với giá trị 1.853,56 nghìn tỷ đồng (tương ứng tăng 336,67% và 306,59% so với năm 2021).

Hoạt động thanh toán thẻ

Đến cuối năm 2022, toàn quốc có 21.038 ATM, 410.743 POS và hơn 145,2 triệu thẻ đang lưu hành. Số lượng giao dịch qua POS đạt hơn 623,21 triệu giao dịch với giá trị đạt khoảng 1,03 triệu tỷ đồng (tương ứng tăng 51,66% và 46,10% so với năm 2021); số lượng giao dịch bằng thẻ ngân hàng đạt 2,22 tỷ giao dịch với giá trị đạt khoảng 4,8 triệu tỷ đồng (tương ứng tăng 39,12% và 9,49% so với năm 2021); số lượng và giá trị giao dịch qua ATM đạt khoảng 1,07 tỷ giao dịch với giá trị hơn 3,07 triệu tỷ đồng (tăng tương ứng 12,45% và 12,50% so với năm 2021).

Bên cạnh đó, nhằm thúc đẩy TTKDTM, NHNN đã ban hành Thông tư số 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng, trong đó có quy định về việc phát hành thẻ ngân hàng bằng phương thức điện tử (eKYC), góp phần tích cực phát triển dịch vụ thanh toán thẻ với nhiều tiện ích, an toàn cho người dân, nhất là người dân ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa cũng có thể tiếp cận dịch vụ ngân hàng mà không cần phải đến các điểm giao dịch ngân hàng. Sau hơn 01 năm triển khai thực hiện quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-NHNN, đến cuối năm 2022, toàn quốc có 22 tổ chức phát hành thẻ triển khai phát hành thẻ bằng eKYC với khoảng 10,8 triệu thẻ được phát hành bằng eKYC đang hoạt động; số lượng thẻ giao dịch thẻ phát hành bằng eKYC đạt hơn 89,1 triệu giao dịch với giá trị đạt hơn 106,1 nghìn tỷ đồng.

Hoạt động thanh toán qua các kênh thanh toán điện tử

Năm 2022, hoạt động thanh toán qua các kênh thanh toán điện tử duy trì mức tăng trưởng cao so với năm 2021. Số lượng giao dịch qua kênh Internet đạt hơn 1,40 tỷ giao dịch với giá trị đạt hơn 55,25 triệu tỷ đồng (tăng tương ứng 98,54% và 50,24% so với cùng kỳ năm 2021); số lượng giao dịch qua kênh điện thoại di động đạt gần 5 tỷ giao dịch với giá trị đạt hơn 48,84 triệu tỷ đồng (tăng tương ứng 139,32% và 106,54% so với cùng kỳ năm 2021); số lượng giao dịch qua phương thức QR code đạt gần 76,76 triệu giao dịch với giá trị đạt hơn 74,62 nghìn tỷ đồng (tăng tương ứng 225,36% và 243,92% so với cùng kỳ năm 2021).

Bên cạnh đó, để đẩy mạnh thanh toán điện tử đối với dịch vụ công, NHNN cũng chỉ đạo toàn ngành Ngân hàng tích cực triển khai nhiều giải pháp thúc đẩy thanh toán điện tử đối với dịch vụ công. Tính đến cuối năm 2022, đã có hơn 4 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 3,53 nghìn tỷ đồng được thực hiện trên Cổng dịch vụ công Quốc gia; có khoảng 61% số người hưởng nhận các chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp qua tài khoản cá nhân tại khu vực đô thị,¹⁸ trong đó: lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng đạt:

¹⁸ Vượt mục tiêu đề ra đến cuối năm 2025 đối với dịch vụ công (60% số người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH, TCTN trên địa bàn đô thị được chi trả thông qua các phương thức TTKDTM).

42% (tăng 5% so với năm 2021); chế độ bảo hiểm xã hội một lần đạt 92% (tăng 7% so với năm 2021); trợ cấp thất nghiệp đạt 96% (tăng 3% so với năm 2021).

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng nhằm cung ứng các sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo, an toàn, tiện lợi đến khách hàng

Bám sát chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chương trình chuyển đổi số quốc gia,¹⁹ NHNN đã chủ động: **(1)** Ban hành và tổ chức triển khai các Đề án, Chương trình, Kế hoạch nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng như: Đề án phát triển TTKDTM tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch chuyển đổi số của NHNN năm 2022; Kế hoạch của NHNN triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 6/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 13/01/2022 về đẩy mạnh chuyển đổi số và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ngân hàng; **(2)** Xây dựng và trình Chính phủ dự thảo Nghị định về TTKDTM và Nghị định về Cơ chế quản lý thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng; **(3)** Hướng dẫn triển khai việc mở tài khoản, phát hành thẻ bằng phương thức điện tử eKYC, giúp khách hàng tiếp cận, sử dụng dịch vụ thanh toán mà không phải đến quầy giao dịch của ngân hàng; **(4)** Phối hợp với Bộ Công an và Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ - Mobile Money theo Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 09/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

¹⁹ Tại Nghị quyết số 52/NQ-TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia, *Ngân hàng được xác định là lĩnh vực có tác động xã hội, liên quan hàng ngày tới người dân, thay đổi nhận thức nhanh nhất, mang lại hiệu quả, giúp tiết kiệm chi phí và cần ưu tiên chuyển đổi số trước.*

Năm 2022, hoạt động chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng đã đạt được kết quả đáng ghi nhận. NHNN được xếp hạng nhất về an toàn thông tin mạng, thứ 2 về kiến tạo thể chế và thứ 4 về hoạt động chuyển đổi số theo Chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) của Bộ Thông tin và Truyền thông.²⁰ 95% TCTD đã và đang xây dựng, triển khai Chiến lược chuyển đổi số, trong đó nhiều TCTD đạt tỷ lệ trên 90% giao dịch trên kênh số; một số TCTD có hiệu quả hoạt động tốt nhờ tích cực chuyển đổi số, giảm tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) xuống ngưỡng 30%, tiệm cận tỷ lệ mà nhiều ngân hàng khu vực, quốc tế đang chuyển đổi số nỗ lực hướng tới. Các TCTD, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã tập trung đầu tư, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, nền tảng vận hành, xử lý nghiệp vụ dựa trên công nghệ, dữ liệu và có thể tiếp cận khách hàng qua các kênh số; thiết kế, cung ứng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng an toàn, tiện ích theo hướng lấy khách hàng làm trung tâm, hướng tới cung cấp trải nghiệm giao dịch vượt trội cho khách hàng. Các công nghệ số tiên tiến như điện toán đám mây (Cloud Computing), phân tích dữ liệu lớn (Big Data), tự động hóa quy trình bằng rô-bốt (RPA), trí tuệ nhân tạo/máy học (AI/ML)... được nghiên cứu, ứng dụng để tối ưu hóa, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ, nâng cao hiệu quả hoạt động và trải nghiệm giao dịch khách hàng.

Công tác quản lý hoạt động thanh toán và giám sát các hệ thống thanh toán

Công tác quản lý hoạt động thanh toán và giám sát các hệ thống thanh toán của NHNN tập trung vào các nhiệm vụ: **(1)** Theo dõi, giám sát trực tuyến hàng ngày Hệ thống TTĐTLNH Quốc gia; **(2)** Thường xuyên giám sát hoạt động hệ thống ATM, POS qua nhiều kênh khác nhau; **(3)** Giám sát định kỳ đối với các hệ thống thanh toán quan trọng khác như: Hệ thống Thanh toán ngoại tệ, Hệ thống Thanh toán tiền giao dịch chứng khoán, Hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính; **(4)** Tăng cường giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả hệ thống thanh toán. Trong năm 2022, công tác quản lý hoạt động thanh toán và giám sát các hệ thống thanh toán đã góp

²⁰ Báo cáo chỉ số đánh giá chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông năm 2021.

phần giảm thiểu các rủi ro phát sinh, đảm bảo các hệ thống thanh toán hoạt động an toàn, hiệu quả, thông suốt đáp ứng tốt nhu cầu thanh toán trong nền kinh tế.

8. Hoạt động ngân hàng xanh

Bám sát các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh, NHNN đã tập trung: **(1)** Phối hợp với các bộ, ngành xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách về tín dụng xanh, tăng trưởng xanh như: cơ chế khuyến khích và lộ trình thực hiện tín dụng xanh tại Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ, các tiêu chí về môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh, nguồn vốn tín dụng trong nguồn lực thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh...; **(2)** Ban hành Thông tư số 17/2022/TT-NHNN ngày 23/12/2022 hướng dẫn quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam; **(3)** Tổ chức tọa đàm lấy ý kiến các TCTD về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí môi trường và xác nhận dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh; **(4)** Tiếp tục triển khai các giải pháp để khuyến khích, tập trung nguồn vốn tín dụng ngân hàng cho các dự án, phương án sản xuất kinh doanh, đầu tư cho các ngành/lĩnh vực giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, triển khai các chương trình hỗ trợ người nghèo về nhà ở phòng tránh biến đổi khí hậu... Đến cuối năm 2022, dư nợ cấp tín dụng đối với các dự án xanh đạt 500.524 tỷ đồng (tăng 12,96% so với cuối năm 2021), chiếm hơn 4,2% dư nợ toàn nền kinh tế, chủ yếu tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp xanh, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; dư nợ tín dụng đã được đánh giá rủi ro môi trường và xã hội đạt hơn 2.359 nghìn tỷ đồng (tăng 27,69% so với cuối năm 2021), chiếm hơn 20% dư nợ toàn nền kinh tế với hơn 1,2 triệu khoản cấp tín dụng.

“

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về tín dụng xanh, tăng trưởng xanh.

9. Hoạt động thông tin tín dụng

Hoạt động thông tin tín dụng tiếp tục được duy trì ổn định, hỗ trợ tích cực cho công tác chỉ đạo điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng; góp phần đẩy nhanh công cuộc chuyển đổi số của ngành Ngân hàng; khẳng định vị thế, vai trò, tầm quan trọng của thông tin tín dụng đối với

“

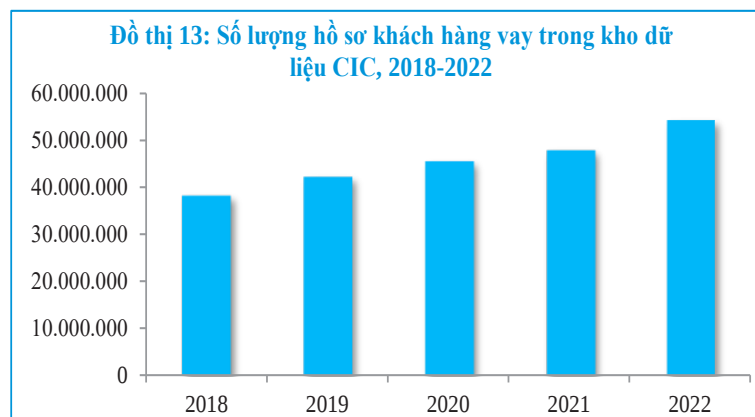
Hoạt động của CIC ngày càng hiệu quả, góp phần minh bạch

*hóa thông tin và
đảm bảo an toàn
của hệ thống.*

cơ sở hạ tầng tài chính Việt Nam, tạo đà hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế sau đại dịch, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

Xây dựng kho dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia

CIC tiếp tục duy trì nguồn cung cấp dữ liệu truyền thống từ 100% các TCTD, gần 1.162 QTDND, 04 tổ chức tài chính vi mô chính thức; đồng thời mở rộng nguồn nguồn cung cấp thông tin phi truyền thống từ các bộ, ngành và 55 tổ chức tự nguyện tham gia hoạt động thông tin tín dụng; tích cực mở rộng thu thập thông tin thay thế từ các đơn vị ngoài ngành, các công ty bán lẻ,... Nhằm nâng cao chất lượng cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng, CIC đã xây dựng và ban hành các quy trình nghiệp vụ mới để nâng cao khả năng xử lý, cập nhật dữ liệu tự động, kịp thời phát hiện các dữ liệu lỗi, dữ liệu không đủ tiêu chuẩn và phối hợp với các TCTD chỉnh sửa để nâng cao chất lượng. Năm 2022, độ phủ thông tin tín dụng tiếp tục được cải thiện, tăng hơn 6,3 triệu hồ sơ khách hàng vay, nâng tổng số hồ sơ khách hàng được cập nhật và lưu giữ trong kho dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia lên trên 137 triệu hồ sơ của hơn 54,2 triệu hồ sơ khách hàng, đạt tỷ lệ 78,19% dân số trưởng thành.



Nguồn: NHNN

Cung cấp thông tin tín dụng

CIC cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của NHNN, hỗ trợ công tác tham mưu, thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng của các đơn vị chức năng (cung cấp thông tin về gần 1,6 triệu khách hàng cho các đơn vị, Vụ, Cục, chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố). Đồng thời, CIC cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng với chất lượng cao cho các TCTD (cung cấp trên 75,5 triệu báo cáo tín dụng và các sản

phẩm giá trị gia tăng như xếp hạng tín dụng, chấm điểm tín dụng; các gói thông tin, dữ liệu cho các TCTD nhằm phục vụ mục đích quản trị rủi ro, tuân thủ Basel II với tỷ lệ tự động hóa đạt 97%).

Bên cạnh đó, CIC đẩy mạnh dịch vụ trực tiếp cho khách hàng vay thông qua Cổng thông tin kết nối khách hàng vay (trên nền tảng website và ứng dụng điện thoại thông minh). Sau khi mô hình chấm điểm tín dụng thể nhân CB 2.0 hoàn thiện, CIC triển khai cung cấp thêm sản phẩm “*Doanh nghiệp tự đăng ký xếp hạng tín dụng*” trên Cổng thông tin kết nối khách hàng vay để tạo điều kiện cho khách hàng doanh nghiệp thuận tiện hơn trong quá trình tra cứu báo cáo xếp hạng tín dụng của chính doanh nghiệp. Để tạo điều kiện cho khách hàng giám sát thông tin tín dụng bản thân, nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng, CIC duy trì chính sách hỗ trợ cung cấp miễn phí, trong cả trường hợp khách hàng khai thác báo cáo nhiều lần/năm. Kết quả, trong năm 2022, số lượng nhu cầu vay được kết nối thông qua Cổng thông tin kết nối khách hàng vay đạt 224,709 lượt khách hàng, tăng 89% so với cuối năm 2021.



Nguồn: NHNN

Đồng thời, nhằm hỗ trợ TCTD giảm chi phí hoạt động, góp phần giảm lãi suất cho vay, tạo điều kiện để người dân và doanh nghiệp tiếp cận tín dụng, chia sẻ khó khăn với khách hàng bị tác động bởi đại dịch COVID-19, CIC tiếp tục triển khai hiệu quả các giải pháp: (1) Gia hạn chính sách giảm trừ 50% tiền khai thác dịch vụ thông tin tín dụng cho TCTD với số tiền trên 162,3 tỷ đồng năm 2022 và 655,7 tỷ đồng lũy kế từ năm 2020 đến ngày 30/6/2022; (2) Cung cấp miễn phí cho NHCSXH sản phẩm để kiểm

tra điều kiện khách hàng vay vốn không có nợ xấu tại các TCTD phát sinh trước thời điểm 23/01/2020 để hỗ trợ NHCSXH cấp tín dụng đối với cơ sở mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg ngày 27/4/2022.

Áp dụng công nghệ mới trong hoạt động nghiệp vụ

Thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, CIC đã ban hành Quyết định số 296/QĐ-TTĐD ngày 28/12/2021 về Kế hoạch chuyển đổi số của CIC đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó tập trung nghiên cứu, cải thiện hiệu năng cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng, cải thiện chất lượng thu thập xử lý dữ liệu đầu vào nhằm nâng cao chất lượng thông tin và nghiên cứu giải pháp đẩy nhanh tốc độ trả lời thông tin. Năm 2022, CIC tiếp tục triển khai thành công kênh cung cấp thông tin trực tiếp Host to Host với các TCTD (tỷ lệ kết nối H2H tới các TCTD năm 2022 đạt 43,3%²¹); đồng thời, CIC cũng tích cực hỗ trợ các TCTD chuyển đổi khai thác thông tin, đẩy mạnh tư vấn, hỗ trợ các TCTD trên kênh cung cấp thông tin mới.

10. Hoạt động truyền thông, minh bạch hóa thông tin

Năm 2022, công tác truyền thông của NHNN được triển khai theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, sáng tạo, nâng cao sự minh bạch hóa thông tin, đáp ứng yêu cầu hoạt động thông tin của NHNN và thực hiện các cam kết quốc tế. Hoạt động truyền thông của NHNN tiếp tục tập trung vào các nhiệm vụ như: (1) Tăng cường quản lý nhà nước về truyền thông trong hệ thống ngân hàng; (2) Tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của Chính phủ, điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng, trong đó có các chính sách hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, hỗ trợ phục hồi kinh tế, hoạt động TTKDTM và chuyển đổi số ngành ngân hàng, ứng dụng dữ liệu dân cư vào hoạt động nghiệp vụ Ngân hàng; (3) Giải đáp kịp thời các vấn đề báo chí, dư luận và cử tri quan tâm, góp phần nâng cao niềm tin công chúng; (4) Tiếp tục phối hợp triển khai các chương trình truyền thông giáo dục tài chính, tổ chức các hội thảo, hội nghị, tọa đàm về những nội dung dư luận quan tâm, tổ chức các cuộc thi liên quan đến kiến



Công tác thông tin, truyền thông tiếp tục đạt được kết quả quan trọng, ngày càng chủ động, chuyên nghiệp, tạo được niềm tin của doanh nghiệp và người dân đối với điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng, góp phần tích cực vào kết quả chung của toàn ngành.

²¹ Tỷ lệ này không bao gồm các TCTD có quy mô nhỏ, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, QTDND và tổ chức tài chính vi mô.

thức tài chính - ngân hàng cho học sinh, sinh viên toàn quốc; (5) Tổ chức thực hiện tốt quy định về phát ngôn và cung cấp thông tin của NHNN, đảm bảo minh bạch hóa thông tin theo đúng quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế... Nhằm thực thi chính sách thông suốt, hiệu quả, đi vào cuộc sống, NHNN chú trọng truyền thông trước, trong và sau đối với các cơ chế, chính sách mới, phương thức truyền thông thường xuyên được đổi mới, đa dạng, đặc biệt ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động truyền thông, với đối tượng mục tiêu là giới trẻ, đồng bào vùng sâu vùng xa, vùng nông thôn, đối tượng yếu thế trong xã hội... Cổng thông tin điện tử NHNN thực hiện tốt nhiệm vụ minh bạch hóa thông tin theo các cam kết quốc tế; cung cấp thông tin chính thống của NHNN về cơ chế, chính sách điều hành, kết quả và định hướng liên quan đến lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng; thực hiện tốt vai trò tích hợp thông tin dịch vụ công trực tuyến của NHNN, hỗ trợ tích cực cho công tác cải cách hành chính, thực hiện Chính phủ điện tử.

Các chương trình truyền thông giáo dục tài chính như “*Đồng tiền thông thái*”, “*Hiếu đúng về tiền*”, “*Tiền khéo, tiền khôn*”, “*Tay hòm chìa khóa*”... không ngừng được đổi mới, sáng tạo, đa dạng cả nội dung và hình thức thể hiện, được công chúng đón nhận tích cực, tạo sự lan tỏa trong xã hội. Qua đó, nâng cao khả năng tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng đối với công chúng, góp phần hạn chế tín dụng đen; đồng thời góp phần triển khai tích cực Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia và các đề án của Chính phủ như Đề án về thúc đẩy TTKDTM, Đề án nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế; Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công; Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030...

Phần III - Quản trị nội bộ

1. Hoạt động kiểm toán nội bộ



Hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ tiếp tục tập trung vào những hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn rủi ro, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả, an toàn hoạt động của NHNN.

Năm 2022, NHNN tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ theo Thông tư số 06/2020/TT-NHNN ngày 30/6/2020 quy định về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ NHNN. Theo đó, NHNN đã thực hiện 44 cuộc kiểm toán, kiểm tra đột xuất tại 31 đơn vị, Vụ, Cục và chi nhánh NHNN. Nội dung kiểm toán, kiểm tra tập trung rà soát, đánh giá các hoạt động, nghiệp vụ tiềm ẩn rủi ro (nghiệp vụ NHTW, ổn định tiền tệ, tài chính, an toàn, an ninh hệ thống thông tin, công tác quản lý, thanh tra, giám sát các TCTD, công tác quản lý an toàn tài sản kho quỹ, công tác quản lý tài chính, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản...). Ngoài ra, NHNN tiếp tục chỉ đạo các đơn vị tăng cường thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kịp thời chấn chỉnh các tồn tại, thiếu sót trong hoạt động; bổ sung, hoàn thiện quy trình, quy chế nội bộ, nâng cao tính hiệu quả, hiệu lực trong quản lý, điều hành; đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;... góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả, an toàn hoạt động của NHNN.

2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng

Công tác tổ chức bộ máy, biên chế và vị trí việc làm



NHNN tiếp tục xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả, hiệu lực theo chủ trương của Đảng và Nhà nước; tăng cường chất lượng nhân sự cho các đơn vị của NHNN; nâng cao hiệu quả công tác đào tạo,

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và các nghị quyết của Chính phủ về sắp xếp cơ cấu tổ chức và tinh gọn bộ máy, NHNN đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12/12/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của NHNN. Điểm mới về sắp xếp tổ chức, bộ máy của NHNN theo Nghị định số 102/2022/NĐ-CP là sáp nhập Vụ Thi đua - Khen thưởng vào Vụ Tổ chức cán bộ; sáp nhập Trường Bồi dưỡng cán bộ Ngân hàng vào Học viện Ngân hàng; thành lập mới Cục Quản lý DTNHNN. Số lượng phòng tại các Vụ, Cục thuộc NHNN Trung ương giảm từ 59 phòng xuống còn 45 phòng (giảm 14 phòng).

*bồi dưỡng hướng tới
thông lệ, chuẩn mực
quốc tế.*

Năm 2022 là năm đầu thực hiện lộ trình tinh giản biên chế của Chính phủ giai đoạn 2022-2026. Theo đó, NHNN tiếp tục quán triệt chỉ sử dụng trong phạm vi biên chế Chính phủ giao, không xảy ra tình trạng vượt biên chế. Căn cứ biên chế công chức và biên chế sự nghiệp do Bộ Nội vụ giao năm 2022, NHNN đã phê duyệt phương án giao biên chế cho các đơn vị theo nguyên tắc: **(1)** Thực hiện giao biên chế theo khối lượng công việc đối với khối NHNN chi nhánh và theo chức năng, nhiệm vụ, đặc thù công việc của từng đơn vị đối với các Vụ, Cục, đơn vị thuộc NHNN trung ương và các đơn vị sự nghiệp công lập do NHNN quản lý; **(2)** Kế thừa số chỉ tiêu đã giao của năm cũ, điều chỉnh một cách hợp lý để hạn chế tác động đột biến đến hoạt động của từng đơn vị.

Thực hiện quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, trong năm 2022, NHNN đã ban hành 02 thông tư hướng dẫn vị trí việc làm, cụ thể: **(1)** Thông tư số 19/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 của Thống đốc NHNN hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Ngân hàng trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực ngân hàng; **(2)** Thông tư số 21/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực Ngân hàng.

Về tuyển dụng công chức, năm 2022, NHNN tập trung nghiên cứu, xây dựng kế hoạch và phương án tuyển dụng trên cơ sở bám sát Đề án vị trí việc làm của đơn vị, chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng cán bộ tuyển dụng. Đồng thời, để nâng cao hơn nữa tính minh bạch, khách quan trong tuyển dụng, rút ngắn thời gian, chi phí tổ chức thi tuyển và đáp ứng yêu cầu về cải cách hành chính của Chính phủ, NHNN tiếp tục chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi tuyển thông qua hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính; xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, phỏng vấn cho tất cả các lĩnh vực kiến thức chung, chuyên môn, chuyên ngành với đa dạng hình thức, loại câu hỏi, mức độ từ dễ đến khó và thường xuyên được cập nhật, bổ sung,...; kết

quả thi được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của NHNN.

Về công tác sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, NHNN tập trung rà soát, ban hành các quy định, hướng dẫn để cụ thể hóa các quy định về danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc NHNN, quy chế quy hoạch và tiếp tục hoàn thiện các quy định khác có liên quan. Các vị trí công tác được bố trí theo hướng phát huy được năng lực, sở trường của cán bộ, hạn chế tối đa hiện tượng thiếu hụt cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

Công tác đào tạo, bồi dưỡng tiếp tục được chú trọng theo hướng đẩy mạnh chất lượng, hiệu quả, qua đó góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của NHNN. Theo đó, năm 2022, NHNN tập trung: (1) Triển khai các đề án phát triển nguồn nhân lực như: Đề án đào tạo chuyên gia, Đề án xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên kiêm chức, Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng cấu phần quản trị nguồn nhân lực; (2) Nghiên cứu, rà soát các quy định để ban hành Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nguồn của NHNN giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 nhằm tăng cường năng lực của đội ngũ cán bộ NHNN nằm trong quy hoạch một cách toàn diện, tạo nguồn cán bộ có uy tín, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ để bổ nhiệm giữ các vị trí lãnh đạo quản lý của NHNN; (3) Thiết kế và tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng với nội dung mới, đa dạng, đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực tiễn như chuyển đổi số, an toàn thông tin thông qua các hình thức đa dạng từ trực tiếp, trực tuyến, tọa đàm đến học tập từ thực tiễn. Năm 2022, NHNN đã tổ chức 331 khóa đào tạo, bồi dưỡng cho 7.761 lượt cán bộ, công chức, viên chức, đạt 207,7% kế hoạch. Bên cạnh đó, NHNN cũng chú trọng trong việc huy động, hợp tác và tranh thủ các nguồn hỗ trợ quốc tế cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng thông qua các chương trình, dự án hợp tác với IMF, SEACEN, ADB, WB, JICA (Nhật Bản), GIZ (Đức), SECO (Thụy Sĩ), CIDA (Canada), FSS (Hàn Quốc), ATTF (Luxembourg), Học bổng Chính phủ Úc, NHTW các nước Đức, Singapore, Thụy Điển, Thái Lan, Malaysia... Các khóa đào tạo, bồi dưỡng có nội dung chuyên môn, nghiệp vụ mới, được

các chuyên gia nước ngoài có hiểu biết, kinh nghiệm thực tiễn sâu rộng giảng dạy, giúp trang bị, cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn của cán bộ NHNN.

3. Công tác nghiên cứu khoa học

NHNN phê duyệt triển khai nghiên cứu 32 nhiệm vụ cấp bộ, 04 nhiệm vụ cấp cơ sở, tập trung các vấn đề: (1) Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho quản lý, điều hành hoạt động ngân hàng; (2) Nghiên cứu các luận cứ khoa học và thực tiễn hỗ trợ cho công tác điều hành CSTT, tín dụng, tỷ giá; (3) Ứng dụng khoa học và công nghệ, xây dựng cơ sở hạ tầng và nâng cao hiệu quả hệ thống thanh toán; (4) Quản trị ngân hàng hiện đại và lành mạnh hóa hệ thống TCTD; (5) Nghiên cứu hỗ trợ mục tiêu nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng; (6) Tăng cường các nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ ngân hàng hiện đại trong quản lý hoạt động và phát triển dịch vụ ngân hàng; (7) Các nội dung nghiên cứu khác hỗ trợ cho hoạt động của hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ thông qua vận hành Cổng Thông tin khoa học và công nghệ ngân hàng, hỗ trợ các đơn vị, vụ, cục thuộc NHNN, các trường đại học và các NHTM tiếp cận dễ dàng với các kết quả nghiên cứu trong ngành Ngân hàng.

Trong năm 2022, NHNN đã tổ chức hội thảo quốc gia, hội thảo quốc tế và các sự kiện liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ, tiêu biểu là Hội nghị Hội đồng khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng tổng kết hoạt động của nhiệm kỳ 2015-2020, đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ tiếp theo; Sự kiện “Ngày Chuyển đổi số” gồm hội thảo khoa học “Tăng cường kết nối, thúc đẩy chuyển đổi số ngân hàng” kết hợp triển lãm trưng bày các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu về ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số.

4. Công tác thống kê

Để nâng cao chất lượng công tác báo cáo thống kê, NHNN tập trung đôn đốc, tra soát và hướng dẫn TCTD thực hiện báo cáo thống kê đảm bảo chính xác, kịp thời, đầy đủ phục vụ công tác phân tích, dự báo, điều hành CSTT. Ngoài ra, NHNN đẩy mạnh công tác chấn chỉnh,

“

Hoạt động khoa học và công nghệ ngành ngân hàng tiếp tục bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra cho ngành và có đóng góp đáng kể vào nghiên cứu lý luận và thực tiễn cho hoạt động của ngành.

“

Công tác thống kê của NHNN tiếp tục

được tăng cường và phát triển, góp phần phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành.

đảm bảo tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong quá trình thực hiện quy định báo cáo thống kê.

NHNN tiếp tục triển khai chính thức các cuộc điều tra thống kê trực tuyến, hoàn thành đúng hạn và đảm bảo chất lượng cuộc điều tra kỳ vọng lạm phát định kỳ tháng, xu hướng kinh doanh định kỳ quý, xu hướng tín dụng định kỳ 6 tháng/lần đối với các TCTD; thí điểm điều tra kỳ vọng lạm phát đối với các chuyên gia kinh tế định kỳ quý. Kết quả điều tra thu được phục vụ kịp thời cho công tác phân tích, dự báo, hoạch định, điều hành CSTT và quản lý hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục tổng hợp, cập nhật cơ sở thông tin, dữ liệu về kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính trong nước và quốc tế, góp phần phục vụ công tác phân tích, hoạch định và điều hành CSTT.

5. Công nghệ thông tin

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin



Tăng cường quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, phát triển, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin của NHNN đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống.

NHNN ban hành các quyết định, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc triển khai các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao năm 2022 nhằm từng bước hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về hoạt động công nghệ thông tin; chuẩn hóa các hoạt động công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế và các quy định của Chính phủ gồm: (1) Kiến trúc Chính phủ điện tử của NHNN Việt Nam phiên bản 2.0; (2) Kế hoạch chuyển đổi số của NHNN Việt Nam năm 2022; (3) Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số ngành Ngân hàng năm 2022; (4) Đề án Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; (5) Kế hoạch của ngành Ngân hàng phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số; (6) Kế hoạch của ngành Ngân hàng triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2022-2025; (7) Kế hoạch của ngành Ngân hàng triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Trước tình hình an ninh mạng tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, NHNN triển khai đồng bộ nhiều chính sách, giải pháp, kết hợp kiểm tra, giám sát chặt chẽ hệ thống công nghệ thông tin; tổ chức diễn tập các tình huống rủi ro sát với thực tế hoạt động và triển khai phương án xử lý rủi ro đảm bảo an toàn cho các hệ thống thông tin theo từng cấp độ. Kết quả năm 2022, ngành Ngân hàng không để xảy ra sự cố về an ninh mạng và được Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá là một trong các bộ, ngành làm tốt công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng.

Phát triển, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin của NHNN

Năm 2022, toàn bộ hạ tầng công nghệ thông tin và các hệ thống thông tin nghiệp vụ của NHNN được bảo trì, vận hành đảm bảo hoạt động liên tục, an toàn, đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ của NHNN như hệ thống ngân hàng lõi, kế toán và lập ngân sách, hệ thống Báo cáo và Kho dữ liệu tập trung, hệ thống Quản lý phát hành và kho quỹ, Hệ thống TTĐTLNH, Hệ thống SWIFT... Kết quả, trong năm 2022, Hệ thống TTĐTLNH đã xử lý chính xác, an toàn được gần 155 triệu giao dịch với tổng giá trị hơn 196 triệu tỷ đồng (giảm 1,11% về số lượng và tăng 29,9% về giá trị so với năm 2021), xử lý gần 52,7 nghìn giao dịch ngoại tệ với tổng giá trị khoảng 131,7 tỷ USD (tăng 98,04% về số lượng và 102,71% về giá trị so với năm 2021). Hệ thống thông tin nghiệp vụ thị trường mở đã thực hiện 430 phiên đấu thầu, hỗ trợ yêu cầu điều hành CSTT của NHNN. Hệ thống Báo cáo và Kho dữ liệu tập trung tiếp nhận khoảng 11.000 báo cáo/ngày (thời điểm cao điểm, tiếp nhận 10.000 báo cáo/ngày) từ 1.484 đơn vị, cao điểm lên tới 34.000 báo cáo/ngày, cung cấp kịp thời số liệu cho công tác điều hành hoạt động ngân hàng hàng ngày của NHNN.

Về triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06), NHNN đã xây dựng và hoàn thành tích hợp, khai thác cơ sở dữ liệu dân cư với Cổng Dịch vụ công của NHNN; khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư làm sạch cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng; kết nối, chia

sổ dữ liệu mở của NHNN cho Kiểm toán Nhà nước. Chỉ đạo các TCTD tích cực phối hợp với Bộ Công an triển khai, hoàn thành thử nghiệm tích hợp xác thực căn cước công dân gắn chip để xác thực khách hàng, rút tiền tại ATM, đưa vào khai thác tại một số chi nhánh trên địa bàn Thành phố Hà Nội, Quảng Ninh.

Bên cạnh đó, nhằm thúc đẩy ứng dụng các công nghệ của Cách mạng công nghiệp 4.0, năm 2022, NHNN tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động thực tế của NHNN để tự động hóa hoạt động, giám sát liên tục hạ tầng công nghệ thông tin của NHNN, chủ động phát hiện sớm các rủi ro, giảm thiểu gián đoạn hoạt động của các hệ thống thông tin như: **(1)** Hoàn thành việc thử nghiệm vận hành Hệ thống TTĐTLNH hoạt động song song giữa trung tâm dữ liệu chính và trung tâm dữ liệu dự phòng, dự kiến sẽ vận hành chính thức trong năm 2023; **(2)** Nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm, công nghệ nhận diện khuôn mặt để áp dụng trong việc truy cập hệ thống công nghệ thông tin của NHNN; **(3)** Nghiên cứu tiêu chuẩn tin điện ISO 20022 để áp dụng cho Hệ thống TTĐTLNH.

Phần IV - Hợp tác quốc tế

Năm 2022, hoạt động hợp tác quốc tế của NHNN đã được triển khai hiệu quả trong bối cảnh đại dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp. NHNN tiếp tục tập trung duy trì và phát triển quan hệ với các đối tác quốc tế; tăng cường huy động các nguồn lực hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, tư vấn; đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngành ngân hàng và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Nhờ đó, ngành Ngân hàng đã đạt được các kết quả đáng ghi nhận về hợp tác quốc tế như: ngày càng khẳng định vị thế và thể hiện vai trò tích cực trong việc triển khai các hoạt động hợp tác đa phương; mở rộng tiến trình tự do hóa dịch vụ tài chính, ngân hàng thông qua việc tham gia đàm phán và ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA); tham gia và thúc đẩy hợp tác tại các định chế kinh tế, tài chính toàn cầu IMF, WB, ADB, AIIB, BIS... nhằm nắm bắt các xu thế mới, các động lực phát triển mới, tranh thủ tư vấn chính sách, thu hút nguồn lực phục vụ phát triển, đẩy mạnh cải cách nền kinh tế hướng đến tiêu chuẩn của các nước đang phát triển; tiếp tục tham gia các Ủy ban Liên Chính phủ, Tổ/Nhóm công tác ngân hàng với các nước đối tác như Lào, Campuchia...

1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế

Trong năm 2022, NHNN tiếp tục chủ động triển khai công tác hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng, trong đó đáng chú ý là tăng cường mối quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác toàn diện trong khuôn khổ hợp tác ASEAN, ASEAN+3, APEC, WTO, SEACEN... thông qua việc xây dựng và triển khai các sáng kiến liên quan tới hoạt động của NHTW và kết nối liên thông lĩnh vực dịch vụ tài chính, đảm bảo phát huy tối đa lợi ích từ các sáng kiến hợp tác. Kết quả đáng ghi nhận từ các sáng kiến hợp tác đã góp phần tăng cường tài chính toàn diện trong khu vực, thúc đẩy tự do hóa hơn nữa tài khoản vốn của các quốc gia ASEAN, tăng cường liên kết hệ thống thanh toán nội khối ASEAN và thúc đẩy các luồng lưu chuyển dòng vốn nội khối, hướng tới mục tiêu kết nối đa phương trong khối ASEAN. Tại các diễn đàn này, NHNN đã và đang đóng góp tích cực vào quá trình xây dựng

“

Hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới và khu vực.

tầm nhìn, các văn bản hướng dẫn chung và triển khai kết nối trên thực tế các mạng lưới về thị trường vốn, thị trường tài chính, mạng lưới thanh toán song phương và đa phương với các đối tác...

Trong khuôn khổ hợp tác ASEAN+3, NHNN tích cực, chủ động phối hợp với Cơ quan Giám sát kinh tế vĩ mô ASEAN+3 (AMRO) và các nước ASEAN+3 thường xuyên thảo luận về việc sửa đổi Hướng dẫn thực hiện Thỏa thuận Đa phương hóa Sáng kiến Chiềng mai (CMIM) để cập nhật các nội dung theo diễn biến thị trường (như vấn đề lãi suất tham chiếu và chênh lệch lãi suất mới cho Thỏa thuận CMIM) và bổ sung cơ chế hoán đổi đồng bản tệ của bên thứ ba nhằm nâng cao tính sẵn sàng và tăng cường cơ chế hỗ trợ của CMIM trong bối cảnh mới; qua đó, giúp cung cấp nhiều hơn các lựa chọn cho các thành viên để tăng cường ổn định tài chính.

Trên cương vị Chủ tịch SEACEN năm 2022, NHNN đã cùng với SEACEN triển khai hiệu quả các hoạt động của Trung tâm SEACEN như đào tạo, tăng cường năng lực, nghiên cứu và nhận được sự đánh giá cao của các thành viên SEACEN. Đặc biệt, NHNN đã đăng cai tổ chức thành công các sự kiện quan trọng của SEACEN như Hội nghị Ủy ban điều hành SEACEN (EXCO) lần thứ 21 và Hội thảo cấp cao bên lề từ ngày 15-16/9/2022 tại TP. Đà Nẵng. Dưới sự chủ trì của Lãnh đạo NHNN, các thành viên SEACEN đã phê duyệt nhiều nội dung quan trọng về kế hoạch và chiến lược hoạt động của Trung tâm SEACEN trong năm 2023 và thảo luận về các vấn đề đang được các NHTW quan tâm như ổn định tài chính vĩ mô, quản lý dòng vốn và các thách thức đối với các nền kinh tế mới nổi.

Trong khuôn khổ hội nhập kinh tế giai đoạn hậu WTO, NHNN tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm định hướng hoạt động của ngành theo đúng lộ trình hội nhập sâu rộng trong WTO. Đối với các nội dung liên quan tới lĩnh vực ngân hàng, NHNN triển khai đầy đủ công tác rà soát, cung cấp các thông tin để xây dựng Báo cáo Rà soát chính sách thương mại, qua đó góp phần cải thiện việc tuân thủ các nguyên tắc của WTO và cam kết của Việt Nam trong các hiệp định thương mại đa phương và các hiệp định nhiều bên, tăng cường tính

minh bạch, sự hiểu biết về các chính sách và thực tiễn thương mại của Việt Nam.

NHNN tiếp tục tích cực tham gia đàm phán và thực thi các FTA trong lĩnh vực ngân hàng như đàm phán nâng cấp Hiệp định AANZFTA, đàm phán Anh gia nhập CPTPP, đàm phán FTA ASEAN - Canada. Quá trình đàm phán và thực thi cam kết tập trung các mảng nội dung chính sau: các cam kết về môi trường pháp lý đối với hoạt động và cung cấp các dịch vụ tài chính ngân hàng; các cam kết về mở cửa thị trường đối với các dịch vụ tài chính được phép cung cấp; các cam kết về thanh toán, chuyển tiền, các biện pháp bảo vệ cán cân thanh toán và các cam kết khác có ảnh hưởng đến quá trình điều hành CSTT, tỷ giá; các ngoại lệ đặc biệt để đảm bảo tính độc lập chủ quyền của NHTW trong điều hành CSTT và hỗ trợ người nghèo, khu vực vùng sâu, vùng xa; các ngoại lệ trong quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, thí điểm các dịch vụ tài chính mới... Bên cạnh đó, NHNN cũng chủ động tham gia và cung cấp các thông tin liên quan phục vụ cho các phiên giải trình kinh tế thị trường, hướng tới vận động Mỹ công nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam. Các nội dung chính do NHNN phụ trách bao gồm: (1) Cơ chế tỷ giá hối đoái; (2) Mức độ tự do hóa tài khoản vãng lai và tài khoản vốn; (3) Cải cách trong lĩnh vực ngân hàng.

2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế

NHNN tiếp tục duy trì, phát triển quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính, tiền tệ, ngân hàng quốc tế, tiếp tục hoàn thành tốt vai trò là đại diện của Chính phủ Việt Nam và bảo vệ quyền lợi của Việt Nam tại IMF/WB/ADB/AIIB/IIB/IBEC/BIS.

Trong quan hệ với IMF, sau 02 năm gián đoạn bởi đại dịch COVID-19, năm 2022, IMF đã khôi phục đoàn đánh giá định kỳ trực tiếp tại Việt Nam. Trong bối cảnh biến động khó lường của tình hình thế giới trong năm 2022, IMF đã thực hiện hàng loạt báo cáo về kịch bản tăng trưởng kinh tế Việt Nam, đánh giá tác động của những sự kiện quốc tế tới Việt Nam, từ đó đưa ra các tư vấn chính sách cho Chính phủ, NHNN và các bộ, ngành liên quan. Trước những khó khăn phát sinh trong hệ thống ngân

“

Mở rộng hợp tác và tăng cường vị thế tại các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế.

hàng tài chính trong nước những tháng cuối năm, IMF đã cung cấp cho NHNN thông tin, kinh nghiệm của các nước trong việc xử lý những bất ổn trên thị trường tài chính để tham khảo trong quá trình hoạch định các biện pháp chính sách liên quan.

Trong lĩnh vực hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo, IMF cũng nối lại các đoàn hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp trong các lĩnh vực như CSTT, kiểm toán nội bộ...; tổ chức 02 khóa đào tạo khu vực về mô hình dự báo tức thời và chẩn đoán kinh tế vĩ mô. IMF cũng tiếp nhận cán bộ NHNN tham gia các khóa đào tạo tại Văn phòng Hỗ trợ kỹ thuật tại Thái Lan (CDOT), Viện Đào tạo khu vực tại Singapore (STI), Văn phòng khu vực châu Á-TBD (OAP), Trung tâm Đào tạo và Hỗ trợ kỹ thuật khu vực Nam Á (SARTTAC) về nhiều chủ đề đa dạng trong lĩnh vực dự báo, thống kê, điều hành CSTT, thanh toán, tiền/tài sản ảo/kỹ thuật số... Cùng với đó, NHNN tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Văn phòng IMF tại Việt Nam, Văn phòng Nhóm Đông Nam Á để trao đổi, cập nhật thông tin, số liệu, tham gia tích cực vào hoạt động của IMF.

Trong quan hệ với BIS, quan hệ hợp tác với BIS tiếp tục được đẩy mạnh và đạt được những kết quả quan trọng. Năm 2022, lần đầu tiên cán bộ NHNN được lựa chọn tham gia chương trình biệt phái kéo dài 03 tháng (từ 01/9 - 30/11/2022) tại Văn phòng đại diện BIS khu vực châu Á để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu về hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để thúc đẩy sự phát triển ngân hàng số tại Việt Nam. Việc cán bộ NHNN được lựa chọn tham gia chương trình biệt phái một mặt cho thấy BIS đánh giá cao năng lực nghiên cứu của cán bộ, mặt khác là dịp để cán bộ biệt phái được tiếp xúc, học tập, trao đổi, làm việc trực tiếp với các chuyên gia và nhà nghiên cứu, tiếp cận với nguồn thông tin, dữ liệu phong phú của BIS, qua đó nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần vào công tác tham mưu chính sách. NHNN đã đóng góp nghiên cứu về triển khai thực hiện các nguyên tắc ngân hàng bền vững tại Việt Nam phục vụ cho việc tổ chức hội thảo chung lần thứ 14 của Mạng lưới Nghiên cứu châu Á (ARN) do BIS phối hợp với NHTW Hàn Quốc tổ chức. NHNN đã tham gia một loạt các dự án của Trung tâm đổi mới sáng tạo của BIS (BISIH) trong các lĩnh vực thanh toán xuyên biên giới, đồng tiền kỹ thuật số NHTW... Các dự án này có

ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hợp tác và hiểu biết về các công nghệ thanh toán mới mà BIS đang xây dựng và triển khai cũng như hỗ trợ cho các NHTW trong việc thiết kế, giám sát và quản lý các hệ thống thanh toán, công nghệ mới.

Bên cạnh đó, thực hiện nghĩa vụ hội viên, Thống đốc NHNN đã tham dự Hội nghị Toàn thể thường niên BIS lần thứ 92 và thực hiện quyền bỏ phiếu thông qua Nghị quyết Hội nghị, tham dự các cuộc họp cấp Thống đốc định kỳ 02 tháng để thảo luận, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm về diễn biến kinh tế, tài chính toàn cầu và điều hành chính sách trong bối cảnh bất ổn, thách thức toàn cầu, tài chính phi tập trung, kiểm soát kỳ vọng lạm phát, tiền lương và thị trường lao động... NHNN cũng tích cực tham dự Phiên họp Phó Thống đốc thị trường mới nổi BIS về nội dung tiền mã hóa/kỹ thuật số, phiên họp Quy trình điều hành CSTT (MPOP) thảo luận về khuôn khổ điều hành CSTT trong bối cảnh thắt chặt các điều kiện tài chính toàn cầu và tác động của biến đổi khí hậu. Đồng thời, NHNN đã tham gia tích cực vào hoạt động nghiên cứu trao đổi với các ủy ban và đơn vị trực thuộc BIS như tham dự Hội nghị thường niên Ủy ban Irving Fisher về Thống kê NHTW (IFC), tham gia các cuộc thảo luận trong khuôn khổ các nhóm công tác thuộc Trung tâm đổi mới sáng tạo của BIS (BIS Innovation Hub), Hội đồng Tư vấn châu Á (ACC)...

Trong quan hệ với WB, ngay sau khi dịch bệnh COVID-19 được kiểm soát, đã có nhiều đoàn cấp cao của WB đến Việt Nam làm việc với các Lãnh đạo Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ, NHNN và các bộ ngành, như: Đoàn Phó Chủ tịch WB Bà Manuela V. Ferro (Tháng 3/2022); Tổng Giám đốc WB Ông Axel van Trotsenburg (Tháng 7/2022). Năm 2022, NHNN đã chủ trì đàm phán và ký kết Hiệp định viện trợ về “Tăng cường trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng yếu thế” do WB tài trợ từ nguồn hỗ trợ của Quỹ Phát triển xã hội Nhật Bản (JSDF) trị giá 2,5 triệu USD. Ngoài ra, NHNN đã ký Thỏa thuận hợp tác điều chỉnh giữa NHNN và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) về “Nâng cao vai trò lãnh đạo nữ trong ngành ngân hàng” nhằm gia hạn Thỏa thuận hợp tác đến 30/6/2023 để thực hiện các điều tra về hiện trạng của nữ giới trong ngành ngân hàng và các rào cản,

cơ hội trong việc cải thiện hiệu quả cân bằng giới đối với các vị trí lãnh đạo nữ trong ngành ngân hàng; “Bản Ghi nhớ với IFC về phát triển ngân hàng xanh và bền vững giai đoạn 2022-2026” nhằm hỗ trợ NHNN xây dựng công cụ giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý rủi ro môi trường và xã hội. Hiện NHNN đang triển khai hỗ trợ kỹ thuật “Tăng cường Phát triển và Lãnh mạnh khu vực Ngân hàng Việt Nam” do Cục Kinh tế liên bang Thụy Sĩ (SECO) tài trợ ủy thác qua WB trị giá khoảng 7,2 triệu USD nhằm tăng cường phát triển và lãnh mạnh khu vực ngân hàng, xử lý tồn tại, hạn chế về cơ cấu trong hệ thống ngân hàng, hướng đến đáp ứng chuẩn mực quốc tế và góp phần ổn định kinh tế - tài chính vĩ mô.

Trong quan hệ với ADB, NHNN phối hợp với ADB triển khai thành công hỗ trợ kỹ thuật “Hỗ trợ giảm thiểu tác động của đại dịch COVID-19 cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ” trị giá 5 triệu USD và “Thúc đẩy chương trình cải cách bình đẳng giới tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương” trị giá 4 triệu USD; đồng thời tiếp tục thực hiện các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật khác thuộc lĩnh vực tài chính xanh, fintech, tài chính toàn diện. Trong năm 2022, NHNN đã huy động nguồn viện trợ không hoàn lại từ SECO và JICA trị giá 7 triệu USD (tài trợ ủy thác thông qua ADB) trong khuôn khổ hỗ trợ kỹ thuật “Tăng cường Tài chính toàn diện và tài trợ khí hậu”. Dự án hỗ trợ kỹ thuật này được bắt đầu triển khai từ giữa năm 2023 với mục tiêu thúc đẩy các công nghệ tài chính (fintech) nhằm giải quyết các thách thức về tài chính toàn diện và hỗ trợ ngành ngân hàng đẩy mạnh tín dụng xanh, ngân hàng xanh thông qua tư vấn chính sách và tăng cường năng lực. NHNN cũng đã phối hợp với ADB, các cơ quan liên quan, và chính quyền địa phương xây dựng thành công Chiến lược Đối tác Quốc gia giai đoạn 2023-2026 giữa Việt Nam và ADB.

Trong quan hệ với AIIB, NHNN đã hoàn tất vai trò Giám đốc Nhóm nước tại AIIB nhiệm kỳ hai năm từ 01/7/2020-30/6/2022.²² Đây là lần đầu tiên Việt Nam đảm nhận vị trí Giám đốc Nhóm nước tại một tổ chức quốc tế lớn theo hình thức kiêm nhiệm. Mặc dù đảm nhiệm vai trò này trong bối cảnh hoạt động của ngân hàng nói

²² Nhóm nước mà Việt Nam tham gia tại AIIB bao gồm Úc, quần đảo Cook, New Zealand, Singapore và Việt Nam, gọi tắt là Nhóm nước số 7 hay Nhóm ACNSV.

chung và các nước thành viên nói riêng gặp nhiều thách thức do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 và xung đột Nga-Ukraine, NHNN đã nỗ lực khắc phục khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đại diện Việt Nam (NHNN) được tất cả các nước trong Nhóm ghi nhận là có khả năng dẫn dắt Nhóm nước, có uy tín, trách nhiệm, làm việc chuyên nghiệp, có những đóng góp hiệu quả và thiết thực cho Nhóm nước nói riêng và hoạt động của ngân hàng nói chung. Trên cương vị Giám đốc Nhóm nước, NHNN đã nỗ lực cân bằng, hài hòa những khác biệt trong quan điểm của các nước trong Nhóm, xử lý hiệu quả việc bày tỏ quan điểm của Nhóm nước đối với các vấn đề mang yếu tố nhạy cảm. Sự thành công của NHNN trong nhiệm kỳ này đã giúp Nhóm nước được đánh giá là một trong những Nhóm nước có sự phối hợp hiệu quả, có tiếng nói quan trọng trong 12 thành viên Ban Giám đốc AIIB, luôn tham gia chủ động, tích cực và có những đóng góp ý nghĩa tại các phiên thảo luận Ban Giám đốc và các ủy ban chuyên môn thuộc Ban Giám đốc. Đặc biệt, trên cương vị thành viên Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro, đại diện Việt Nam (NHNN) là một trong những thành viên tích cực đóng góp ý kiến và tham gia vào hoạt động của Ủy ban, được tín nhiệm bầu làm Phó Chủ tọa (từ tháng 9/2021) và sau đó làm Chủ tọa Ủy ban (từ tháng 3/2022). Sau khi kết thúc nhiệm kỳ Giám đốc Nhóm nước, đại diện Việt Nam (NHNN) tiếp tục đảm nhiệm vị trí Cố vấn Giám đốc Nhóm nước từ ngày 01/7/2022, phát huy hiệu quả vai trò và lợi thế chuyên môn của đại diện cơ quan NHTW trong giám sát và đóng góp ý kiến đối với các hoạt động quản lý tài chính và rủi ro của ngân hàng.

Trong quan hệ với IIB và IBEC, NHNN tiếp tục tham gia xây dựng/sửa đổi các quy định về quản trị điều hành cũng như các quy định về hoạt động nghiệp vụ nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của ngân hàng, phê duyệt các khoản vay/đầu tư của ngân hàng cấp cho các nước hội viên và nước thứ ba có liên quan. Trong bối cảnh hoạt động của hai ngân hàng trong năm 2022 bị ảnh hưởng nặng nề do tác động của cuộc khủng hoảng địa chính trị liên quan đến xung đột Nga-Ukraine,²³ NHNN đã tích cực phối hợp với Ban Lãnh đạo IBEC và IIB cũng như các nước thành viên

²³ IBEC và IIB không thể tiếp cận các thị trường tài chính và đối mặt với nguy cơ mất thanh khoản và mất khả năng thanh toán, các chỉ số tài chính và rủi ro của IBEC và IIB bị sụt giảm và ảnh hưởng nghiêm trọng.

khác theo dõi chặt chẽ, thường xuyên để nắm bắt tình hình và xem xét, xử lý nhiều vấn đề phát sinh của hai ngân hàng, qua đó giúp cho IIB và IBEC vượt qua được khủng hoảng, duy trì thanh khoản và đưa hoạt động của hai ngân hàng từng bước đi vào ổn định. Hiện nay, NHNN đã và đang phối hợp chặt chẽ với hai ngân hàng và các nước cổ đông để xử lý việc một số nước thành viên rút ra khỏi ngân hàng trên cơ sở vừa đảm bảo hạn chế tối đa tác động bất lợi lên hoạt động của hai ngân hàng, vừa đảm bảo lợi ích quốc gia của Việt Nam nói riêng cũng như của các nước thành viên nói chung.

Bên cạnh đó, trong năm 2022, NHNN đã tăng cường làm việc với các đối tác quốc tế (WB, ADB, IFC, AFD, DSIK, ASEAN...) nhằm thu hút các nguồn lực hỗ trợ phù hợp với các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng, tập trung vào: **(1)** Hỗ trợ NHNN triển khai các nhiệm vụ được giao tại Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, nhất là các lĩnh vực quan trọng của tài chính toàn diện như thanh toán, tài chính vi mô, giáo dục tài chính, fintech...; và **(2)** Thúc đẩy các hoạt động hỗ trợ hướng đến thực hiện các nhiệm vụ về tăng trưởng xanh, phát triển tài chính xanh, góp phần giúp Việt Nam hoàn thành các cam kết tại Hội nghị các Bên về Biến đổi Khí hậu của Liên hợp quốc (COP26). Bên cạnh các hoạt động hợp tác nổi bật với ADB và IFC nhằm hỗ trợ thực hiện các mục tiêu tăng trưởng xanh, tài chính toàn diện và phát triển bền vững (nêu trên), NHNN đã tích cực phối hợp triển khai các hoạt động trong khuôn khổ các sáng kiến hợp tác ASEAN, ASEAN+3, APEC như: xây dựng hệ thống phân loại tài chính bền vững (ASEAN Taxonomy), xây dựng Lộ trình xanh ASEAN (ASEAN Green Map), sáng kiến các nguyên tắc ngân hàng bền vững, xây dựng lộ trình và chương trình đào tạo 2022-2023 về tài chính bền vững cho các nước ASEAN... Tháng 8/2022, NHNN đã phối hợp với Nhóm Công tác Ngân hàng (BWG) đồng tổ chức Hội nghị Thu hút nguồn lực hỗ trợ thực hiện các mục tiêu về phát triển xanh và phát triển bền vững, qua đó giúp các bên tham gia trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, thực tiễn trong và ngoài nước, đề xuất các giải pháp hiệu quả nhằm hỗ trợ Chính phủ thu hút, huy động các nguồn lực để hiện thực hóa mục tiêu phát triển xanh, tăng trưởng bền vững cũng như các cam kết của Việt Nam tại COP26.

Ngoài ra, NHNN đã và đang tích cực nghiên cứu, thúc đẩy huy động nguồn vốn cho khu vực tư nhân không cần bảo lãnh Chính phủ từ các định chế tài chính quốc tế, gồm: ADB, AIIB, IBEC, IIB, IFC, Cơ quan bảo lãnh đầu tư đa phương (MIGA). Đây sẽ là nguồn lực quan trọng cho đầu tư phát triển đất nước, dần thay thế cho vốn đầu tư công từ NSNN trong tương lai. Đáng chú ý, NHNN đã tích cực phối hợp với các cơ quan bộ, ngành trình Chính phủ ban hành Quyết định số 12/2022/QĐ-TTg ngày 09/5/2022 quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp Thư phản đối, không phản đối hoạt động khu vực tư nhân tại Việt Nam của các tổ chức tài chính quốc tế. Đây là một nỗ lực rất lớn của NHNN trong việc xây dựng quy trình thủ tục cấp thư phản đối/không phản đối với các khoản đầu tư của các tổ chức tài chính quốc tế nhằm đảm bảo các hoạt động đầu tư tư nhân của các tổ chức này phù hợp với định hướng đầu tư của Chính phủ.

3. Quan hệ hợp tác song phương

Thực hiện chủ trương, định hướng của Đảng, Chính phủ về tăng cường hội nhập quốc tế, mặc dù chịu tác động do diễn biến phức tạp của dịch COVID-19, NHNN tiếp tục đẩy mạnh hợp tác song phương với các đối tác ở nhiều khu vực trên thế giới, triển khai nhiều sáng kiến và hoạt động mới trong khuôn khổ các nhóm/tổ công tác, nâng cao hiệu quả và phát triển theo chiều sâu, thực chất trong quan hệ với các đối tác truyền thống và các đối tác chiến lược (Lào, Campuchia, Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc, Nga), thiết lập kênh đối thoại chính sách thường xuyên với các nước đối tác để khai thác và phát triển các lĩnh vực hợp tác tiềm năng, trong đó nổi bật là các sự kiện sau: (1) Hội nghị song phương kết hợp với chương trình trao đổi nghiệp vụ và giao lưu thể thao văn hóa giữa NHNN và Ngân hàng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào nhân dịp kỷ niệm 60 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào và 45 năm Hiệp ước hữu nghị và hợp tác hai nước, góp phần thắt chặt hơn nữa quan hệ giữa hai NHTW cũng như hệ thống ngân hàng hai nước, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và Lào. (2) Lễ công bố kết nối thanh toán bán lẻ ứng dụng mã QR Việt Nam - Thái Lan nhân chuyến thăm chính thức Thái Lan của Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc vào tháng 11/2022. Tại buổi lễ, Phó Thống đốc của hai NHTW đã



Quan hệ hợp tác song phương tiếp tục được tăng cường và đẩy mạnh.

thực hiện trải nghiệm dịch vụ thanh toán xuyên biên giới bằng mã QR. Dịch vụ thanh toán này là minh chứng sống động về hợp tác hiệu quả giữa cơ quan quản lý, doanh nghiệp và hệ thống NHTM của hai nước Việt Nam - Thái Lan trong bối cảnh kinh tế và công nghệ tài chính biến đổi nhanh chóng, hướng tới mục tiêu cung cấp một phương thức thanh toán với chi phí rẻ hơn, nhanh chóng, an toàn, tiện lợi hơn và thúc đẩy sử dụng đồng bản tệ.

(3) Phối hợp với Ngân hàng Quốc gia Campuchia triển khai dự án kết nối thanh toán song phương sử dụng mã QR giữa hai nước và đã hoàn thành thí điểm kết nối một chiều chấp nhận tại Việt Nam và dự kiến hoàn thành kết nối hai chiều trong năm 2023.

(4) Ký kết 03 Bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác với NHTW, cơ quan quản lý giám sát ngân hàng các nước. Các Bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác đã tạo khuôn khổ quan trọng cho sự hợp tác nhiều mặt giữa NHNN với NHTW, cơ quan quản lý tiền tệ ngân hàng các nước trong các lĩnh vực như: thanh tra giám sát ngân hàng, phòng chống rửa tiền, đổi mới tài chính và hệ thống thanh toán.

(5) Ngoài ra, thông qua các diễn đàn, ủy ban hợp tác song phương của Chính phủ với các quốc gia trên thế giới, NHNN chủ động đề xuất các nội dung hợp tác trong lĩnh vực ngân hàng để thiết lập cơ chế trao đổi thông tin về khuôn khổ pháp lý, thông tin thị trường nhằm hỗ trợ, khuyến khích các NHTM Việt Nam tìm hiểu, kết nối và thiết lập quan hệ đại lý tại thị trường các nước.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CÁC MỨC LÃI SUẤT DO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CÔNG BỐ

Đơn vị: %/năm

Thời gian	Lãi suất tái cấp vốn	Lãi suất tái chiết khấu	Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng
Tháng 12/2021	4,00	2,50	5,00
Tháng 1/2022	4,00	2,50	5,00
Tháng 2/2022	4,00	2,50	5,00
Tháng 3/2022	4,00	2,50	5,00
Tháng 4/2022	4,00	2,50	5,00
Tháng 5/2022	4,00	2,50	5,00
Tháng 6/2022	4,00	2,50	5,00
Tháng 7/2022	4,00	2,50	5,00
Tháng 8/2022	4,00	2,50	5,00
Tháng 9/2022	5,00	3,50	6,00
Tháng 10/2022	6,00	4,50	7,00
Tháng 11/2022	6,00	4,50	7,00
Tháng 12/2022	6,00	4,50	7,00

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 2: HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG MỞ

Chào mua	Năm 2022
Số phiên	259
Kỳ hạn (ngày)	7; 14; 28; 91
Số lượt thành viên	1.068
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	3.794
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	2.853
Lãi suất (%/năm)	2,5-6,0
Phương thức đấu thầu	Lãi suất
Chào bán	Năm 2022
Số phiên	75
Kỳ hạn (ngày)	7; 14; 28; 56
Số lượt thành viên	492
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	29.509
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	15.840
Lãi suất (%/năm)	0,3-6,0
Phương thức đấu thầu	Lãi suất

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 3: TỶ LỆ DỰ TRÙ BẮT BUỘC (*)

Đơn vị: %

Thời điểm bắt đầu hiệu lực	TIỀN GỬI BẰNG VND (**)		TIỀN GỬI BẰNG NGOẠI TỆ (****)				Tiền gửi nhận từ các TCTD ở nước ngoài (***)
	Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng		Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên		
			Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã	TCTD khác	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, TCTD khác	TCTD khác	
5/2011	3	1	5	6	3	4	
6/2011	3	1	6	7	4	5	
9/2011	3	1	7	8	5	6	1

(*) Không bao gồm QTDND, tổ chức tài chính vi mô áp dụng tỷ lệ DTBB 0% đối với tất cả các loại tiền gửi; ngân hàng chính sách áp dụng tỷ lệ DTBB theo quy định của Chính phủ (hiện nay là 0%).

(**) Các TCTD có tỷ trọng dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn bình quân từ 40% trở lên được áp dụng tỷ lệ DTBB tiền gửi bằng VND thấp hơn tỷ lệ DTBB nêu trên theo quy định của NHNN về hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ CSTT để hỗ trợ các TCTD cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn (hiện có hiệu lực thi hành là Thông tư số 14/2018/TT-NHNN ngày 29/5/2018).

(***) Các TCTD hoạt động tại Việt Nam tính DTBB đối với tiền gửi nhận từ các TCTD ở nước ngoài (TCTD thành lập và hoạt động tại nước ngoài) bắt đầu từ tháng 9/2011 (theo Thông tư số 27/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011).

(****) Các loại tiền gửi bằng VND và bằng ngoại tệ thuộc cơ sở tiền gửi phải tính DTBB được quy định tại: (1) Quy chế DTBB đối với các TCTD và các văn bản sửa đổi, bổ sung trước tháng 02/2020; (2) Thông tư số 30/2019/TT-NHNN ngày 27/12/2019 từ tháng 3/2020 đến nay.

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 4: CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ

Đơn vị: Triệu USD

	2021	2022
A. CÁN CÂN VẮNG LAI	-8.150	-1.074
Hàng hóa: Xuất khẩu F.O.B	336.167	371.304
Hàng hóa: Nhập khẩu F.O.B	320.495	345.587
<i>Hàng hóa (ròng)</i>	15.672	25.717
Dịch vụ: Xuất khẩu	5.262	12.900
Dịch vụ: Nhập khẩu	20.657	25.524
<i>Dịch vụ (ròng)</i>	-15.395	-12.624
Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp): Thu	982	2.321
Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp): Chi	19.731	22.049
<i>Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp) (ròng)</i>	-18.749	-19.728
Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp): Thu	13.568	12.213
Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp): Chi	3.246	6.652
<i>Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp) (ròng)</i>	10.322	5.561
B. CÁN CÂN VỐN	0	0
Cán cân vốn: Thu	0	0
Cán cân vốn: Chi	0	0
C. CÁN CÂN TÀI CHÍNH	30.837	9.470
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	-377	-2.674
Đầu tư trực tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	15.660	17.900
<i>Đầu tư trực tiếp (ròng)</i>	15.283	15.226
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	10	2
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	271	1.510
<i>Đầu tư gián tiếp (ròng)</i>	281	1.512
Đầu tư khác: Tài sản có	-627	-13.663
Tiền và tiền gửi	-792	-13.750
TCTD	2.141	-4.750
Khu vực khác	-2.933	-9.000
Cho vay, thu hồi nợ nước ngoài	0	0
Tín dụng thương mại và ứng trước	0	0
Các khoản phải thu/phải trả khác	165	87
Đầu tư khác: Tài sản nợ	15.900	6.395
Tiền và tiền gửi	8.851	325
TCTD	8.331	184
Khu vực khác	520	141
Vay, trả nợ nước ngoài	5.439	6.070
Ngắn hạn	2.637	3.195
Rút vốn	33.283	37.494
Trả nợ gốc	-30.646	-33.579
Dài hạn	2.802	2.155
Rút vốn	15.162	15.620
Chính phủ	1.777	1.693
Tư nhân	13.385	13.927
Trả nợ gốc	-12.360	-13.465
Chính phủ	-2.430	-2.747
Tư nhân	-9.930	-10.718
Tín dụng thương mại và ứng trước	0	0
Các khoản phải thu/phải trả khác	0	0
Phân bổ quyền rút vốn đặc biệt từ IMF (SDR)	1.610	0
<i>Đầu tư khác (ròng)</i>	15.273	-7.268
D. LỖI VÀ SAI SÓT	-8.398	-31.141
E. CÁN CÂN TỔNG THỂ	14.290	-22.745
F. DỰ TRỮ VÀ CÁC HẠNG MỤC LIÊN QUAN	-14.290	22.745
Tài sản dự trữ	-14.290	22.745
Tín dụng và vay nợ từ IMF	0	0
Tài trợ đặc biệt	0	0

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 5: TỶ GIÁ GIỮA VND VÀ USD

Đơn vị tính: VND/USD

Năm 2022	Tỷ giá ngày cuối tháng			Tỷ giá bình quân trong tháng		
	Tỷ giá trung tâm	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank		Tỷ giá trung tâm	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank	
		Mua	Bán		Mua	Bán
Tháng 1	23.099	22.500	22.780	23.100	22.553	22.833
Tháng 2	23.140	22.670	22.950	23.115	22.530	22.810
Tháng 3	23.100	22.700	22.980	23.153	22.722	23.002
Tháng 4	23.140	22.815	23.095	23.114	22.776	23.056
Tháng 5	23.057	23.050	23.330	23.127	22.964	23.244
Tháng 6	23.110	23.135	23.415	23.082	23.082	23.362
Tháng 7	23.176	23.200	23.480	23.189	23.240	23.520
Tháng 8	23.219	23.320	23.600	23.191	23.082	23.545
Tháng 9	23.400	23.730	24.010	23.296	23.511	23.791
Tháng 10	23.695	24.599	24.879	23.568	24.157	24.015
Tháng 11	23.665	24.520	24.800	23.679	24.627	24.859
Tháng 12	23.612	23.410	23.730	23.644	23.588	23.879

Nguồn: NHNN, Vietcombank.

Ghi chú: Tỷ giá niêm yết nêu trên được hiểu là số lượng VND để đổi 1 USD.

PHỤ LỤC 6: GIÁ VÀNG THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng/lượng

Năm 2022	Giá vàng ngày cuối tháng	Giá vàng bình quân trong tháng
Tháng 1	62,15	61,51
Tháng 2	65,55	63,80
Tháng 3	68,50	68,53
Tháng 4	70,00	69,42
Tháng 5	68,80	69,28
Tháng 6	68,60	68,57
Tháng 7	68,20	66,70
Tháng 8	66,20	66,71
Tháng 9	66,25	66,10
Tháng 10	65,90	66,39
Tháng 11	66,90	66,94
Tháng 12	66,30	66,57

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 7: CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

Đơn vị: %

Năm	Thời gian	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
2018	So với tháng 12 năm trước	0,51	1,24	0,97	1,05	1,61	2,22	2,13	2,59	3,20	3,54	3,24	2,98
	So với tháng trước	0,51	0,73	-0,27	0,08	0,55	0,61	-0,09	0,45	0,59	0,33	-0,29	-0,25
	So với cùng kỳ	2,65	3,15	2,66	2,75	3,86	4,67	4,46	3,98	3,98	3,89	3,46	2,98
	Bình quân so với cùng kỳ	2,65	2,90	2,82	2,80	3,01	3,29	3,45	3,52	3,57	3,60	3,59	3,54
2019	So với tháng 12 năm trước	0,10	0,90	0,69	1,00	1,50	1,41	1,59	1,87	2,20	2,79	3,78	5,23
	So với tháng trước	0,10	0,80	-0,21	0,31	0,49	-0,09	0,18	0,28	0,32	0,59	0,96	1,40
	So với cùng kỳ	2,56	2,64	2,70	2,93	2,88	2,16	2,44	2,26	1,98	2,24	3,52	5,23
	Bình quân so với cùng kỳ	2,56	2,60	2,63	2,71	2,74	2,64	2,61	2,57	2,50	2,48	2,57	2,79
2020	So với tháng 12 năm trước	1,23	1,06	0,34	-1,21	-1,24	-0,59	-0,19	-0,12	0,01	0,09	0,08	0,19
	So với tháng trước	1,23	-0,17	-0,72	-1,54	-0,03	0,66	0,40	0,07	0,12	0,09	-0,01	0,10
	So với cùng kỳ	6,43	5,40	4,87	2,93	2,40	3,17	3,39	3,18	2,98	2,47	1,48	0,19
	Bình quân so với cùng kỳ	6,43	5,91	5,56	4,90	4,39	4,19	4,07	3,96	3,85	3,71	3,51	3,23
2021	So với tháng 12 năm trước	0,06	1,58	1,31	1,27	1,43	1,62	2,25	2,51	1,88	1,67	2,00	1,81
	So với tháng trước	0,06	1,52	-0,27	-0,04	0,16	0,19	0,62	0,25	-0,62	-0,20	0,32	-0,18
	So với cùng kỳ	-0,97	0,70	1,16	2,70	2,90	2,41	2,64	2,82	2,06	1,77	2,10	1,81
	Bình quân so với cùng kỳ	-0,97	-0,14	0,29	0,89	1,29	1,47	1,64	1,79	1,82	1,81	1,84	1,84
2022	So với tháng 12 năm trước	0,19	1,20	1,91	2,09	2,48	3,18	3,59	3,60	4,01	4,16	4,56	4,55
	So với tháng trước	0,19	1,00	0,70	0,18	0,38	0,69	0,40	0,005	0,40	0,15	0,39	-0,01
	So với cùng kỳ	1,94	1,42	2,41	2,64	2,86	3,37	3,14	2,89	3,94	4,30	4,37	4,55
	Bình quân so với cùng kỳ	1,94	1,68	1,92	2,10	2,25	2,44	2,54	2,58	2,73	2,89	3,02	3,15

Nguồn: Tổng cục Thống kê

PHỤ LỤC 8: MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN TỆ, TÍN DỤNG

Chỉ tiêu	2021	T3/2022	T6/2022	T9/2022	2022
Số dư cuối kỳ (tỷ VND)					
1. Tổng phương tiện thanh toán	13.402.097	13.864.061	13.908.338	13.832.397	14.226.792
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	11.882.371	12.287.842	12.447.399	12.479.920	12.873.882
3. Tín dụng đối với nền kinh tế	10.444.078	11.067.408	11.429.411	11.598.108	11.925.239
% Tăng trưởng so với năm trước					
1. Tổng phương tiện thanh toán	10,66	3,45	3,78	3,21	6,15
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	10,30	3,41	4,76	5,03	8,34
3. Tín dụng đối với nền kinh tế	13,61	5,97	9,43	11,05	14,18

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 9: TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC

Năm	GDP theo giá hiện hành (tỷ đồng)	Mức tăng trưởng* GDP (%)	GDP bình quân đầu người (triệu đồng)
2014	4.937.032	6,42	54.132
2015	5.191.324	6,99	56.288
2016	5.639.401	6,69	60.476
2017	6.293.905	6,94	66.753
2018	7.009.042	7,47	73.482
2019	7.707.200	7,36	79.881
2020	8.044.386	2,87	82.437
2021	8.479.667	2,56	86.083
2022	9.513.327	8,02	95.600

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Ghi chú: * Tính theo giá so sánh năm 2010

TABLE OF CONTENTS

List of graphs and tables	iii
List of abbreviations	iv
Status and functions of the State Bank of Viet Nam	v
Board of governors of the State Bank of Viet Nam	vii
Forewords by the Governor	ix
Departments and public service units of the State Bank of Viet Nam	xii
■ Part I - World and Viet Nam's economy	1
1. World economy	1
1.1. World economic growth	1
1.2. Monetary policy management in some countries	3
2. Viet Nam's economy	4
2.1. Economic growth	5
2.2. Labor, income and productivity	6
2.3. Inflation	7
2.4. State budget revenues and expenditures	9
2.5. Balance of payments	10
2.6. Financial and monetary developments	11
2.7. Operations of CIs	18
■ Part II - Policy management of the State Bank of Viet Nam	23
1. Monetary policy management	23
2. FX management	27
3. Banking inspection and supervision	29
4. Macroprudential supervision of the financial system	32
5. Legalization	33
6. Issue and vault operation	34
7. Payment operation and digital transformation	35
8. Green banking activities	40
9. Credit information	41
10. Communication and information transparency	43
■ Part III - Internal governance	45
1. Internal audit	45
2. Human resources and trainings	45
3. Scientific research work	48

4. Statistical work	49
5. Information Technology	49
■ Part IV - International cooperation	52
1. International economic integration	52
2. Cooperation with international financial and monetary institutions	54
3. Bilateral cooperation	60
■ Appendix	63
Appendix 1: Interest rates announced by the SBV	64
Appendix 2: Open market operations	64
Appendix 3: Required reserve ratio	65
Appendix 4: Balance of payment	66
Appendix 5: VND/USD Exchange rate	67
Appendix 6: Domestic gold price	67
Appendix 7: Consumer price index	68
Appendix 8: Monetary and credit indicators	69
Appendix 9: Gross domestic product	69

LIST OF GRAPHS AND TABLES

List of graphs

Graph 1:	Real GDP growth and contribution by production industries, 2018 -2022	5
Graph 2:	Headline and core inflation, 2018-2022	8
Graph 3:	Viet Nam's BOP, 2018-2022	10
Graph 4:	Growth of monetary indicators , 2018-2022	12
Graph 5:	Capital mobilization growth, 2021-2022	12
Graph 6:	Capital mobilization by banks, 2022	13
Graph 7:	Credit to the economy by banks, 2022	13
Graph 8:	Credit to the economy, 2021-2022	13
Graph 9:	Average deposit and lending interest rates, 2018-2022	14
Graph 10:	Average VND interbank interest rate, 2018-2022	15
Graph 11:	VND/USD exchange rate developments in 2022	16
Graph 12:	Transaction fluctuations in interbank electronic payment system, 2018 -2022	36
Graph 13:	Number of borrower records in the CIC data warehouse, 2018-2022	41
Graph 14:	Number of credit information products and services provided by CIC for CIs, 2018-2022	42

List of tables

Table 1:	Viet Nam's CI system as of December 31, 2022	18
Table 2:	Basic indicators	19
Table 3:	CAR of CIs and foreign bank branches	20
Table 4:	CIs' ratios	21

LIST OF ABBREVIATIONS

Abbreviation	Interpretation
ADB	Asian Development Bank
AIIB	Asian Infrastructure Investment Bank
BIS	Bank for International Settlements
BOP	Balance of payments
CAR	Capital adequacy ratio
CIs	Credit institutions
CIC	Viet Nam's National Credit Information Center
CPI	Consumer price index
ECB	European Central Bank
Fed	Federal Reserve
FDI	Foreign Direct Investment
FX	Foreign Exchange
GSO	General Statistics Office
IBEC	International Bank for Economic Co-operation
IIB	International Investment Bank
IMF	International Monetary Fund
M2	Total liquidity
NPL	Non-performing loan
p.a	Per annum
PCFs	People's Credit Funds
ROA	Return on assets
ROE	Return on equity
RR	Reserve requirement
SBV	State Bank of Viet Nam
SOCBs	State-owned commercial banks
USD	U.S. dollar
VAMC	Viet Nam's Asset Management Company
VBSP	Viet Nam Bank for Social Policy
VND	Viet Nam Dong
WB	World Bank
WTO	World Trade Organization
y-o-y	Year on year
y-t-d	Year to date

STATUS AND FUNCTIONS OF THE STATE BANK OF VIET NAM



Head office, 49 Ly Thai To str, Ha Noi, Viet Nam

▫ The State Bank of Viet Nam is a ministerial-level agency of the Government, Central Bank of the Socialist Republic of Viet Nam which performs state management over monetary, banking activities and foreign exchange; plays the role of a central bank issuing banknotes, acts as the bank of credit institutions and the monetary service provider for the Government.

Summary of Article 2, 2010 Law on the State Bank of Viet Nam

▫ The national monetary policies include national decisions of state authorities on the currency value stabilizing objectives represented by inflation target, use of proper instruments and measures to fulfill the set objectives.

Clause 1, Article 3, 2010 Law on the State Bank of Viet Nam

▫ The National Assembly determines annual inflation targets reflected by the consumer price index and supervises the implementation of the national monetary policies.

Clause 2, Article 3, 2010 Law on the State Bank of Viet Nam

▫ The Government submits to the National Assembly for decision on annual inflation target. The Prime Minister, the Governor of the State Bank of Viet Nam decide on the use of proper instruments and measures to realize national monetary objectives in accordance with the regulation of the Government.

Clause 4, Article 3, 2010 Law on the State Bank of Viet Nam

**BOARD OF GOVERNORS
OF THE STATE BANK OF VIET NAM**



Ms. Nguyen Thi Hong
Governor



Mr. Dao Minh Tu
Standing Deputy Governor



Mr. Nguyen Kim Anh
Deputy Governor



Mr. Doan Thai Son
Deputy Governor



Mr. Pham Tien Dung
Deputy Governor



Mr. Pham Thanh Ha
Deputy Governor



Governor
Nguyen Thi Hong

Forewords by the Governor

In 2022, the world was faced with many big, fast-changing and unpredictable challenges. These included the re-emergence of the COVID-19 pandemic in some places, increasing strategic competition, and climbing up and persistent geopolitical tensions. All affected the world economic recovery, exacerbating global supply chain disruption, resulting in rising international commodity price. Inflation rate increased to its highest level in decades (the IMF estimated global inflation in 2022 to be at the rate 8.7%), forcing central banks to continuously adjust monetary policy stance and increase interest rates on a record high level and tight frequency to cope with the inflation storm. The USD appreciated sharply, and capital flew out of developing and emerging markets. Domestically, the economy was reopened after the social distancing period, economic activities recovered and growth was restored. However, the unpredictable developments of the pandemic and strong fluctuations in international and domestic markets significantly challenged the domestic economic recovery, causing great difficulties for monetary policy management to stabilize the money and FX markets for macroeconomic stability, inflation control and economic recovery support.

In that context, in closely executing the directions of the National Assembly, the Government and the Prime Minister, especially in the resolutions on the implementation of the 2022-2023 Socio-Economic Recovery and Development Program and the 2022 Socio-Development Plan, the SBV closely monitored domestic and global macroeconomic, financial, and monetary developments to promptly, synchronously, and optimally manage monetary policy tools, solutions and banking activities aiming to control inflation, stabilize the macroeconomy, support economic recovery, and ensure the safety of the credit institution system. Solutions were as follows:

First, the SBV synchronously coordinated monetary policy tools for proper monetary regulation, protection of system liquidity, stabilization of the money and FX markets, and flexible and prompt adaption to developments and situations at each time.

During the first 8 months, amidst pressures from rapid and strong global interest rate hikes, continuous USD appreciation in the international market on domestic money and FX markets, based on close monitoring of inflation developments and implementation the direction of the National Assembly and the Government on supporting post-pandemic economic recovery and development, the SBV: (1) refrained from raising policy interest rates to ease interest rate hike pressure, supporting economic recovery; (2) sold foreign currency to reduce excessive fluctuations in the FX market due to adverse impacts from the world market, while meeting the legitimate foreign currency needs of the economy; and (3) flexibly managed open market operations for proper liquidity regulation, supporting the stabilization of interest rates in the first half of the year as well as the stabilization of the FX market when pressures increased.

Since September, domestic and international financial and money markets faced ever greatest pressures in decades. Inflation in some major economies reached the highest levels in 40 years, global interest rates increased sharply exceeding expectations, the USD appreciated to a record level in 20 years, domestic inflationary pressure continued to increase, domestic money and FX markets were affected by combining unfavorable events and developments at home and abroad. To stabilize the macroeconomy, control inflation, ensure money market stability and safety of the CI system, the SBV: **(1)** adjusted policy interest rates in September and October in accordance with the general trend of increasing interest rates worldwide for inflation control, exchange rate stabilization, thus creating room to adapt to market fluctuations and contributing to macroeconomic stability. At the same time, the SBV directed CIs to continue to proactively ensure their financial capacity, reduce operational costs to create room for the reduction of lending interest rates to support businesses and people to overcome difficulties; **(2)** expanded the exchange rate band from $\pm 3\%$ to $\pm 5\%$ to increase exchange rate flexibility, creating space to absorb complex fluctuations from the international market; and **(3)** strengthened operations to ensure money market liquidity, safety of the CI system under the impact of adverse developments, and support the stabilization of FX market.

Second, the SBV deployed solutions to provide credit for economic activities, drastically implemented the Socio-Economic Recovery and Development Program. The SBV managed credit growth to ensure adequate and timely credit grant to production, business and to meet consumption needs with careful attention to inflation risks. It also continued to implement credit solutions that combine growth with credit quality; focused credit on production and priority areas while strictly controlling credit for potentially risky areas. At the same time, the SBV deployed many solutions to remove difficulties, create favorable conditions for businesses and people to access bank credit, contributing to limiting black credit.

In addition, the SBV drastically implemented the solutions and goals set out in the Socio-Economic Recovery and Development Program including a 2% p.a interest rate support scheme financed by the state budget and deployed through the commercial bank system, preferential credit implemented through the VBSP; refinancing of the VBSP to lend to employers to pay wages to layoffs, pay wages to workers to restore production. At the same time, the SBV regularly reviewed and calibrated measures and policies to support people and businesses to ensure their practicality, accessibility and applicability.

Third, the SBV continued to drastically and effectively implement the restructuring of the system of CIs associated with NPL resolution, combined with strengthening inspection, supervision, and risk warning; thereby enhancing the financial intermediary role of the CI system in providing capital and services to the economy while ensuring system safety. Accordingly, the SBV directed CIs to comprehensively consolidate and improve aspects of finance, governance, NPL resolution, and strengthen controlling measures to improve credit quality, business efficiency and competitiveness, enhancing transparency in operations. Hence, the stability and safety of the CI system continued to be maintained; financial capacity and governance quality were gradually improved, approaching international practices.

Fourth, non-cash payments were promoted, digital transformation in the banking system was enhanced through innovation and development of IT infrastructure, thereby improving service quality, and enhancing security and safety of banking operations, effectively promoting banks' role of blood vessels of the economy. In addition, to enable CIs to cut service fees and support customers in overcoming difficulties caused by COVID-19, the SBV continued to extend the time horizon to apply the policy of reducing domestic payment fees through the electronic payment system, cutting fees for credit information exploitation. The SBV also promoted research and improvement of the legal framework to boost digital transformation, technology application in the banking sector, and develop non-cash payments through such solutions as instructing CIs in account opening and card issuance using eKYC, piloting the application of mobile money to pay for goods and services of small value.

Fifth, the SBV continued to effectively and synchronously deploy solutions to manage the gold market; drastically implemented administrative reform and information transparency, promoted communication, improve statistical works, organized training, scientific research, financial supervision, etc. At the same time, the SBV continued to develop and expand bilateral and multilateral relations with other central banks, international financial organizations to receive support, assistances and enhance Viet Nam's position in the international arena.

In general, despite the unprecedentedly complex economic volatility in 2022, with the synchronous coordination of monetary policy tools, measures and banking activities, flexibility and timely adaptation to developments, situation, the SBV made contribution to positive results of the Government's macro management in 2022. The economy recovered well with a growth rate of 8.02%; inflation was controlled at the rate of 3.15%; macroeconomic stability and safety of CIs were maintained. The VND was relatively stable compared to other currencies in the region; on-balance NPL ratio was controlled at 2%. These results continued to strengthen the economy's resilience to difficulties and disadvantages that would still be tremendous in 2023 and the following years.

Governor of the State Bank of Viet Nam



NGUYEN THI HONG

DEPARTMENTS AND PUBLIC SERVICE UNITS OF THE STATE BANK OF VIET NAM

<i>Monetary Policy Department</i>	Advises and assists the Governor of the SBV in determining instruments in carrying out national monetary policy such as refinancing window, interest rate, exchange rate, reserve requirements, open market operations, and others for the conduction of national monetary policies.
<i>Foreign Exchange Management Department</i>	Advises and assists the Governor in carrying out state management function over foreign exchange, foreign exchange activities and gold trading in accordance with applicable laws and regulations.
<i>Payment Department</i>	Advises and assists the Governor in carrying out the state management function over payment and settlement of the economy in accordance with applicable laws and regulations.
<i>Economic Sectoral Credit Department</i>	Advises and assists the Governor in carrying out the state management function over bank credit to economic sectors in accordance with applicable laws and regulations.
<i>Forecasting and Statistics Department</i>	Advises and assists the Governor in carrying out forecasting and statistics in accordance with applicable laws and regulations.
<i>International Cooperation Department</i>	Advises and assists the Governor in carrying out the state management function over international cooperation and integration within the SBV's scope of management in accordance with applicable laws and regulations.
<i>Monetary and Financial Stability Department</i>	Advises and assists the Governor in stabilizing the monetary and financial systems within the SBV's scope of state management.
<i>Internal Audit Management</i>	Advises and assists the Governor in carrying out internal audits and control over the SBV Units' operations.
<i>Legal Affairs Department</i>	Advises and assists the Governor in conducting state management via laws in the fields of monetary, banking operations and foreign exchange.
<i>Finance and Accounting Department</i>	Advises and assists the Governor in the SBV financial, accounting operations, capital investments, conducting the state management function over accounting, finance, and capital investments in the banking sector.
<i>Personnel and Organization Department</i>	Advises and assists the Governor and the SBV's Party Committee on human resources management, staffing, management and use of civil servants, officials, remunerations, and others within the SBV's scope of management as stipulated in applicable laws and regulations.

<i>Emulation and Rewarding Department</i>	Advises and assists the Governor in carrying out the state management function on emulation and rewarding in the banking sector in accordance with applicable laws and regulations.
<i>Communication Department</i>	Advises and assists the Governor in managing and organizing communication activities in the banking sector that relate to the SBV's state management function.
<i>SBV Office</i>	Advises and assists the Governor in his leadership over banking activities, implements the SBV's administrative reform, manage archive and administrative works of the banking system in accordance with applicable laws and regulations.
<i>Banking Information Technology Department</i>	Advises and assists the Governor in carrying out the state management function over IT in the banking sector and development and application of IT in the SBV.
<i>Issue and Vault Department</i>	Advises and assists the Governor in carrying out the state management and central bank functions over currency issuance and vault operations in accordance with applicable laws and regulations.
<i>Administration Department</i>	Assists the Governor in managing public assets (excluding those transferred to income-generating administrations) assigned by the Governor and administrative and logistic activities in Hanoi and Ho Chi Minh city including: managing assets, finance, technical infrastructure, security, and taking care of living conditions and healthcare of the SBV staff.
<i>Operational Department</i>	Advises and assists the Governor in conducting central banking operations.
<i>Banking Supervision Agency</i>	A General Department level agency of the SBV. It Advises and assists the Governor in implementing state management function over CIs, foreign bank branches, as well as inspection, complaint and denunciation resolutions, anti-corruption and anti-money laundering, deposit insurance. It conducts administrative and professional inspections and banking supervision in the areas under the SBV's state management. It conducts anti-money laundering and counter-terrorism financing in accordance with applicable laws and regulations and as assigned by the Governor.
<i>Municipal and provincial branches</i>	Advises and assists the Governor in implementing the state management function over monetary, banking, and foreign exchange operations in their local areas. They conduct several central banking operations as delegated by the Governor.

PUBLIC SERVICE UNITS ESTABLISHED BY THE GOVERNOR

<i>Banking Strategy Institute</i>	Undertakes researches and builds banking development strategies, projects, and plans; organizes researches, development and control of the implementation of banking science and technology missions in meeting the SBV's requirements in accordance with applicable laws and regulations.
<i>Viet Nam's National Credit Information Center</i>	A public administrative agency. It undertakes the function of national credit registration. It collects, processes, stores, and analyzes of credit information; prevents and minimizes of credit risk; conducts credit marking and rating of legal entities and individuals within Viet Nam's territory in serving the SBV's state management in accordance with the SBV's rules and applicable laws and regulations.
<i>Banking Times</i>	A speaker and social forum of the banking sector. It disseminates the Party's orientation and guidelines, the State's legislation and policies, and banking operations in accordance with the SBV's rules and applicable laws and regulations.
<i>Banking Review</i>	A speaker and professional forum on banking theories, operations, science, and technology. It disseminates the Party's orientation and guidelines, the State's legislation and policies, banking operations and achievements in banking science and technology and other relevant areas in accordance with the SBV's rules and applicable laws and regulations.
<i>Banking Training School</i>	Trains and strengthens human resource capacity; provides with staff of the SBV and the banking sector with up-to-date professional knowledge and skills.
<i>Banking Academy</i>	Trains and strengthens human resource capacity in the fields of economic and banking-finance at intermediate, college, undergraduate and graduate levels and in other areas as authorized.
<i>Ho Chi Minh City Banking University</i>	Trains and strengthens human resource capacity in the fields of economics, finance-banking at the undergraduate and graduate levels; scientific research, advising in the fields of economics, finance-banking and other professions when approved by competent authorities.

Part I - World and Viet Nam's economy

1. World economy

In 2022, the COVID-19 pandemic was basically controlled worldwide, but it remained develop complicatedly in some countries and territories. Geopolitical tensions flared up and prolonged, worsening global supply chain disruption, pushing up international commodity prices.¹ This context brought huge challenges to the global economy that had just recovered from the pandemic. The world economy was faced with many complex unprecedented developments in many years, such as rising inflation to the highest level for decades, monetary policy was tightened with sharp interest rate hikes in many countries, world economic growth slowed down due to tightening monetary conditions, and the challenge of ensuring social security increased in many countries for high inflation. Many currencies depreciated sharply against to USD,² potentially risking macroeconomic and financial stability. A series of central banks tightened monetary policy more drastically, signaled toughness in inflation control, and at the same time sold foreign currencies to intervene to protect the value of local currencies and stabilize macroeconomy.

1.1. World economic growth

According to the IMF,³ world economic growth rate in 2022 was at 3.5% (2021: 6.3%); global inflation rate increased from 4.7% in 2021 to 8.7% in 2022.

The U.S. economy slowed down with a growth rate of 2.1%, much lower than 5.9% in 2021 because of persistently high inflation, the termination of economic stimulus packages and policy interest hikes. However, the U.S labor market remained positive; unemployment rate was at 3.6%, lower than the natural unemployment rate and the lowest since the beginning of the pandemic. Budget deficit at the end of the fiscal year slumped to 6.5% of GDP from 11.4% of GDP in 2021. Public debt decreased from 126.4% of GDP in 2021 to 121.7% of

“

In 2022, global economic growth slowed down, inflation rate increased sharply, and monetary policy was tightened.

¹ On average, in 2022, compared to 2021, FAO food prices increased by 14.3%; WTI oil price increased by 39.6%.

² CNY depreciated by 9.5%, KRW depreciated by 6.8%, THB depreciated by 4.1%, JPY depreciated 16%.

³ Global Economic Outlook Update, October, 2023, IMF .

GDP in 2022. U.S. inflation increased to the highest level in more than 40 years, at 8.0% compared to 4.7% in 2021.

Euro area's economy experienced growth slowdown with an increase of 3.3% compared to 5.6% in 2021 due to a decline in consumer and investment demands in the context of high inflation. Among major economies, Spain's economy achieved the highest growth rate of 5.8% (2021: 6.4%), followed by Italy (3.7%; 2021: 7.0%); France (2.5%; 2021: 6.4%); Germany (1.8%; 2021: 3.2%). Public debt across the region decreased from 94.8% of GDP in 2021 to 90.9% of GDP in 2022. Inflation rate increased to a record level of 8.4% in 2022 (2021: 2.6%). The entire region's labor market recovered strongly; unemployment rate decreased from 7.7% in 2021 to 6.7%, the lowest for decades thanks to increased labor demand as the economy recovered.

Japan's economy grew at the rate of 1.0%, lower than that of 2.2% in 2021. Public debt was at 260.1% of GDP (2021: 255.1% of GDP). Unemployment rate remained low, at about 2.6% (2021: 2.8%). Inflation rate was 2.5% while it was minus 0.2% in 2021.

Emerging and developing economies grew by 4.1%, a decrease from 6.9% in 2021. The BRICS countries all achieved lower growth on year-on-year basis, in which the growth rate in China, the world's second largest economy reached 3.0% only, significantly lower than the rate of 8.5% in 2021 and lower than target of 5.5%, marking the first time in 40 years that China's GDP did not reach the global average due to the serious impact of the COVID-19 pandemic and real estate market instability. India, Russia, Brazil and South Africa increased by 7.2%, minus 2.1%, 2.9% and 2.1%, respectively (2021: 9.1%, 5.6%, 5.0% and 4.9%). ASEAN-5⁴ countries grew by 5.5% (2021: 4.0%), all of which had good growth with Indonesia, Malaysia, Philippines, Thailand, and Viet Nam growing by 5.3%, 8.0%, 7.6%; 2.6% and 8.02%, respectively. The average inflation rate of emerging and developing economies increased rapidly from 5.9% in 2021 to 9.8% in 2022; in which inflation in the ASEAN-5 group of countries reached the rate of 4.8% compared to 2.0% in 2021.

⁴ Indonesia, Malaysia, the Philippines, Thailand, and Viet Nam.

Global trade slowed down, increasing by only 5.1% after last year's breakthrough growth of 10.9% in the context of rising commodity prices, increasing geopolitical tensions, continued supply chain disruption and China's implementation of Zero-COVID policy.

1.2. Monetary policy management in some countries

Considering inflation control top priority, central banks pushed up the tightening of monetary policy which had started from 2021. For the whole year, over 70 central banks increased interest rates, 367 times with ever highest level and tightest frequency. The USD sharply appreciated in the global market, the world USD index at some points of time exceeded 115 points - the highest level in the last 20 years, and capital flows tended to move out of emerging markets. In that context, in addition to sharply increasing interest rates and signaling tough stance in inflation control, many central banks in developed and developing countries sold foreign currencies to intervene to protect the value of their local currencies and macroeconomic stability. According to the IMF, the world's FX reserves from the beginning to Q3, 2022 decreased by about USD 1.3 trillion - the sharpest decrease since 2020.

In advanced economies, interest rates were raised at a high frequency and a high level. The Fed increased interest rates at the fastest pace in the past 40 years, with 07 consecutive hikes in 2022 from 0-0.25% p.a to 4.25-4.5% p.a. In June 2022, the ECB decided to end the asset purchase and quantitative easing program maintained since the public debt crisis, paving the way for the first interest rate increase in 11 years with 4 interest rate hikes in the second half of 2022. Several other developed economies such as England, Canada and Australia tightened monetary policy, too. On the contrary, Japan was the only developed country that maintained loosening monetary policy to promote growth in the context of slow economic recovery, however, the Bank of Japan also had to sell foreign currency for the first time in many years to stabilize FX market.

In emerging and developing economies, domestic currency depreciation pressures against the USD along with escalating world prices caused inflation to continuously

“

In response to escalating inflation, central banks tightened monetary policy drastically, signaled toughness in inflation control and sold foreign currencies to intervene to protect the value of their local currencies against strong pressure and fluctuations.

increase in many countries, meanwhile, large-scale capital outflows potentially risked macroeconomic and financial stability. Therefore, many central banks raised interest rates and sold foreign currencies to control inflation and limit the depreciation of domestic currencies against the USD. In ASEAN, Indonesia increased interest rate 5 times from 3.5% to 5.5%; Malaysia increased interest rate 4 times from 1.75% to 2.75%; Philippines increased 7 times from 2% to 5.5%; Thailand increased the repo rate twice from 0.5% to 1%. In contrast, the People's Bank of China reduced policy interest rates and RR ratio to support the economy during the period of Zero-COVID policy and the negative impact from the developments in the real estate market on the economy.

2. Viet Nam's economy

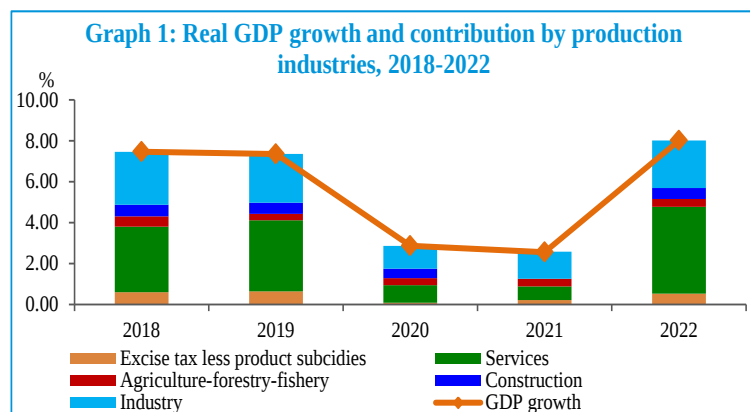
In 2022, the economy reopened after the pandemic, economic activities recovered. Along with the Resolution on the 2022 Socio-Economic Development Plan, the National Assembly and the Government urgently issued Resolution No. 43/2022/QH15 and Resolution No. 11/NQ-CP on the implementation of Socio-Economic Recovery and Development Program during 2022 and 2023, providing a comprehensive program to overcome difficulties, restore and develop the economy in post-pandemic era. However, as a small open economy, there were many challenges for the economic recovery momentum in the face of complex changes in the world combined with internal problems that had been clearly revealed after the difficult period as the result of the pandemic. Under the unified leadership of the Party, the drastic direction of the National Assembly, the Government, the Prime Minister, and the flexible management of ministries and agencies including the SBV to focus on macroeconomic stability, supporting socio-economic recovery and development, there was positive recovery of the domestic economy, the macroeconomy was kept stable, inflation was put under control, major balances were guaranteed. Improved business environment made positive contribution to socio-economic recovery and development, creating trust and support from the people and the business community.

2.1. Economic growth

In terms of economic sector, agriculture-forestry-fishery, industry and construction, and services all recovered. The first two sectors had higher growth rates than the previous 2 years; while service growth reached the highest rate in 12 years

Agriculture-forestry-fishery increased by 3.36%, higher than the growth rate of 3.27% in 2021 mainly thanks to the recovery of the forestry and fishery amidst slowed down agriculture. Forestry increased by 6.13% (2021: 4.62%) thanks to increased output of some perennial industrial trees. Fishery increased by 4.43% (2021: 1.83%) thanks to improving product quality, promoting trade, and diversifying export markets, causing agricultural exports to achieve impressive results (increased 23.1%). Agricultural alone grew by 2.88%, lower than the growth rate of 3.61% of the previous year, mainly due to the decrease in planted area and output.

Industry increased by 7.69%, higher than the rate of 4.47% in 2021. In particular, Processing and manufacturing continued to be important growth momentum of the entire economy with a growth rate of 8.10% (2021: 6.05%). The mining industry recovered, grew by 5.19% after a long period of negative growth since 2016 thanks to the growth of 4.7% and 8.3%, respectively in coal mining output and natural gas.



Source: the GSO, calculations by the SBV

Construction increased sharply by 8.17% after a decrease of 0.34% in 2021. Corresponding to the growth of the construction industry, total social investment capital grew at the rate of 11.2% (2021: 3.3%).

“

Domestic economy grew by 8.02% y-o-y, the highest growth rate in the 2011-2022 period thanks to the recovery of economic activities after 2 years of being heavily affected by the COVID-19 pandemic. On the supply side, recovery took place in all three sectors; in particular, services had the highest growth in the 2011-2022 period. On the demand side, consumption, and investment all recovered, net exports made a positive contribution to economic growth.

Services had a strong recovery with a growth rate of 9.99%, the highest in the 2011-2022 period. A number of market service sectors increased rapidly, contributing greatly to the growth rate of total added value of the entire economy as follows: Wholesale and retail increased 10.15% y.o.y (0.97 percentage points); transportation warehousing industry increased 11.93% (0.69 percentage points); accommodation and food service industry had the highest increase rate among the service sector with an increase of 40.61% (0.79 percentage points); finance, banking and insurance industry increased 9.03% (0.53 percentage points); news and communication increased 7.80% (0.5 percentage points)

Consumption and investment recovered, and net exports made positive contribution to the economic growth

Final consumption had a strong growth after 2 years of being negatively impacted by the COVID-19 pandemic, up by 7.18% - the highest in the 2016-2022 period, mainly thanks to the recovery of private consumption, up by 7.79% compared to 1.95% in 2021, while Government consumption growth slowed down to 3.62% from 4.66% in 2021.

Total asset accumulation increased by 5.75%, higher than the increase of the previous two years, corresponding to the recovery of total social investment, up by 11.2%. Of which, investment by the public, private and FDI sectors increased by 14.6%, 8.9%, and 13.9%, respectively (in 2021 it was minus 2.1%; 7.1%; and minus 1.1%).

Net exports made a positive contribution of 2.62 percentage points to economic growth amidst lower export and import growth with imports growing more slowly than exports. Specifically, exports of goods and services increased by 4.74% (2021: 13.85%) in the context of weak external demand, imports of goods and services increased by 2.77% (2021: 15.83%).

2.2. Labor, income and productivity

According to the GSO, in 2022, the labor force aged 15 and over was 51.7 million people, an increase of 1.1 million people compared to the previous year. The number of male workers was 27.5 million; accounting for 53.2%; and female workers was 24.2 million people, accounting for 46.8%. Unemployment rate in the



Labor and employment recovered in 2022,

working age was estimated to be 2.32% (at Q4, 2022 was 2.32%, an increase of 0.04 percentage points compared to previous quarter; 2021: 3.2%), of which unemployment rate in urban areas was 2.79% (2021: 4.33%), and in rural areas was 2.03% (2021: 2.5%). Unemployment rate in the youth (15-24 ages) in 2022 was estimated to be 7.72% (2021: 8.55%), of which urban areas was 9.7% (2021: 11.91%) and rural areas was 6.68% (2021: 6.76%). Underemployment rate among the working age increased by 2.21% (of which the fourth quarter of 2022 was 1.98%, an increase of 0.06 percentage points compared to the previous quarter; 2021: 3.1%).

In addition to labor market developments, productivity of the entire economy in 2022 at current prices was estimated to reach 188.1 million VND/worker (equivalent to 8,083 USD/worker, an increase of 622 USD compared to 2021.) At constant prices, productivity in 2022 increased by 4.8% thanks to improved qualifications of workers (the rate of trained workers with degrees and certificates in 2022 reaching 26.2%, 0.1 percentage point higher than that in 2021.)

Moreover, in 2022, GDP per capita at current price was estimated to be VND 95.6 million, equivalent to USD 4,110, an increase of USD 393 compared to 2021. In general, in 2022, the average monthly income of paid employees was estimated to be VND 7.5 million VND per month, an increase of VND 992,000 y-o-y. During 2020-2022, basic salary for officials, civil servants, public employees, and the armed forces was maintained at VND 1.49 million from July 1, 2019 according to Decree No. 38/2019/ND-CP dated May 9, 2019. The regional minimum wages were maintained during 2020-2021. On June 12, 2022, the Government issued Decree No. 38/2022/ND-CP regulating the minimum wage for contracted employees, accordingly, the employee's salary was divided into 04 regions, corresponding to VND 4.68 million per month, VND 4.16 million per month, VND 3.64 million per month and VND 3.25 million per month.

2.3. Inflation

In 2022, inflation was put under pressures from complex and unpredictable developments in the global and domestic markets. The sharp increase in global energy and commodity prices negatively affected Viet Nam's

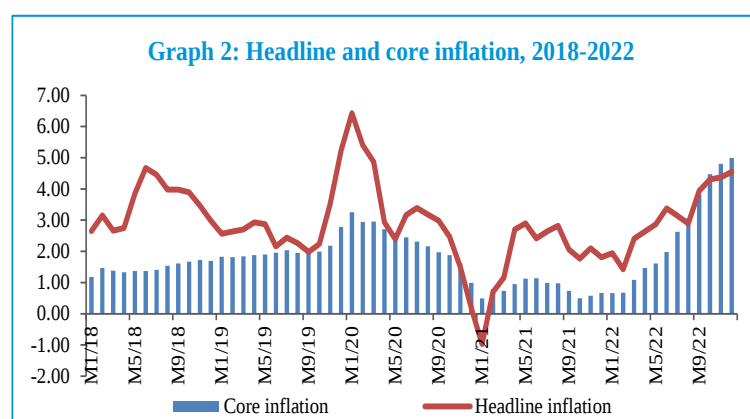
but labor growth tended to slow down in the fourth quarter as the economy was adversely impacted by difficulties in global economic growth and the number of orders decreased sharply during year-end. The average monthly income of paid employees increased compared to the previous year.

“

Average CPI in 2022 increased by

3.15%, in line with the target set by the National Assembly in the context of many pressures and uncertainties from the world. Average core inflation was at 2.59%, lower than headline inflation, showing that rising fuel prices was the main reason for the increase in headline CPI.

domestic commodity prices. Along with post-COVID domestic production and consumption demand recovery, inflation followed an increasing trend (on y-o-y basis, inflation rate increased rapidly from 1.94% in January to 4.55% in December, 2022.) Despite increasing pressure for the whole year, inflation was put under control, with an average rate of 3.15%, in line with the target. Viet Nam's success in inflation control in the context of rapid increase global inflation was attributed to the following factors: **(1)** The supply of goods, especially domestic food was guaranteed, average pork price in 2022 decreased by 10.68% compared to 2021, helping to limit the increase of food prices at 1.62%, the lowest since 2018 (in 2021, the price decreased because of the COVID-19 pandemic.) **(2)** The Government postponed the adjustment of the prices of some state-managed goods and services such as electricity, healthcare, education to continue to support people and businesses. **(3)** Solutions on taxes, supply, price support, etc. were synchronously implemented to reduce inflationary pressure. They included reducing VAT for some groups of goods and services from 10% to 8% from February 1, 2022; 50% reduction in environmental protection tax on aviation fuel from January 1, 2022 to December 31, 2022; reduction of 37 fees and charges in the first 6 months of 2022; reducing environmental protection fee for petroleum. **(4)** The proactive, flexible, cautious, and timely management of monetary policy by the SBV, along with the Government's steadfastness and success in ensuring macroeconomic stability, inflation control in recent years have helped limit pressures from increasing inflation expectations. These factors eliminated the impact of the 11.27% increase in the transport price due to the sharp increase in world fuel prices.



Source: the GSO

Meanwhile, core inflation tended to increase rapidly in 2022 due to the sharp increase in the price of house rental and vehicles, along with the strong recovery of domestic consumer demand and the impact of increasing input raw materials and fuel prices to other commodities.⁵ On average, for the whole 2022, core inflation rate was 2.59%, lower than headline inflation, reflecting that fuel prices were the main cause of the increase in headline CPI.

2.4. State budget revenues and expenditures

*State budget revenues*⁶ increased by 28.6% compared to plans, reaching about 19.1% of GDP (2021: increased by 16.8% compared to the estimate and reaching 18.5% of GDP). State budget revenue progress was high in most revenues, especially revenues from crude oil and from export and import increased sharply compared to plans. Domestic revenues accounted for the highest proportion of total state budget revenue (about 80%) and exceeded the plans by 22.7% (2021: exceeded the plans by 15.1%). Crude oil revenue exceeded plans by 176.7% (2021: increased by 92.4% compared to plans.) Revenue from imports and exports exceeded the estimate by 43.4% (2021: increased by 20.9% compared to the plans).

State budget expenditures exceeded the National Assembly plans by 6.1% (2021: exceeding plans by 3%). Of which, capital expenditure exceeded plans by 16.3% (2021: 8.1%); current expenditures were 0.8% lower than plans (2021: exceed plans by 1.7%).

State budget deficit was lower than plans in both absolute and relative value, reaching 352,830 billion VND, equivalent to 3.71% of GDP compared to the surplus of 3.41% GDP in 2021.

“

State budget revenues were higher than plans thanks to good revenues as the economy recovered in 2022, typically revenues from crude oil and from imports and exports. Meanwhile, state budget expenditures were lower than plans. Revenue progress was higher than expenditure progress, causing the state budget deficit to improve.

⁵ On y-o-y basis, core inflation rate increased rapidly from 0.66% in January 2022 to 4.99% in December 2022. On average in 2022, compared to 2021, rental housing prices increased by 0.72% (2021: decrease by 1.41%); restaurant services prices increased by 4.94% (2021: 2.09%); prices of the vehicles also increased again at the rate of 1.05% after decreasing in 2020 and 2021...

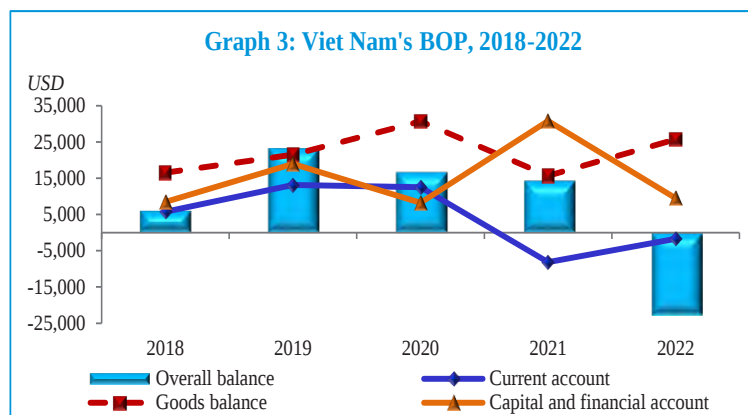
⁶ State budget data for 2022 was the estimated number according to Report No. 46/TTr-BTC submitted to the Government on March 31, 2023 on the additional assessment report on the performances of state budget implementation in 2022 and state budget estimate for 2023. Based on the above data source on the state budget, the SBV itself calculated the ratio of state budget revenues and expenditures to GDP using the adjusted GDP announced by the GSO. The ratio of state budget deficit to GDP was announced by the Ministry of Finance.

2.5. Balance of payments



Overall balance in 2022 was in deficit, reversing from the surplus of USD 14.3 billion in 2021 in the context of global economic uncertainties, with the USD appreciating sharply compared to most currencies in the world.

Overall balance was in deficit of about USD 22.7 billion, a reversal from the surplus of USD 14.3 billion in 2021. In the context of rising interest rates on the international market and USD appreciation compared to most other currencies, the increasing tendency of foreign currency hoarding and transferring abroad resulted in the overall balance to shift to a high deficit in 2022.



Source: the SBV

Current account was in deficit of USD 1.07 billion or 0.26% of GDP, significantly improved compared to the deficit of USD 8.15 billion in 2021 or 0.37% of GDP thanks to a high surplus of goods balance and strong recovery of service exports after a long period of negative impacts from the COVID-19 pandemic. *Balance of goods*⁷ had a surplus of USD 25.72 billion, an increase of 64% compared to the surplus of USD 15.67 billion in 2021, just below the record level of USD 29.68 billion in 2020. *Trade balance*⁸ was in surplus of USD 12.4 billion or 3.3% of export turnover, 3.7 times higher than that of USD 3.3 billion in 2021 or 1.0% of export turnover. Although 2022 witnessed total export and import turnover reaching a record high (USD 730.2 billion), an increase of 9.1% compared to 2021, the growth rates of exports and imports were both lower on y-o-y basis. *Services balance* had a deficit of USD 12.6 billion in 2022, down by 18% compared to the deficit of USD 15.4 billion in 2021, thanks to service export revenues started to recover, reaching USD 12.9 billion, an increase of almost

⁷ Goods balance is the difference between exports of goods at FOB prices and imports of goods at FOB prices.

⁸ Trade balance is the difference between exports of goods at FOB prices and imports of goods at CIF prices.

2.5 times compared to USD 5.26 billion in 2021; while service imports reached USD 25.5 billion, an increase of 23.6% compared to 2021. *Current transfers* had a surplus of USD 5.56 billion, down by 46.1% compared to 2021 mainly due to fluctuations in private remittances.

Capital and financial accounts had a surplus of USD 9.5 billion, lower than that of USD 30.8 billion in 2021. *Net FDI* reached USD 15.23 billion, slightly decreased compared to USD 15.28 billion in 2021. *Net foreign indirect investment* reached a surplus of USD 1.5 billion, a sharp increase compared to the surplus of USD 281 million in 2021. *External debt* was in surplus of USD 6.07 billion, an increase of 11.6% compared to the surplus of USD 5.44 billion in 2021, with mixed developments across terms. Net short-term debt was in surplus of USD 3.9 billion, a sharp increase of 48.5% compared to the surplus of USD 2.64 billion in 2021. Net medium and long-term debt and repayment had a surplus of USD 2.16 billion USD, down by 23.1% compared to the surplus of USD 2.8 billion in 2021. *Cash and deposits* were in deficit of USD 13.4 billion, reversing from the large surplus of USD 8.06 billion in 2021.

2.6. Financial and monetary developments

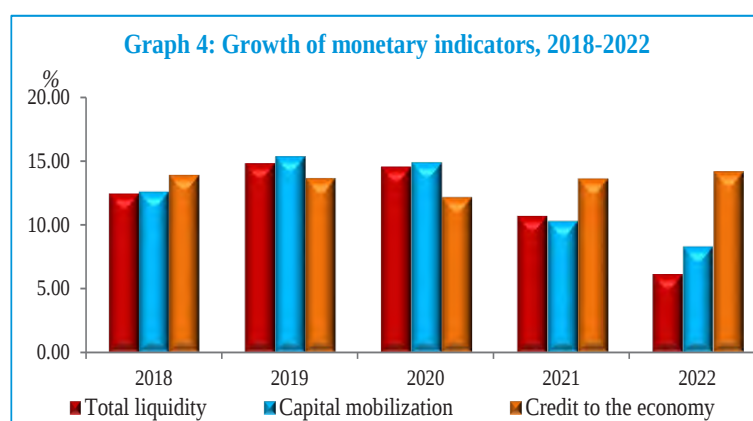
Monetary developments

In 2022, M2 increased by 6.15% compared to end-2021, lower than the growth rate of 10.66% in 2021. In the context of domestic monetary and foreign exchange market being under great pressure from the world, much needed to hold foreign currency, the SBV had to sell foreign currency to limit excessive volatility in exchange rates, ensuring stability of money and foreign exchange market, contributing to macroeconomic stability. Meanwhile, slow public investment disbursement amidst good state budget revenues causing a large amount of money to be deposited in the State Treasury's accounts in the banking system without being released to the economy was the main factor of lower M2 growth. The main factor supporting M2 growth was credit with growth rate of 14.18% (2021: 13.61%) in the context of increased demand for funding for production and business to recover the economy.

“

M2 growth was low in the context that a large amount of money had been deposited in the State Treasury's account in the banking system without being released to the economy. The SBV intervened to stabilize the FX market in the face of great pressure from

the world market. Meanwhile, higher credit growth compared to 2021 contributed to supporting the recovery of economic growth.

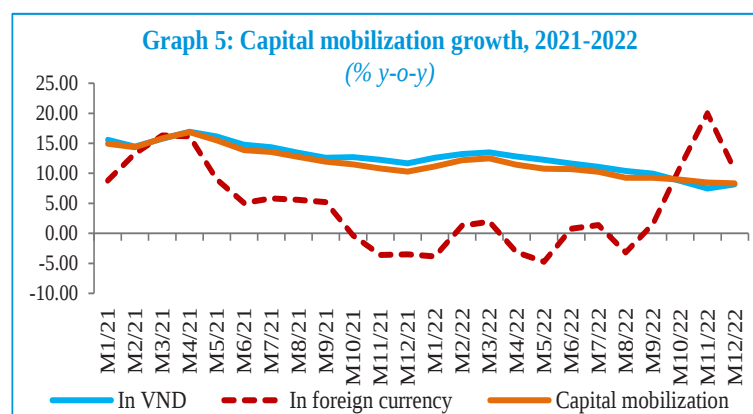


Source: the SBV

Capital mobilization by the banking system went down continuously from 2019 to 2022, foreign currency deposits increased again

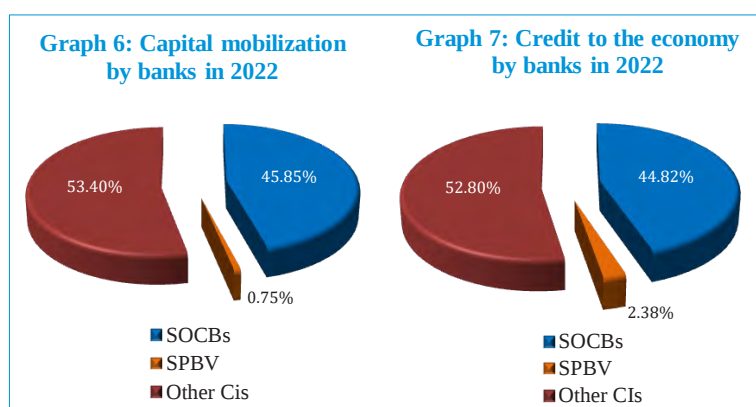
Capital mobilization of the entire system increased by 8.34% compared to the end of 2021 - continuously decreasing from 2019 to 2022 (2019: 15.37%; 2020: 14.9%; 2021: 10.3%); of which, VND mobilization increased by 8.16% (2021: 11.67%), foreign currency mobilization increased by 10.5% (2021: decreased by 3.5%).

Regarding structure, capital mobilization by SOCBs and the VBSP increased, while by the other CIs went down⁹: Capital mobilization by SOCBs (excluding the VBSP) accounted for 45.85% of the entire system (2021: 45.53%); the VBSP accounted for 0.75% (2021: 0.67%); other CIs accounting for 53.4% (2021: 53.8%).



Source: the SBV

⁹ Including joint stock commercial banks, 100% foreign owned banks, joint-ventured banks, foreign bank branches, non-bank CIs (finance companies, leasing companies), PCFs.

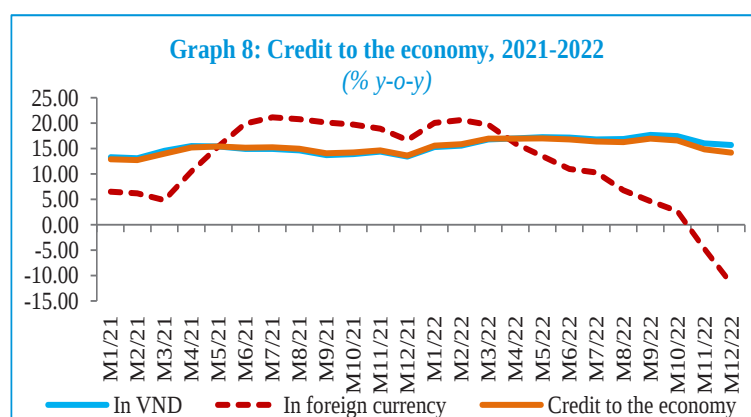


Source: the SBV

Credit growth was associated with improving credit quality, supporting socio-economic recovery and development without subjectivity to inflation risks.

Credit to the economy¹⁰ increased by 14.18% compared to end-2021 (2021: 13.61%); of which, VND credit increased by 15.71% (2021: 13.44%), foreign currency credit decreased by 11.62% (2021: 16.69%). Credit continued to be focused on production and business areas and those that formed economic growth momentum, thereby contributing to controlling inflation and supporting economic growth recovery.

In terms of structure, credit provision by other CIs and VBSP tended to increase while that by SOCBs decreased. Credit outstanding of SOCBs (excluding the VBSP) accounted for 44.82% of the entire system's outstanding (2021: 45.27%); VBSP accounted for 2.38% (2021: 2.37%); other CIs accounted for 52.8% (2021: 52.36%).



Source: the SBV

¹⁰ Credit outstandings exclude credit provided under trust contracts and the VAMC special bonds.

Interest rate

VND Interest rate

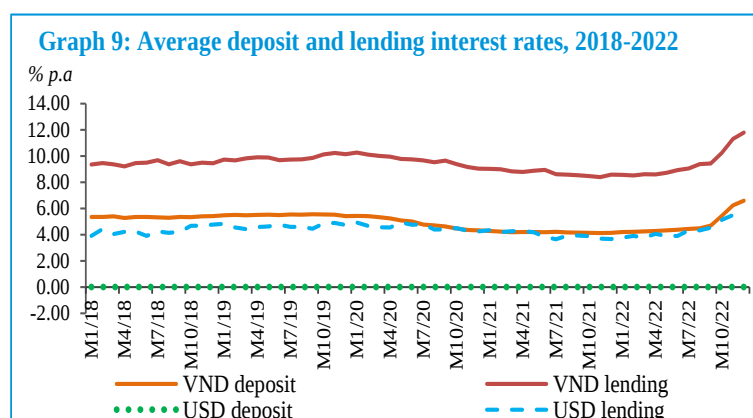


Market interest rates tended to increase in the context that domestic interest rates were under increasing pressures from world interest rates and rising domestic inflation.

Deposit and lending interest rates of CIs were in increasing trend in the context that domestic interest rates were put under rising pressure from world interest rates and rising domestic inflation. As of end-2022, average VND deposit interest rate ranged from 0.2% to 0.6% p.a for demand and less than 01-month term; 5.3% to 5.8% p.a for deposits of 01-month to less than 06-month terms; 6.2% to 7.6% p.a for deposits of 06-month to 12-month terms; 6.0% to 7.4% p.a for deposits of over 12-month to 24-month terms, and 6.9% to 7.2% p.a for deposits of over 24-month terms. The average lending interest rate for new and old outstanding loans ranged from 9.0% to 10.7% p.a; the average VND short-term lending interest rate for some industries and fields was about 4.7% p.a, lower than the maximum short-term lending interest rate according to the regulations of the SBV (5.5% p.a). In general, the average VND deposit interest rate was 5.42% p.a, up by 1.51% p.a compared to end-2021; the average VND lending interest rate was 10.19% p.a, up by 1.51% p.a compared to end-2021.

USD interest rate

USD interest rates moved in accordance with the Government's policy and the SBV's direction on anti-dollarization and limitation of FX hoarding. As of end-2022, the USD deposit interest rate of CIs was 0% p.a for deposits of individuals and institutions according to regulations of the SBV. The average USD lending interest rate of domestic commercial banks for new and current outstanding loans ranged from 3.9% to 5.4% p.a for short-term and 5.8% to 5.9% p.a for medium- and long-term.



Source: the SBV

Interbank money market

The scale of the interbank market continued to be expanded, especially lending and deposit activities

Total interbank lending and deposit turnover in VND reached VND 58,194 trillion, in USD converted to VND was VND 12,527 trillion, an increase of 73% and 59%, respectively compared to 2021. Compared to lending and deposit, the turnover of termed purchase and selling of valuable papers between CIs was smaller, reaching VND 796 trillion in 2022.

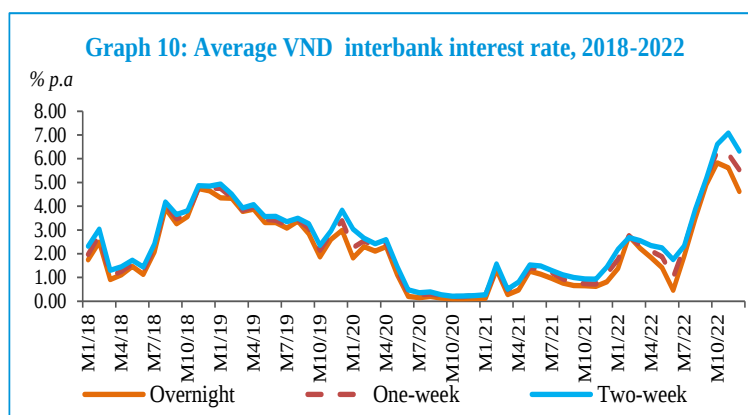
Regarding term structure, a major of interbank transactions in 2022 were at less than 01-month terms with focus on overnight and 01-week. Overnight transaction turnover in VND for the whole year reached VND 50,862 trillion, in USD converted to VND reached VND 9,790 trillion, accounting for 87% and 78%, respectively of the total annual trading volume.

Interbank interest rate went up because of pressures from the world and domestic economy

In the first half of 2022, the average interbank interest rate was relatively low for abundant system-wide liquidity. However, in the second half of 2022, it tended to increase relatively strongly to cope with increased pressure from FX market and the trend of increasing domestic inflation and volatility in Q4, 2022. For the whole year on average, overnight, 01-week and 02-week interest rates were at 3.04%, 3.42% and 3.76% p.a, respectively.

“

Interbank interest rates increased due to pressures from the world and domestic economies, and the scale of the interbank market continued to be expanded.



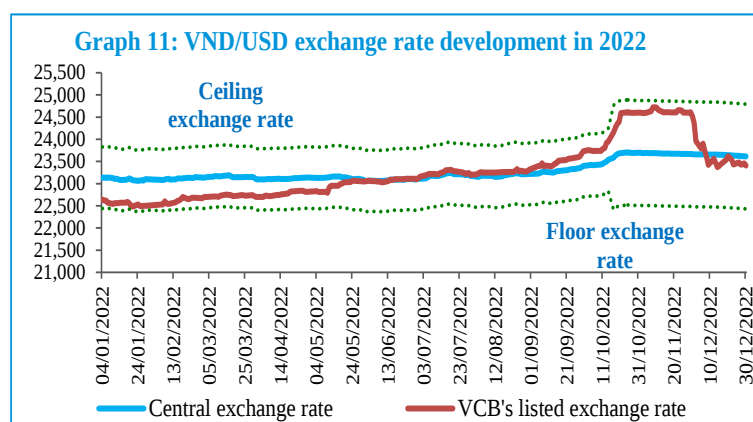
Source: SBV

FX market

“

FX market operated smoothly, legal foreign currency needs were fully and promptly met; VND was one of the few currencies with the lowest volatility compared to other currencies in the region.

Pressure from the world market, especially the Fed's 05 consecutive interest rate hikes, on the domestic FX market was high in 2022. The VND/USD exchange rate on the interbank market increased rapidly from VND 22,814 to about VND 23,900 per USD in September, 2022, an increase of 4.75% compared to end-2021. In particular, since October, 2022, negative information about the financial and banking markets had adverse impact on market sentiment and liquidity, causing the VND/USD exchange rate to increase rapidly. However, the largest depreciation of VND in 2022 remained below the 10%-to-30% depreciation of currencies of many countries in the region and the world. From mid-November, 2022, thanks to the SBV's synchronous and flexible monetary policy management measures, especially the adjustment of spot exchange rate band and flexible adjustments of intervention exchange rate to limit FX speculation and hoarding combined with solutions on interest rate management, regulation of VND liquidity and easing pressures from international financial market, the FX market was stabilized again, interbank exchange rate tended to gradually decrease to surrounding VND 23,600 per USD by end-2022.



Source: SBV

Gold price

“

Domestic gold prices fluctuated

In 2022, domestic gold bar price fluctuated in line with international gold price developments but with a faster increase and slower decrease. At the beginning of the year, domestic gold bar was traded at VND 61.1 million per tael on average. From end-

February, geopolitical tensions and global inflation increased while global stock markets declined, causing an increasing demand for safe haven assets, pushing world gold prices up sharply. Against that backdrop, on March 8, 2022, domestic gold prices jumped to a record level of VND 73.3 million per tael, an increase of 20% compared to end-2021. Since the end of September, the Fed stepped up its interest rate hikes, causing the USD to appreciate against most currencies, domestic gold prices decreased in line with international gold prices. On December 30, 2022, the average SJC gold bar price was around VND 66.3 million per tael, down by 9.5% compared to March 8, 2022 and up by 8.5% compared to the beginning of 2022; the difference between domestic and international gold prices was VND 13.9 million per tael.

strongly in line with international gold price movements but with a faster increasing and slower decreasing rate, widening the spread between domestic and international gold prices. 2022 saw international and domestic gold prices set their highest prices in many years.

Securities market

After a sublime year in 2021, the VN-Index continued to maintain at its historic peak in the first 3 months of 2022. Subsequently, however, the market continuously went down and was among the most deeply slumping markets in the world. On November 15, 2022, the VN-Index closed at 911.9 only, the lowest level of the year, down by 40.34% compared to the record high of 1,528.57 on January 6, 2022, down by 39.13% compared end-2021 and down by 20.23% y-o-y. As of December, 2022, market capitalization on all HOSE, HNX and UPCOM reached about VND 5.22 quadrillion, equivalent to 54.94% of GDP (2021: 92.47% of GDP¹¹), the HOSE alone reached 42.23% (2021: 69.51%). The average transaction value on HOSE and HNX reached VND 32.56 trillion and VND 1.99 trillion, respectively, an increase of 19.92% on HOSE and a decrease of 65.72% on HNX compared to 2021.¹² Net purchase of securities by foreign investors, including stocks and bonds, was VND 13.12 trillion compared to net sales of VND 4.1 trillion in 2021.¹³

“

In 2022, securities market experienced a year of changing. VN-Index was one of the strongest fluctuating indexes in the world.

¹¹ Calculation is based on the stock market capitalization value announced by the State Securities Commission on its portal.

¹² Calculation based on the average transaction value announced by the State Securities Commission on its portal.

¹³ Data published by the State Securities Commission on its portal.



Financial and governance capacity of CIs continued to be strengthened. CIs kept improving prudential ratios, strengthening risk management in line with the law and international practices. System liquidity continued to be guaranteed and credit quality was improved.

2.7. Operations of CIs

As of end-2022, the CI system included 04 commercial banks with state ownership of over 50%, 03 compulsorily acquired commercial banks, 01 Social Policy Bank, 01 Development Bank, 28 joint-stock commercial banks, 02 joint-venture banks, 09 100% foreign owned banks, 50 foreign bank branches, 26 finance and leasing companies, 01 Cooperative Bank, 1,181 PCFs and 04 microfinance institutions.

Table 1: Viet Nam's CI system as of December 31, 2022

No.	Type of CI	2021	2022
1	SOCB	4	4
2	Compulsorily acquired bank	3	3
3	Social Policy Bank	1	1
4	Viet Nam Development Bank	1	1
5	Joint-stock commercial bank	28	28
6	Joint-venture bank	2	2
7	100% foreign owned bank	9	9
8	Foreign bank branches	51	50
9	Finance and leasing companies	26	26
10	Cooperative Bank	1	1
11	PCF	1,181	1,181
12	Microfinance institution	4	4

Source: the SBV

CIs continued to strengthen their financial capacity and scale up their operations

In 2022, CIs continued to strengthen their financial capacity and scale up their operations; solutions to NPL resolution were deployed synchronously with measures to control and prevent new NPLs, contributing to maintaining the on-balance NPL ratio at below 2.0%. Governance and risk management capacity of CIs was gradually improved, approaching international practices and in accordance with the conditions of domestic market. System liquidity remained stable, and CIs strictly complied with regulations on prudential ratios and limits. Hence, business performances of CIs continued to be improved. As of end-2022, total assets of the entire

system reached VND 18.28 quadrillions, an increase of 14.5% y-o-y; total chartered capital reached VND 878.1 trillion, an increase of 13.02% y-o-y.

Table 2: Basic indicators

Type of CI	Total assets		Chartered capital		Ratio of short-term deposit to medium and long-term loans (%)	Ratio of outstanding loans to total deposits (%)
	VND billion	± %	VND billion	± %		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
SOCBs	7,679,166	19.03	190,433	5.75	26.17	80.64
Social Policy Bank	300,553	15.77	22,185	16.63		
Joint-stock commercial banks	8,000,502	11.86	469,409	19.26	30.71	75.36
Joint-ventured, foreign banks	1,770,764	8.67	146,414	5.66		40.30
Finance, leasing companies	310,877	19.49	39,165	9.17	42.03	
Cooperative Bank	49,799	1.28	3,030	0.00	16.10	67.67
PCF	164,241	3.41	6,357	12.33		
The whole system	18,275,093	14.50	876,993	13.04	25.56	74.35

Source: the SBV

Note:

- Data was made based on December 2022 accounting reports and statistical reports of CIs, foreign bank branches (excluding micro-finance institutions);
- State-owned commercial banks include: Viet Nam Bank for Agriculture and Rural Development, Viet Nam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade, Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Viet Nam, Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Viet Nam, Viet Nam Construction Joint Stock Commercial Bank, Global Petroleum One-Member Commercial Bank Limited, Ocean One-Member Commercial Bank Limited;
- Data in columns (6), (7) do not include Social Policy Bank and PCFs (not subject to report);
- The ratio of short-term deposit to medium-and long-term lending of joint-venture and foreign banks is not valid because they did not use short-term capital for medium and long-term lending.

Along with financial and governance capacity improvement and operation scale-up, in 2022, CIs focused on developing restructuring plans associated with NPL resolution, filling gaps, and improving financial and governance capacity in accordance with the law and international practices. As of end-2022, ROA

and ROE of the entire system were 1.38% and 15.83%, respectively (higher than 2021 levels of 1.20% and 14.70%, respectively.) The CAR of the group of banks applying Circular No. 41/2016/TT-NHNN was 11.68%, of the group of banks applying Circular No. 22/2019/TT-NHNN was 10.44%, and of the group of CIs applying Circular No. 23/2020/TT-NHNN was 18.07%. The average liquidity reserve ratio reached 18.5%; most CIs met prudential ratios and limits according to the law.¹⁴

Table 3: CAR of CIs and foreign bank branches

No.	Type of CI	Equity capital		Minimum capital adequacy ratio (%)
		VND billion	± %	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Group of banks applying Circular No. 41/2016/TT-NHNN	1,404,901	17.53	11.68
1.1	SOCBs	427,931	16.63	9.16
1.2	Joint-stock commercial banks	726,938	19.19	12.01
1.3	Joint-ventured, foreign banks	250,031	14.40	19.16
2	Group of banks applying Circular No. 22/2019/TT-NHNN	159,176	9.16	10.44
2.1	SOCBs	127,717	15.67	10.63
2.2	Joint-stock commercial banks	28,559	16.02	9.63
2.3	Cooperative Bank	2,900	5.84	10.67
3.	Group of non-banks applying Circular No. 36/2014/TT-NHNN	54,850	6.44	18.07
3.1	Finance, leasing companies	54,850	6.44	18.07

Source: the SBV

Note:

- The above data are sourced from Balance Sheet Reports and Statistic Reports of Credit Institutions and foreign banks' branches in December 2022 (excluding microfinance institutions);
- State-owned commercial banks include: Viet Nam Bank for Agriculture and Rural Development, Viet Nam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade, Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Viet Nam, Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Viet Nam, Viet Nam Construction Joint Stock Commercial Bank, Global Petroleum One-Member Commercial Bank Limited, Ocean One-Member Commercial Bank Limited;
- Regulatory capital and CAR have excluded those banks with negative regulatory capital.

¹⁴ Except for some weak CIs that are in the process of restructuring and CIs that are in transitioning period regarding some capital adequacy ratios and limits according to the law.

Table 4: CIs' ratios*Unit: %*

Type of CI	ROA	ROE
SOCBs	1.08	19.44
Social Policy Society	0.55	3.20
Joint-stock commercial banks	1.78	17.82
Joint-ventured, foreign banks	1.32	9.23
Finance, leasing companies	0.90	5.20
Cooperative Bank	0.39	4.63
PCFs	0.95	13.40
The whole system	1.38	15.83

*Source: the SBV**Note:*

- Data according to the 2022 Financial Report;
- Does not include micro CIs.
- State-owned commercial banks include: Viet Nam Bank for Agriculture and Rural Development, Viet Nam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade, Viet Nam Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade, Viet Nam Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development, Viet Nam Construction Joint Stock Commercial Bank, Global Petroleum One Member Limited Commercial Bank, Ocean Commercial Bank Limited;
- Eliminate CIs with negative equity when calculating ROA and ROE.

System liquidity and credit quality continued to be guaranteed

Liquidity risk: Due to the impact of complicated developments internally and externally, system liquidity was put under high pressure at some times, especially in the fourth quarter. However, the SBV promptly took measures to support and relieve liquidity pressure and stabilize the money market. For the whole year 2022, system liquidity was basically guaranteed and system safety was maintained.

Credit risk: In the context that the COVID-19 pandemic and adverse world macroeconomic developments had negative impact on the domestic economy, reducing the financial and debt service capacity of businesses, the SBV directed CIs to synchronously deploy measures to resolve NPLs, control and prevent new NPLs, contributing to improving credit quality and maintaining the on-balance NPL ratio of the CI system at 2%. In 2022, the entire system of CIs handled

VND 205.1 trillion of NPLs, of which 54.14% were handled by CIs' risk provisions, and 32.04% were handled by customers' debt repayment, and 9.7% were sold to the VAMC. Regarding NPL resolution in accordance with Resolution No. 42/2017/QH14 of the National Assembly, from August 15, 2017 until the end-December, 2022, the entire CI system handled VND 412.4 trillion of NPLs. In 2022, the SBV advised the Government to propose to the National Assembly to extend the deadline of Resolution 42 and at the same time, research and legislate on the basis of inheriting, supplementing and improving Resolution 42 to create a stable and sustainable legal framework for NPL resolution by CIs.

Part II - Policy management of the State Bank of Viet Nam

In implementing the direction of the National Assembly and the Government in the Resolutions on the 2022 Socio-Economic Development Plan and implementing the Socio-Economic Recovery and Development Program,¹⁵ the SBV issued Directive No. 01/CT-NHNN dated January 13, 2022, setting out goals and tasks for the entire banking industry in 2022 as follows: *“Proactive and flexible management of monetary policy, in close coordination with fiscal and other macroeconomic policies to control inflation in accordance with the 2022 target of about 4% on average, contributing to macroeconomic stability, supporting economic growth recovery, and promptly adapting to developments on domestic and foreign markets. In 2022, credit growth is targeted at about 14% with adjustment in accordance with actual developments and situation. Reasonable credit growth is associated with improving credit quality, focusing on production and priority areas, supporting socio-economic recovery and development. Tightly control credit to potentially risky areas. Continue to remove credit difficulties for people and businesses affected by the COVID-19, natural disasters and pandemics”*. At the same time, the SBV drastically implemented the assigned tasks and solutions in the Socio-Economic Recovery and Development Program.

1. Monetary policy management

Reasonable monetary regulation, system liquidity reservation, money market stabilization, and capital preparedness to support economic growth recovery

In closely following the direction of the National Assembly and the Government, the monetary policy goals of the SBV, developments in the monetary market and the working capital situation of CIs, the SBV proactively and flexibly managed open market operations, closely coordinating with fiscal policy for proper monetary

“

*Actively, flexibly,
and synchronously
manage monetary
policy tools to
control inflation,
contributing to
maintaining
macroeconomic*

¹⁵ Resolution No. 32/2021/QH15 of the National Assembly dated November 12, 2021; Resolution No. 43/2022QH15 of the National Assembly dated January 11, 2022; Resolution No. 01/NQ-CP of the Government dated January 8, 2022; Resolution No. 11/NQ-CP of the Government dated January 30, 2022.

stability, and supporting economic growth recovery; ensuring system liquidity, maintaining a stable money market; deploying the 2% interest rate support package worth VND 40,000 billion from the state budget through the banking system.

regulation, ensuring system liquidity, stabilizing the money market to control inflation and support economic growth recovery. Accordingly, the SBV continued to make daily offers to purchase valuable papers with appropriate volumes and terms to signal capital support for CIs, contributing to supporting economic recovery. The volume and term of bids were adjusted appropriately, at times when the payment needs of the banking system and the economy increase such as during the Calendar and Lunar New Year. In particular, since October 2022, in facing with adverse information affecting the operations of the banking system, the SBV increased the volume of offers to buy valuable papers through open market operations to inject capital to support liquidity for CIs to meet cash payment needs of people and economic organizations, stabilizing psychology, stabilizing the money market, ensuring the safety of the system of CIs. In addition, since June 2022, in response to unfavorable developments on international and domestic markets affecting exchange rate management, the SBV issued SBV bills with reasonable terms and volumes for monetary control and implementation of monetary policy goals.

Flexible management of interest rate in line with developments

For almost the first 9 months of 2022, policy interest rates was kept unchanged by the SBV in the context of rapidly increasing world interest rates and climbing up domestic inflation pressures, thus enabling CIs to access capital from the SBV at low cost. However, since the end of September 2022, the negative impacts on the monetary and banking sectors changed very quickly; global inflation was anchored at a high level, the Fed continuously and rapidly adjusted policy interest rates and was about to continue to increase soon, the USD has appreciated sharply, increasing pressure on interest rates and domestic exchange rate, creating pressure on inflation. Against that backdrop, to control inflation, stabilize the macro-economy and the currency, and ensure the safety of the banking system, the SBV raised interest rates with an increase of 0.8-2% p.a in September and October 2022. To be more detailed: **(1)** The SBV raised refinancing interest rate from 4% p.a to 6% p.a; rediscount rate from 2.5% p.a to 4.5% p.a, overnight lending interest rates in interbank electronic payments and lending to compensate capital shortages in clearing payments of the SBV from 5% p.a

to 7% p.a. (2) The SBV raised the maximum interest rate for VND deposits of institutions and individuals at CIs, for demand deposits and term deposits of less than 1 month from 0.2% p.a to 1.0% p.a, for deposits termed from 1 month to less than 6 months from 4% p.a to 6% p.a. (3) The SBV raised the maximum short-term VND lending interest rate from 4.5% p.a to 5.5% p.a. At the same time, the SBV directed CIs to do their best efforts to cut operating costs, administrative procedures, and unnecessary expenses to have room to reduce lending interest rates, thus supporting businesses and people to overcome difficulties.

Keeping VND and FX RR ratios unchanged

RR ratio for VND deposits was maintained at 3% for demand deposits and with terms of less than 12 months, 1% for deposits with terms of 12 months and above. As for foreign currency deposits, the RR ratio rate is maintained at 8% for demand deposits and with terms of less than 12 months, 6% for deposits with terms of 12 months and above and 1% for CIs' oversea deposits.

Continuing to refinance in accordance with the objectives of monetary policy management and the Government's policies

The refinancing tool was operated in accordance with the Government's policies, the SBV's operating objectives and the capital needs of CIs. Accordingly, the SBV refinanced CIs for liquidity support, refinanced the VBSP for lending to employers to pay salaries to employees according to Resolution No. 68/NQ-CP and Decision No. 23/2021/QD-TTg.¹⁶

Managing exchange rates flexibly and appropriately, keeping FX market stable

In 2022, in the context of exchange rates and FX markets being under great pressure due to strong and increasing fluctuations on international market, the SBV flexibly implemented the following measures to stabilize the FX market and exchange rate, contributing

¹⁶ Resolution No. 68/NQ-CP dated July 1, 2021 of the Government on a number of policies to support employees and employers facing difficulties due to the COVID-19 pandemic and Decision No. 23/2021/QD-TTg dated July 7, 2021 of the Prime Minister regulating the implementation of a number of policies to support employees and employers facing difficulties due to the COVID-19 pandemic.

to macroeconomic stability. (1) The SBV gradually created room for exchange rates to move flexibly in accordance with market conditions and macroeconomic fundamentals, thereby absorbing external shocks, controlling market sentiment and expectation and foreign currency holding. (2) The SBV flexibly intervened into the market through FX selling, adjusting buying/selling intervention rates, and net selling of foreign currencies to CIs to meet liquidity needs and stabilize market sentiment, contributing to limiting strong market fluctuations in each period. (3) In proactively adapting to unpredictable developments and major market pressures, on October 17, 2022, the SBV expanded the USD/VND spot exchange rate band from $\pm 3\%$ to $\pm 5\%$, thus creating room for greater exchange rate flexibility and better absorbing internal and external shocks. Exchange rate management coordinated synchronously with other monetary policy tools such as interest rates, VND liquidity to ease pressure from global market.

Managing credit growth in association with credit quality improvement, fully and promptly meet capital needs of the economy; drastically deploy a 2% interest rate support package worth VND 40,000 billion from the state budget through the banking system

Based on the economic growth target for 2022 set by the National Assembly and the Government, the SBV developed directional credit growth target with adjustment in accordance with developments and the actual situation.¹⁷ Accordingly, the SBV managed credit to support economic recovery, meeting capital needs for production and business without being subjective to inflation risks. The SBV focused credit on production, business and priority areas while strictly controlling credit for potentially risky areas. Besides, the SBV instructed CIs to deploy many solutions to overcome difficulties, create favorable conditions for businesses and people to access bank credit, contributing to limiting black credit such as innovating, improving processes, loan procedures, diversifying credit programs and products for them to be suitable for different subjects and economic sectors, promoting technology application in the context of pandemics; reviewing and cutting many

¹⁷ The credit growth target was determined at about 14% at the beginning of the year and by December 5, 2022, it was raised by 1.5 -2% across the system.

fees for customers. At the same time, the SBV continued to effectively deploy bank-business connection conferences nationwide, field surveys, receiving and promptly resolving issues faced with people and businesses.

In terms of supporting businesses and people, after the issuance of Decree No. 31/2022/ND-CP dated May 20, 2022 on interest rate support from the state budget given to loans to enterprises, cooperatives, and business households, the SBV issued: **(1)** Circular No. 03/2022/TT-NHNN dated May 20, 2022 instructing commercial banks to support interest rates according to regulations; **(2)** Directive No. 03/CT-NHNN dated August 16, 2022 on promoting the implementation of the interest rate support program; **(3)** Documents guiding the accounting of interest rate support, answering issues within the scope of the SBV's state management. **(4)** The SBV organized 04 national conferences to thoroughly grasp, communicate, and unify the implementation of policies from central to local levels, and at the same time answered and removed difficulties and obstacles in the process of implementing policies.

2. FX management

Strengthening the development and improvement of the legal framework on FX and gold market management

The SBV continued to improve the legal framework on FX activities and renew legal documents in accordance with actual conditions, contributing to creating a complete and synchronous legal corridor, creating favorable conditions for institutions and individuals to carry out FX activities according to the law, ensuring their right to access to economic benefits from these activities. Accordingly, in 2022, the SBV issued 06 circulars in the field of FX management. Those new documents have contributed to the improvement of the legal framework on FX management, meeting the actual needs and management requirements of the State, synchronizing the legal system that regulate FX activities, limiting cases of taking advantage to commit illegal acts in the field of FX. In addition, the SBV upgraded a number of administrative procedures to level 3 and 4 public services to minimize the administrative procedure compliance time and cost, facilitating organizations and individuals

“

The legal framework for FX and gold market continued to be improved. Accordingly, current and capital transactions, FX reserves and gold market continued to be managed effectively.

to flexibly implement administrative procedures in many forms.

Managing current transactions

Current transaction continued to be managed in the direction of liberalization in accordance with international commitments. At the same time, the SBV continued to implement policies to limit the use of foreign currencies domestically with the aim at limiting, moving toward ending dollarization, and increasing people's confidence in the VND. The policy on attracting remittances continued to be open in consistent with the integration trend for encouraging and facilitating remittance inflows, contributing to domestic economic development and improving Viet Nam's BOP. In addition, the SBV continued to implement solutions to attract foreign currency sources into the banking system through foreign currency exchange management policies, remittance policies, and foreign currency buying and selling between authorized CIs and individuals, regulations on selling foreign currencies to authorized CIs, border payment management policies, etc.

Managing capital transactions

FX management for foreign investment activities was carried out in the direction of facilitating the attraction of foreign investment capital inflows, contributing to supporting economic growth and improving the BOP. Direct/indirect investment abroad was managed closely and cautiously, on one hand supporting domestic investors to take advantage of investment opportunities abroad, on the other hand ensuring close supervision of capital outflows, prioritizing resources for domestic economic development.

In addition, the SBV continued to closely monitor and manage nonpublic guaranteed external borrowing and debt repayment by enterprises in consistent with the nation's external debt management goals, ensuring that enterprises' net self-external borrowing and debt repayment was kept within the external debt limit approved by the Prime Minister, hence ensuring either compliance with national external debt safety targets or meeting enterprises' capital needs. In parallel, the SBV continued to improve the legal framework on managing nonpublic guaranteed external borrowing and debt repayment of enterprises without public guarantee in

the following directions: (1) Strengthening the capacity to monitor external borrowing and debt repayment to ensuring the realization of goal of managing enterprises' self-external borrowing and debt payment; (2) Streamlining administrative procedures to support businesses in accessing external loans; (3) Improving the reporting mechanism, renewing and applying online external borrowing and debt repayment reporting system, helping to reduce costs for businesses and improve the quality of statistical reports for monitoring levels and management of external loans.

Managing FX reserves

In 2022, with the scale of FX reserves that had been significantly accumulated in previous periods, amidst unfavorable domestic market developments, the SBV prepared resources to meet foreign currency needs and ensure market liquidity, contributing to macroeconomic stability and controlling inflation. At the same time, the SBV promptly adjusted the structure, standards, and limits for reserve investment to on the one hand be consistent with developments in the domestic and international financial markets, on the other hand ensure compliance with the principles of conservation, liquidity, profitability in FX reserves management.

3. Banking inspection and supervision

Inspection and supervision activities

Inspection continued to be renewed following the direction of combining consolidated and risk-based inspection approaches, aiming to effectively focus inspection resources on subjects and fields with high potential risks, on those that could easily cause negativity and violations to promptly detect, prevent, and strictly handle violations of CIs. In 2022, the SBV conducted 1,420 inspections and examinations, issued 227 decisions on administrative sanctions against CIs, businesses, and individuals with a total fine of VND 22.4 billion.

In addition to inspection, supervision continued to be paid attention, which was seen in: (1) Supervision continued to focus on monitoring and assessing risks in the operations of CIs in addition to their compliance with prudential regulations in operations; (2) Supervision was implemented in close coordination with inspection, licensing and regimes and policies making; (3) The

“

The SBV continued to drastically and synchronously deploy solutions on banking inspection and supervision; solutions to restructure the CI system associated with NPL resolution; promote the implementation of and ensure safe and effective operations

*in accordance with
Basel II standards.*

SBV worked with CIs to require them to strengthen governance, internal control, and NPL resolution, minimize operational risks and strictly comply with legal regulations.

Based on inspection and supervision outcomes, the SBV issued documents to direct and rectify CIs and foreign bank branches on issues related to business activities and insurance agents; guarantee provision, corporate bond issuance agents, compliance with regulations on prudential limits and ratios, credit granting to private economic groups, large real estate corporations and related persons, credit granting for participation of land use right auctions, corporate bond investment, provision of services related to corporate bonds and customers with outstanding loans in risky fields such as real estate, securities...

Licensing management

In 2022, the SBV received and processed 02 applications to establish 100% foreign owned banks, 14 applications to establish new foreign bank branches of foreign CIs according to the provisions of the Circular. No. 40/2011/TT-NHNN dated December 15, 2011, 01 application to establish 01 credit information service provider according to Decree No. 58/2021/ND-CP dated June 10, 2021. At the same time, the SBV continued to license the establishment of branch networks of commercial banks according to Circular No. 21/2013/TT-NHNN dated September 9, 2013. Through monitoring the management and licensing of commercial bank branches, the network of newly established branches of the commercial bank system had no longer concentrated in big cities but have expanded throughout the provinces. Some commercial banks have developed their networks of transaction offices in the mountainous areas in the North, Central, Central Highlands and Southwest.

Anti-money laundering

Anti-money laundering and terrorist financing continued to achieve many important results, contributing to preventing and combating domestic and international crimes, protecting national financial and monetary security and the safety of the banking system. With the close direction of the Government and

the Anti-Money Laundering Steering Committee, the SBV closely coordinated with ministries and agencies in implementing many important tasks including (1) Developing and finalizing the Law on Anti-Money Laundering then reporting the Government to submit to the National Assembly for approval on November 15, 2022 to overcome limitations and gaps in the 2012 Law on Anti-Money Laundering, ensuring the consistency of the legal system, consistent with international treaties and commitments to which Viet Nam is a member and ensuring feasibility in the context of Viet Nam; (2) Implementing the Government's commitments to international organizations and Viet Nam's membership obligations in the Asia-Pacific Group on Anti-Money Laundering (APG); (3) Advising the Prime Minister on issuing decisions to establish national risk assessment working groups on anti-money laundering and terrorist financing (NRA).

Besides, the SBV continued to focus on collecting and processing reports according to the law, transferring suspicious transaction information, exchanging, and providing information to competent domestic and foreign authorities. At the same time, the SBV strengthened international cooperation, set up IT systems for anti-money laundering, contributing to preventing and combating crime, protecting national financial and monetary security and safety of the banking system.

Developing and organizing the implementation of the 2021-2025 Master plan on “Restructuring the CI System associated with NPL Resolution”; implementing and ensuring safe and effective operations according to Basel II standards

Continuing to promote the restructuring of the CI system associated with NPL resolution

Based on wrapping up the implementation of the 2016-2020 Master plan on Restructuring of the CI System associated with NPL Resolution, the SBV developed and submitted to the Prime Minister for approval the 2021-2025 Master plan on restructuring the CI System associated with NPL Resolution (Decision No. 689/QĐ-TTg dated June 8, 2022). To synchronously implement the goals, tasks and solutions stated in the Master plan, the SBV issued the Banking Industry Action Plan (Decision No. 1382/QĐ-NHNN dated August 12, 2022). In addition,

the SBV issued a document requesting CIs to conduct a comprehensive review and assessment of financial situation and operations, identifying difficulties, challenges, shortcomings, limitations that needed to be handled, and developing solutions to restructuring associated with NPL resolution during 2021-2025 period as well as roadmaps to ensure compliance with the Master plan. Besides, the SBV continued to direct and guide each CI to develop its own restructuring plan associated with NPL resolution for 2021-2025 period. Hence, the safe and stable operation of the CI system continued to be maintained. The CI system continued to scale up, charter capital gradually increased over the years, financial capacity of CIs was strengthened, NPL ratio continued to be maintained at a safe level, CIs raised awareness and paid more attention to improving risk management, increasing information transparency in accordance with the law.

Implementing and ensuring safe and effective operations according to Basel II standards

In order to improve the legal framework for the implementation of Basel II in Viet Nam, the SBV issued Circular No. 41/2016/TT-NHNN dated December 30, 2016 providing guidance on capital adequacy according to the Basel II Standardized Approach and Circular No. 13/2018/TT-NHNN dated May 18, 2018 regulating the internal control system of commercial banks and foreign bank branches, contributing to strengthening the ability to control, detect, prevent, warn and promptly handle violations and risks of the banking system. Accordingly, most CIs had applied the CAR according to Circular No. 41/2016/TT-NHNN (Standardized Approach of Basel II standards). As of December 31, 2022, there were 87 commercial banks and foreign bank branches that had applied CAR as prescribed in Circular No. 41/2016/TT-NHNN.

4. Macroprudential supervision of the financial system

The SBV continued to implement the System Risk Supervision Regulation (according to Decision No. 2563/QĐ-NHNN dated December 31, 2016), update the database for the monitoring of developments in financial stability indicators, analyzing and assessing risks affecting financial stability, conduct financial system risk surveys,



The SBV continued to implement the Systemic Risk Supervision

implement tests of the banking system's resilience to external shocks, improve the legal framework for financial stability, and macro-prudential policies and tools to prevent systemic risks and minimize negative impacts on the economy.

5. Legislation

Law making

In 2022, law making, improvement of institutional and legal framework, monetary and banking activity policies and mechanisms continued to be focused with many new points. Accordingly, the SBV chaired and coordinated with relevant ministries and agencies to develop and finalize a number of bills, advised and reported to the Government to submit to the National Assembly for issuance of Resolutions on issues of significant importance to the banking industry such as: (1) The Law on Anti-Money Laundering (amended) which was adopted by the National Assembly on November 15, 2022; (2) Resolution No. 63/2022/QH15 dated June 16, 2022 of the National Assembly on the extension of the maturity of all provisions of Resolution No. 42/2017/QH14 from August 15, 2022 to December 31, 2023; (3) Completion of documents on the Law on CIs (amended) based on reviewing, summarizing and improving the 2010 Law on CIs and Law No. 17/2017/QH14, including the legalization of NPLs and collateral resolution regulations as stipulated in Resolution 42/2017/QH14.

At the same time, in 2022, the SBV, according to its authority, developed, issued and submitted to competent authorities for issuance of 32 legal documents including 03 Government decrees, 01 Prime Minister's decision and 27 circulars, creating a legal basis for: (1) Implementing policies to support people and businesses facing difficulties due to the COVID-19 pandemic under the direction of the Government, (2) Strengthening and improving banking inspection and supervision, (3) Improving regulations on organization and operation of CIs; (4) Regulating FX activities, money transfers abroad, payments, etc.

In general, legal documents issued in 2022 helped further improve the banking industry's legal system, laying a foundation for timely and effective implementation

Regulation, gradually improving the macroprudential policy framework to create a legal basis to help prevent systemic risks and minimize negative impacts on the economy.

“

Legislation and law enforcement continued to be promoted to improve the legal framework for monetary and banking activities, contributing to enhancing the efficiency of state management, improving transparency and consistency of legal system for the banking sector.

of policies to support people and businesses in tough situation due to the COVID-19 pandemic, contributing to strengthening state management in the monetary and banking sectors, creating an important legal framework for the SBV to manage monetary policy, ensuring safety and promoting the restructuring and improving the health of the CI system.

Examination, revision, and systematization of banking legal documents

In 2022, the SBV examined and processed 41 legal documents, reviewed, and announced 28 documents of full invalidity and 26 documents of partial invalidity.

Banking law enforcement

To improve banking law enforcement effectiveness, the SBV: (1) Regularly updated and monitored the execution of newly issued legal documents of the National Assembly, the Government, and the Prime Minister (about 15 documents); (2) Implemented topical monitoring of the execution of laws to propose issuance of instructive documents, or amendment, supplementation or issuance of new legal documents according to authority to meet management requirements, thereby improving the consistency and transparency of the banking legal system (about 35 documents); (3) Reviewed, commented on the signing and approval of international treaties related to the banking sector.

6. Issue and vault operation

Cash issuance and regulation



Effectively implement issue and vault operation, ensure system safety and monetary security.

Based on the forecast of the economy's cash demand and the need to replace disqualified banknotes, the SBV developed a money printing plan for 2022, thereby maintaining cash reserves throughout the system at a safe and effective level. At the same time, based on the situation of revenues, expenditures and cash balance, the SBV proactively regulated cash, hence promptly meeting the localities' value and denomination needs in times of increased demand during the Lunar New Year and in situations of suddenly increasing liquidity needs; there was no shortage of cash nationwide. At local level, SBV branches supplied CIs and the State Treasuries in the areas with cash without cash payment arrears or postponement when there was customers' need. Those branches timely

met cash needs for local socio-economic development. In addition, the SBV continued to promote the collection, exchange, and selection of disqualified banknotes, required units throughout the banking industry to pay more attention to inspection and supervision of this activity to improve the quality of cash in circulation. As a result, the volume of recalled disqualified banknotes increased by 40% compared to 2021.

Vault safety

In 2022, the SBV continued to improve the legal foundation and efficiency of vault operations and ensured regulations to be more suitable to practical requirements. In addition, the SBV strengthened regular and unexpected inspections of SBV branches and CIs to ensure monetary and vault safety, raised the sense of responsibility, strengthened discipline in management and compliance with regulations on vault safety, strengthened inspection and examination, internal inspection of CIs, and had specific sanctions for violations. The SBV coordinated with the Ministry of Public Security in preventing and combating bank robbery, ensuring security and safety of banking operations and social security, order and safety.

Counterfeit money prevention, confrontation, and protection of the national currency

The SBV promptly analyzed, appraised, and provided timely information and warnings about newly appearing types of counterfeit money, closely coordinated with other authorities to exchange information and provide professional training in distinguishing authentic/counterfeit money. In addition, the SBV developed a Decree on counterfeit money prevention and confrontation as well as protection of Viet Nam's currency to ensure the legal basis and strengthen coordination between relevant ministries and agencies.

7. Payment operation and digital transformation

Payment system modernization

Electronic interbank payment system

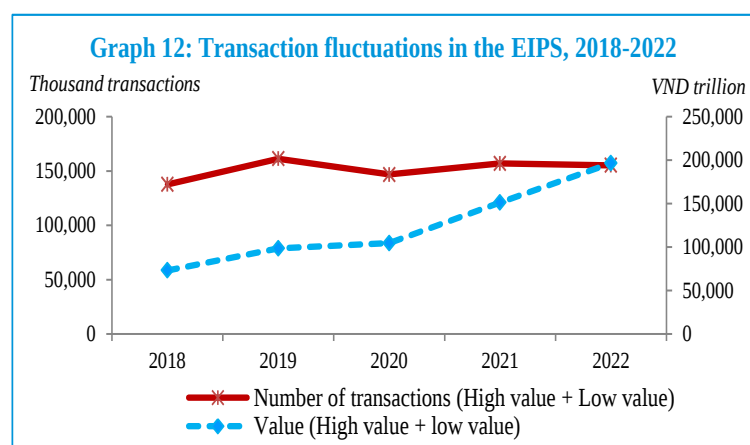
The electronic interbank payment system (EIPS) continued to be invested and modernized to meet people's increasing electronic payment needs. The operation of the EIPS was stable. While there was a decrease in transaction volume, transaction value remained increase,

“

*The payment system
continued to be*

*modernized
with stable, safe,
convenient, and
secured operation,
well serving the
need for payment in
the economy.*

thus meeting the payment and money transfer needs of member units, while promoting fast, convenient, accurate, safe, and secured payment activities. As of end-2022, the SBV's EIPS had connected with 257 units of 101 members participating in the system, including: 19 member units of the State Treasury, 64 member units under the SBV and 175 member units from 99 member CIs. Total number of transactions through the EIPS reached almost 155.19 million with a value of nearly VND 191.3 quadrillion (down by 1.11% in quantity and up by 29.90% in value compared to 2021.)



Source: the SBV

Financial transaction clearing and switching system

In 2022, the electronic financial transaction clearing and switching system operated stably and smoothly. It handled about 4.9 billion transactions with a value of VND 48.2 quadrillions (an increase of 114.89% and 95.96%, respectively compared to 2021.) In addition to the electronic financial transaction clearing and switching system, from the beginning of July 2020, the National Payment Corporation of Viet Nam (Napas) had officially put into operation the automated clearing house (ACH) with 24/7 operation, processing multi-channel and multi-media transactions, serving the needs of money transfer, retail payment transactions, and payment of utility services. With 14 member banks, in 2022, the ACH System processed 105.06 million transactions with a value of VND 1,853.56 trillion (an increase of 336.67% and 306.59% respectively compared to 2021).

Card payment

As of end-2022, there had been 21,038 ATMs and 410,743 POS nationwide and more than 145.2 million

cards in circulation. The number of transactions via POS reached more than 623.21 million with a value of about VND 1.03 quadrillion (an increase of 51.66% and 46.10%, respectively compared to 2021.) The number of transactions by bank card reached 2.22 billion with a value of about VND 4.8 quadrillion (up by 39.12% and 9.49%, respectively compared to 2021.) Transaction via ATM reached about 1.07 billion in volume with a value of more than VND 3.07 quadrillion (an increase of 12.45% and 12.50%, respectively compared to 2021).

In addition, to promote non-cash payments, the SBV issued Circular No. 17/2021/TT-NHNN dated November 16, 2022 regulating bank card activities, including regulations on eKYC-applied bank card issuance, actively contributing to the development of card payment services with many utilities and safety for people; in particular, people in rural and remote areas could access banking services without having to go to bank transaction points. After more than 01 year of implementing Circular No. 17/2021/TT-NHNN, as of end-2022, there had been 22 card issuing institutions nationwide deploying eKYC-applied card issuance with about 10.8 million active cards issued with eKYC; the number of transactions via eKYC-applied cards reached more than 89.1 million with a value of more than VND 106.1 trillion.

Payment activities via electronic channels

In 2022, payment activities via electronic channels maintained at a high growth compared to 2021. The number of transactions via internet channels reached more than 1.40 billion with a value of more than VND 55.25 quadrillion (up by 98.54% y-o-y and 50.24% y-o-y, respectively.) The number of transactions via mobile phone reached almost 5 billion with a value of more than VND 48.84 quadrillion (an increase of 139.32% y-o-y and 106.54% y-o-y, respectively.) The number of transactions via QR code reached almost 76.76 million with a value of more than VND 74.62 trillion (up by 225.36% y-o-y and 243.92% y-o-y, respectively).

To promote electronic payments for public services, the SBV also directed the entire banking industry to actively deploy many solutions to promote electronic payments for public services. As of end-2022, there had been more than 4 million online payment transactions

made on the National Public Service Portal with an amount of more than VND 3.53 trillion. There were about 61% of social insurance and unemployment beneficiaries receiving benefits through personal accounts in urban areas¹⁸, of which: pensions and monthly social insurance benefits reached 42% (an increase of 5% compared to 2021); one-time social insurance benefits reached 92% (up by 7% compared to 2021); unemployment benefits reached 96% (up by 3% compared to 2021).

Promoting digital transformation in banking activities to provide innovative, safe and convenient products and services to customers

In close compliance with the policies and orientations of the Politburo, the Government and the Prime Minister on proactively participating in the 4.0 Industry and implementing the national digital transformation program,¹⁹ the SBV proactively did the following jobs: **(1)** The SBV issued and organized the implementation of Projects, Programs, and Plans to promote digital transformation in banking activities such as Project to Develop Non-Cash Payments in Viet Nam for the 2021-2025 Period, Banking Industry Digital Transformation Plan to 2025 with orientation to 2030, the SBV's Digital Transformation Plan in 2022; the SBV's Plan to implement Decision No. 06/QD-TTg dated January 6, 2022 of the Prime Minister approving the Project to develop the resident database, electronic identification and authentication for national digital transformation between 2022 and 2025 with vision to 2030; Directive No. 02/CT-NHNN dated January 13, 2022 on promoting digital transformation and ensuring information security and safety in banking activities. **(2)** The SBV developed and submitted to the Government a draft Decree on non-cash payments and a draft Decree on sandbox mechanism for financial technology (Fintech) activities in the banking sector. **(3)** The SBV instructed

¹⁸ Exceeding the target set for public services by the end of 2025 which is 60% of people receiving pensions, social insurance benefits, and unemployment benefits in urban areas are paid through non-commercial payment methods.

¹⁹ In Resolution No. 52/NQ-TW of the Politburo on a number of guidelines and policies to proactively participate in the 4.0 Industry and Decision No. 749/QD-TTg of the Prime Minister approving the National Digital Transformation Program, *Banking is identified as a field that has social impact and is related to people in their daily activities, a field with fastest perception changes that brings about efficiency, helps save costs and needs to digitaly transform first.*

the bank account opening and card issuance using eKYC, helping customers access and utilize payment services without having to go to banks' transaction counters. **(4)** The SBV coordinate with the Ministry of Public Security and the Ministry of Information and Communications (MIC) to pilot the use of telecommunications accounts to pay for goods and services of small value - Mobile Money according to Decision No. 316/QĐ-TTg dated September 9, 2021 of the Prime Minister.

Thanks to the SBV's efforts, in 2022, digital transformation in banking activities achieved remarkable results. SBV was ranked the first in network information security, second in institutional building and fourth in digital transformation according to the Digital Transformation Index (DTI) of the Ministry of Information and Communications.²⁰ 95% of CIs had been developing and implementing digital transformation strategies, many of which had achieved a ratio of over 90% of transactions did via digital channels; some CIs had good operating efficiency thanks to active digital transformation, reducing the cost-to-income ratio (CIR) to 30%, approaching the rate that many regional and international banks had been moving toward in their digital transformation efforts. CIs and payment intermediary service providers focused on investing and developing IT systems, operating and business processing platforms based on technology and data to be able to reach customers. They also designed and provided safe and convenient banking products and services in a customer-centric manner, aiming to provide outstanding transaction experiences for customers. Advanced digital technologies such as cloud computing, big data, robotic process automation (RPA), artificial intelligence/machine learning (AI/ML),... were researched and applied to optimize and simplify business processes, improve operational efficiency and customer transaction experience.

Management of payment activities and supervision of payment systems

The management of payment activities and supervision of payment systems of the SBV focused on the following tasks: **(1)** Daily online monitoring and supervision of the

²⁰ Digital transformation assessment index report of the Ministry of Information and Communications, 2021.

National EIPS; (2) Regular monitoring of ATM and POS system operations through many different channels; (3) Periodic supervision of other important payment systems such as: foreign currency payment system, securities transaction payment system, financial transaction clearing and switching system; (4) Strengthening of supervision of payment intermediary service provision activities to ensure safety and efficiency of the payment system. In 2022, the management of payment activities and supervision of payment systems contributed to minimizing arising risks, ensuring safe, smooth and effective operation of payment systems to meet payment needs.

8. Green banking activities



Synchronously and effectively deploying solutions on green credit and green growth.

Sticking to the goals of the National Strategy on Green Growth and the National Action Plan on Green Growth, the SBV focused on: (1) Coordinating with ministries and agencies to develop and improve mechanisms and policies on green credit and green growth, such as: incentive mechanism and roadmap for green credit in Decree No. 08/ND-CP dated January 10, 2022 of the Government, criteria on environment and confirmation for projects granted green credit, issuance of green bonds, credit in the resources for implementing the National Action Plan on Green Growth; (2) Issuing Circular No. 17/2022/TT-NHNN dated December 23, 2022 guiding environmental risk management in credit granting of CIs and foreign bank branches in Viet Nam; (3) Organizing discussions to collect opinions from CIs on the draft Decision of the Prime Minister stipulating environmental criteria and certifying projects to be granted green credit and allowed to issue green bonds; (4) Continuing to implement solutions to encourage and concentrate bank credit capital for projects, production and business plans, and investment in industries/fields that minimize and adapt to climate change, implementing programs to give housing support to the poor to prevent climate change. As of end-2022, credit outstanding for green projects reached VND 500,524 billion (an increase of 12.96% compared to end-2021,) accounting for more than 4.2% of total credit outstanding across the economy with main focused on green agriculture, renewable and clean energy. Credit outstanding for environmental and social risks assessment reached more than VND 2,359 trillion (an increase of 27.69% compared to end-2021,)

accounting for over 20% of the total credit outstanding to the economy with more than 1.2 million credit grants.

9. Credit information

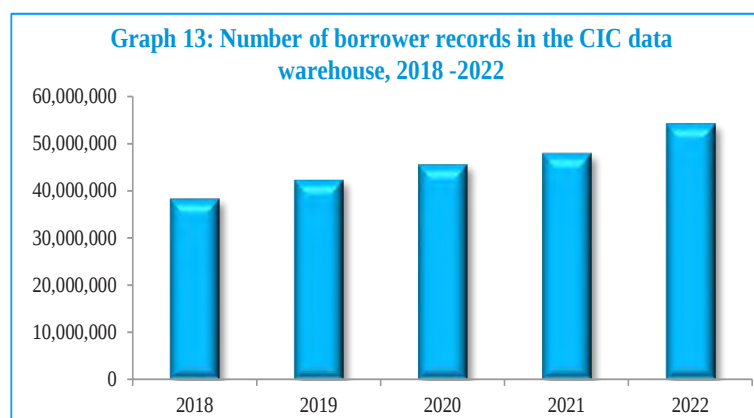
Credit information activities continued to be maintained stably, actively supporting the management of monetary policy and banking activities; contributing to accelerating the digital transformation of the banking industry. The position, role, and importance of credit information to Viet Nam's financial infrastructure were affirmed, creating momentum to support post-pandemic economic growth recovery, contributing to the overall development of the country.

Developing a national credit information database

The CIC continued to maintain traditional data sources from 100% of CIs, almost 1,162 PCFs, 04 official microfinance institutions; at the same time expanded non-traditional sources of information from ministries, agencies and 55 voluntary organizations participating in credit information activities. The CIC actively expanded the collection of alternative information from units outside the industry, retail companies, etc. To improve the quality of the credit information database, the CIC developed and launched new business processes to improve capacity on processing and updating data automatically, promptly detect data errors, unqualified data, and coordinate with CIs to make corrections. In 2022, credit information coverage continued to be improved, increasing by more than 6.3 million loan customer records, bringing the total number of customer records updated and stored in the national credit information database to over 137 million of more than 54.2 million customer records, reaching a rate of 78.19% of the adult population.

“

The effectiveness of the CIC's activities continued to be improved, contributing to information transparency and ensuring system safety.

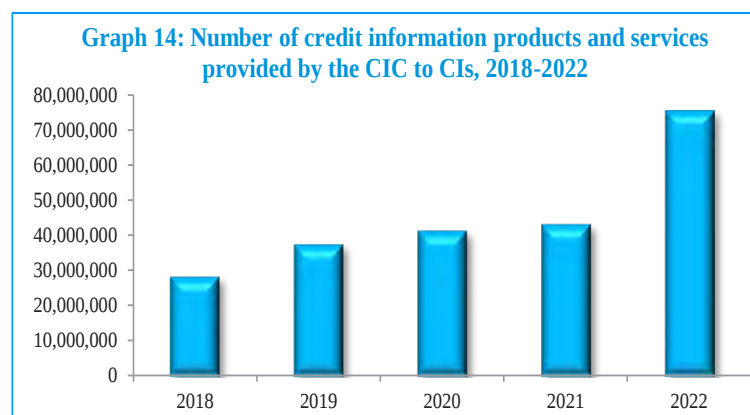


Source: the SBV

Credit information provision

The CIC provided timely information to serve the policy management of the SBV, supporting the advisory, inspection, and supervision of banking activities by functional units (providing information on almost 1.6 million customers for SBV units, departments, agencies and branches.) At the same time, the CIC provided high-quality credit information services to CIs (providing over 75.5 million credit reports and value-added products such as credit ratings, credit scoring; information and data packages to serve risk management purposes, complying with Basel II with an automation rate of 97%).

Along with services to the SBV and CIs, CIC promoted direct services for borrowers through the Borrower Connection Portal (on website and smartphone application platform). After the finalization of CB 2.0 natural person credit scoring model, the CIC deployed an additional product named *“Enterprises’ self-registration for credit rating”* on the Borrower Connection Portal to create favorable conditions for customers to look up their own credit rating reports. To facilitate customers to monitor their own credit information and improve access to credit, the CIC maintained a free support policy, even in cases where customers report multiple times per year. As a result, in 2022, the number of loan needs connected through the Borrower Connection Portal reached 224,709 customers, an increase of 89% compared to end-2021.



Source: the SBV

At the same time, to support CIs in reducing operating costs, contributing to cutting lending interest rates, facilitating people and businesses to access credit, and sharing difficulties with customers affected by the

COVID-19 pandemic, the CIC continued to effectively implement solutions: **(1)** Extending the policy of 50% deduction of fees for credit information services for CIs with an amount of over 162.3 billion VND in 2022 and 655.7 billion VND cumulatively from 2020 to June 30, 2022; **(2)** Providing free products to VBSP to check the condition of having no NPLs at CIs arising before January 23, 2020 to support VBSP in granting credit to preschool facilities, non-public primary schools affected by the COVID-19 pandemic according to Decision No. 11/2022/QĐ-TTg dated April 27, 2022.

Application of new technology in professional activities

In implementing the Banking Industry Digital Transformation Plan to 2025, with vision to 2030, the CIC issued Decision No. 296/QĐ-TTĐ dated December 28, 2021 on CIC's Digital Transformation Plan to 2025, with vision to 2030, focusing on researching and improving the performance of the credit information database, improving the quality of input data collection and processing to improve information quality, and developing solutions to speeding up information response. In 2022, the CIC continued to successfully deploy the Host-to-Host direct information supply channel with CIs (H2H connection rate to CIs in 2022 reached 43.3%).²¹ At the same time, the CIC also actively supported CIs in converting information exploitation, promoting the consultations and supporting of CIs on new information provision channels.

10. Communication and information transparency

In 2022, the SBV's communication work was implemented in a professional, effective, and creative manner, improving information transparency, meeting the SBV's information requirements and implementation of international commitments. The SBV's communication activities continued to focus on such tasks as **(1)** Strengthening state management of communication in the banking system; **(2)** Communicating guidelines and policies of the Party, the State and the Government, management of monetary policy and banking operations, including policies to support people and businesses, support economic

“

Communication continued to achieve important results, becoming increasingly proactive and professional, creating trust from businesses and people in the management of

²¹ This rate does not include small-scale CIs, foreign bank branches, PCFs and microfinance institutions.

monetary policy and banking activities, thus actively contributing to overall performances of the entire industry.

recovery, and promote banking activities, non-cash payment and digital transformation of the banking industry, application of population data in banking operations; (3) Responding promptly to issues raised by the press, public opinion and voter concern, contributing to enhancing public trust; (4) Continuing to coordinate and hold financial education communication programs, seminars, conferences, and discussions on topics of public interest, and organize tournaments related to financial and banking knowledge for students nationwide; (5) Organizing and properly implementing the SBV's regulations on announcements and information provision, ensuring information transparency in accordance with the law and international commitments. To implement policies in smooth and effective manner as well as to bring them into life, the SBV focused on communication before, during and after the introduction of new mechanisms and policies; communication methods were regularly renewed, diversified, especially with the application of digital transformation, with the target audience being young people, people in remote and rural areas, and vulnerable groups in society. The SBV's electronic information portal well performed its task of information transparency according to international commitments, provided official information from the SBV on mechanisms, policy management, performances and directions related to the monetary and banking sector. It also well performed the role of integrating online public service information of the SBV, actively supporting administrative reform, and implementing e-Government.

In addition to communication activities, financial education programs such as “Wise Money”, “Understanding Money Correctly”, “Smart Money”, “Fund Regulator”, etc. were constantly renewed, created and diversified in both contents and formats, positively received by the public, creating a spillover effect in society, thereby improving access to banking products and services for the public, contributing to limiting black credit. At the same time, those programs contributed to the active implementation of the National Financial Inclusion Strategy and Government Projects such as the Project on Promoting Non-Cash Payments, the Project on Improving Access to Banking Services, the Project to Promote Payment of Public Services Through Banks; National Digital Transformation Program to 2025, vision to 2030...

Part III - Internal governance

1. Internal audit

In 2022, internal control and audit continued to be deployed effectively by the SBV according to Circular No. 06/2020/TT-NHNN dated June 30, 2020 regulating internal control and internal audit of the SBV. Accordingly, the SBV conducted 44 audits and unscheduled examinations at 31 units, departments, agencies and branches of the SBV. Those audits and examinations focused on reviewing and evaluating activities and operations with potential risks including central banking operations, monetary and financial stability, safety and security of information systems, management, inspection and supervision of CIs, safe management of vault assets, financial management, construction investment, asset procurement, etc. In addition, the SBV continued to direct units to strengthen the implementation of self-examination and internal control to promptly address shortcomings in operations, supplement and improve internal processes and regulations, improve management efficiency and effectiveness, ensure compliance with legal regulations as well as thrift practicing and waste prevention, contributing to improving the quality, efficiency, and safety of the SBV's operations.



Internal control and audit continued to focus on potentially risky fields of profession, contributing to improving the quality, efficiency, and operational safety of the SBV.

2. Human resources and trainings

Organizational structure, payrolls and job positions

In implementing the Party's guidelines and policies and the Government's resolutions on organizational structure arrangement and streamlining, the SBV advised the Government to issue Decree No. 102/2022/ND-CP dated December 12, 2022 regulating the functions, tasks, authorities and organizational structure of the SBV, contributing to improving the operational efficiency of the SBV. A new point in the organizational arrangement of the SBV according to Decree No. 102/2022/ND-CP was the merger of the Emulation and Commendation Department into the Personnel Department; the Banking Training School into the Banking Academy; and the establishment of a new Department of FX Reserve Management. The number of divisions at Departments



The SBV's organization continued to be structured in streamlined, efficient and effective manner in line with the Party and the State's policies. The quality of human resources

at unit level had been improved. Staff trainings and capacity building were moving towards international practices and standards.

and Bureaus at the SBV Headquarters decreased from 59 to 45.

As for payrolls, 2022 was the first year to implement the Government's staff streamlining roadmap for the 2022-2026 period. Accordingly, the SBV strictly limit its headcounts to be within the payrolls assigned by the Government without any payroll exceeds. Based on payrolls for civil servants and staff at public service units assigned by the Ministry of Home Affairs in 2022, the SBV approved the plan to assign payroll to units in compliance with principles of **(1)** Assigning payrolls according to workload as for the SBV branches and according to the functions, tasks, and work characteristics of each unit as for the SBV Departments, Bureaus, units at central-level and public service units managed by the SBV, and **(2)** Inheriting the assigned payrolls of the previous year, making appropriate adjustment to limit sudden impacts on the operations of each unit.

In addition, in implement Decree No. 62/2020/ND-CP dated June 1, 2020 of the Government on job positions and civil servant payroll, Decree No. 106/2020/ND-CP dated September 10, 2020 of the Government on job positions and the number of people working in public service units, in 2022, the SBV issued 02 circulars guiding job positions, including **(1)** Circular No. 19/2022/TT-NHNN dated December 30, 2022 of the Governor of the SBV guiding the positions of civil servants with banking profession in administrative agencies and organizations in the banking industry and field, and **(2)** Circular No. 21/2022/TT-NHNN dated December 30, 2022 guiding job positions at leader, managerial and specialized professional titles in public service units in the banking sector.

In addition to payroll and job position, the SBV concentrated its recruitment activity on study and development of recruitment plans based on closely following units' projects on job positions, with concentration on renovating and improving the quality of recruited officials. At the same time, to further improve transparency and objectivity in recruitment, shorten the time and cost of organizing examinations and meet the Government's administrative reform requirements, IT application in entrance examinations was paid attention by the SBV through arranging computer-based multiple-

choice exams, developing and regularly updating multiple choice and interview question banks for all areas ranging from general, professional to specialized knowledge with diverse forms, question types, levels from easy to difficult. Exam results were disclosed on the SBV's portal.

Regarding the use of cadres, civil servants, and public employees, the SBV focused on reviewing and issuing regulations and instructions to concretize regulations on the list and period for job rotation applied to civil servants and public employees that were not at leader or managerial levels under the SBV, regulations on planning as well as continued to improve other related ones. Job positions were arranged in a way that promoted the capacity and strengths of staff, minimizing the phenomenon of shortage of leadership and management staff.

Training and fostering

Improvement of quality and efficiency continued to be a focus in the SBV's training and fostering activities, thereby contributing to improving the quality of human resources of the SBV. Accordingly, in 2022, the SBV paid attention to (1) Implementing human resource development projects such as: Expert training project, Project on setting up a team of part-time lecturers, human resources development component of the Development Strategy of the Banking Sector, (2) Researching and reviewing regulations to issue a Project on training and fostering the SBV's source staff for the period 2022-2025, with an orientation to 2030 to make a comprehensive capacity improvement of the SBV staff in planning, hence creating a source of reputable staff with ethical qualities and professional qualifications to be appointed to leader and managerial positions at the SBV, (3) Designing and organizing training and fostering programs with new and diversified contents meeting practical requirements and conditions such as digital transformation and information security through diverse formats from offline, online, seminars and learning from practice. In 2022, the SBV organized 331 training and fostering courses for 7,761 officials, civil servants, and public employees, reaching 207.7% of the plan. In addition, the SBV also focuses on mobilizing, cooperating, and taking advantage of international support for training and fostering activities through cooperation programs and projects with the

IMF, the SEACEN, the ADB, the WB, the JICA (Japan), the GIZ (Germany), the SECO (Switzerland), the CIDA (Canada), the FSS (Korea), the ATTF (Luxembourg), Australian Government Scholarship, Central Banks of Germany, Singapore, Sweden, Thailand, Malaysia, etc. Training and fostering courses with new professional content and lectured by foreign experts with extensive knowledge and practical experience helped SBV staff equip, update and improve professional knowledge.

3. Scientific research work



Scientific and technological activities of the banking sector continued to closely follow the goals and tasks set for the banking sector and made significant contributions to theoretical and practical research for the operation of the banking sector.

In 2022, the SBV approved the implementation of 32 ministerial-level research tasks and 04 grassroots-level research tasks with focused on the following issues: (1) Improvement of the legal framework for managing and regulating banking operations, (2) Doing research on scientific and practical arguments to support the monetary policy, credit, and exchange rates management, (3) Application of science and technology, infrastructure development and efficiency improvement of payment system, (4) Modern banking governance and healthy CI system, (5) Doing research on supporting the improvement of banking inspection and supervision efficiency and effectiveness, (6) Enhancement of researches on the application of modern banking technology in managing operations and developing banking services, (7) Other research topics to support the operation of the banking system. In addition, the SBV continued to promote the dissemination of scientific and technological research results through the Banking Science and Technology Information Portal, supporting units, departments, and agencies under the SBV, universities and commercial banks to easily access to research results in the banking industry.

Also in 2022, the SBV organized national and international seminars as well as other events related to science and technology activities, typically the Banking Industry Science and Technology Council Conference summarizing activities of the 2015-2020 term and setting out directions and tasks for the next term; the event “Digital Transformation Day” included a scientific conference “Strengthening Connections, Promoting Digital Transformation in the Banking Sector” combined with exhibition of typical products and services on

the application of science and technology, digital transformation.

4. Statistical work

To improve the quality of statistical reporting, the SBV urged, checked, and guided CIs to ensure accuracy, timeliness and completeness of their statistical reports to serve the SBV's analysis, forecasting and monetary policy management. In addition, the SBV rectified to ensure discipline in complying with statistical reporting regulations.

At the same time, online statistical surveys continued to be officially carried out by the SBV. Monthly inflation expectation survey, quarterly business trend survey, semi-annual credit trend survey among CIs, and pilot quarterly inflation expectation survey among economic experts were completed in timely manner while their quality was ensured. Survey outcomes promptly served the work of analysis, forecasting, monetary policy and banking activity management. Besides, information together with database on macroeconomics, domestic and international financial markets, were kept updating by the SBV, which made contribution to the analysis, monetary policy formulation and management.

“

Statistical work of the SBV continued to be enhanced and developed, contributing to its direction and management.

5. Information technology

Strengthening the state management of IT

In 2022, the SBV issued Decisions and documents for directing and guiding the implementation of tasks assigned by the Government and the Prime Minister to gradually improve the legal framework on IT and standardize IT activities in accordance with international standards, practices, and Government regulations. Those documents included (1) The SBV's e-Government Architecture version 2.0; (2) 2022 Digital Transformation Plan of the SBV; (3) 2022 Operation Plan of the Banking Industry Digital Transformation Steering Committee; (4) Project on raising awareness, popularizing skills and developing national digital transformation human resources by 2025, with a vision to 2030; (5) Plan of the Banking sector to coordinate with the Ministry of Information and Communications (MIC) to implement the Project on indicators to evaluate the level of digital transformation of businesses and support enterprises in

“

Strengthening the state management of information technology (IT), promoting IT development and modernization, ensuring system security and safety.

digital transformation; (6) Plan of the Banking industry to implement the National Strategy for the Development of Digital Economy and Digital Society until 2025, with a vision to 2030 according to Decision No. 411/QĐ-TTg dated March 31, 2022 of the Prime Minister; and (7) Plan of the Banking Sector to Implement Decision No. 06/QĐ-TTg dated January 6, 2022 of the Prime Minister.

Along with legal and regulatory framework improvement and standardization of IT activities, many policies and solutions were synchronously implemented by the SBV against the backdrop of complex developments in cyber security. Accordingly, the SBV combined strict inspection with supervision of IT systems. It also organized rehearsals of risk situations in closely following actual operations and implemented risk addressing plans to ensure the safety of IT systems at each level. As a result, in 2022, no cyber security incident took place in the banking industry, and the SBV was evaluated by the MIC as one of the ministries and agencies that did well in protecting cyber security.

Developing and modernizing the IT system of the SBV

In 2022, the entire IT infrastructure and professional information systems of the SBV, including core banking, accounting, and budgeting system, reporting system and centralized data warehouse, issue and vault management system, EIPS, SWIFT Payment system were maintained and operated with ensuring continual and safe operations, meeting the professional requirements of the SBV. As a result, in 2022, the EIPS accurately and safely processed almost 155 million transactions with a total value of over VND 196 quadrillion (down by 1.11% in volume and increased by 29.9% in value compared to 2021,) almost 52,700 foreign currency transactions with a total value of about USD 131.7 billion (an increase of 98.04% in volume and 102.71% in value compared to 2021.) The open market information system conducted 430 auctions, supporting the SBV's monetary policy management requirements. The Reporting System and Centralized Data Warehouse received about 11,000 reports per day and 34,000 reports per day in peak time from 1,484 units, thus providing promptly data for the SBV's daily management of banking operations.

In implementations Decision No. 06/QD-TTg dated January 6, 2022 approving the Project to develop application of population database, electronic identification, and authentication to serve national digital transformation in the 2022-2025 period, vision to 2030 (Project 06), the SBV completed the integration between the population database with the SBV's Public Service Portal. The SBV's exploitation of the national population database was to clean up the credit information database, connect and share open data of the SBV with the State Audit. Besides, the SBV directed CIs to actively coordinate with the Ministry of Public Security to deploy and complete the integration testing of chip-based ID card authentication to authenticate customers, withdraw money at ATMs, and put them into operation at a number of branches in Ha Noi city and Quang Ninh areas.

Moreover, to promote the application of Industry 4.0 technologies, in 2022, the SBV continued to promote research and application of new technology into the actual operations of the SBV to automate operations and continuous supervision of the SBV's IT infrastructure, proactively detect risks early, and minimize disruptions to information systems. Accordingly, the SBV (1) Completed operational testing of the EIPS with parallel operation between the main data center and the backup data center, expected to officially operate in 2023, (2) Researched and tested face ID products and technology to apply in accessing the IT system of the SBV, and (3) Researched the ISO 20022 standards to apply to the EIPS.

Part IV - International cooperation

In 2022, the SBV's international cooperation activities were implemented effectively amidst complicated developments of the COVID-19 pandemic. The SBV continued to focus on maintaining and developing relationships with international partners; increasing mobilization of financial and technical assistances as well as policy advice. At the same time, international economic integration in the banking sector continued to be promoted, thus enhancing Viet Nam's position in the international arena. Hence, remarkable results were achieved in international cooperation activities of the banking industry. Accordingly, position of Viet Nam's banking industry had increasingly been affirmed. The banking industry had pushed up its demonstration of active role in implementing multilateral cooperation activities, boosting the process of financial and banking services liberalization through the participation in negotiations and signing of free trade agreements (FTAs), accessing to and promoting cooperation with global economic and financial institutions such as the IMF, the WB, the ADB, the AIIB, the BIS to grasp new trends and development drivers, take advantage of policy advices, attract resources for development and promote economic reform towards the standards of emerging markets. Besides, the SBV continued to participate in intergovernmental committees, the Banking Working Group with such partner countries as Laos, Cambodia.

1. International economic integration

In 2022, the SBV continued to proactively implement international economic integration in the banking sector, notably strengthening traditional friendship and comprehensive cooperation within the frameworks of the ASEAN, the ASEAN+3, the APEC, the WTO, the SEACEN, etc. through the development and implementation of initiatives related to central bank operations and the interconnection of the financial service sector, hence ensuring maximum benefits from collaborative initiatives to be promoted. Remarkable results from cooperative initiatives had contributed to strengthening financial inclusion in the region, promoting further capital accounts liberalization in the



*Deeper integration
into global and
regional economy*

ASEAN region, and promoting intra-ASEAN payment connectivity, capital flows towards the goal of multilateral connectivity within the ASEAN. At these forums, the SBV had made active contribution to the process of setting a vision, general guidance documents and implementing in practice connections between networks on capital markets, financial markets, and bilateral and multilateral payment networks with partners.

Within the ASEAN+3 framework, the SBV actively coordinated with the ASEAN+3 Macroeconomic Monitoring Regional Office (AMRO) and ASEAN+3 countries to regularly discuss on amending the Chiangmai Initiative Multilateralization Agreement (CMIM) Implementation Guide to make update in accordance with market developments, such as reference interest rates and new interest rate differentials for the CMIM Agreement, and the supplementation of third-party currency swaps to improve readiness and strengthen CMIM's support mechanism in the new context, thereby helping to provide more options for members to enhance financial stability.

As Chair of the SEACEN in 2022, the SBV together with the SEACEN effectively held SEACEN activities such as training, capacity building and research that received high appreciation from SEACEN members. In particular, the SBV successfully hosted important events of the SEACEN such as the 21st SEACEN Executive Committee (EXCO) Meeting and sideline high-level seminar between September 15 and 16, 2022 in Da Nang. Under the chairmanship of the SBV's leaders, SEACEN members approved many important contents about the SEACEN's operational plan and strategy in 2023 and discussed issues of concern of central banks such as macro-financial stability, capital flow management and challenges for emerging economies.

As for post-WTO economic integration, the SBV continued to improve the legal framework to direct the banking industry's activities to follow the roadmap of deep WTO integration. Relating to the banking sector, the SBV fully implemented the review and information provision to develop a Trade Policy Review Report, thereby contributing to improving compliance with WTO principles and Viet Nam's commitments in

multilateral trade agreements, enhancing transparency and understanding of Viet Nam's trade policies and practices.

At the same time, the SBV continued to actively participate in negotiating and executing FTAs with regards to the banking sector, including negotiations to upgrade the AANZFTA, negotiations for the UK to join the CPTPP, ASEAN-Canada FTA negotiations. The negotiation and implementation of commitments focused on the following main areas: **(1)** Commitments on the legal environment for the operation and provision of banking and financial services, **(2)** Commitments on market opening for the provision of authorized financial services, **(3)** Commitments on payments, money transfers, measures to protect the BOP and other commitments that affect the process of monetary policy and exchange rates management, **(4)** Special exceptions to ensure the independence and autonomy of central banks in monetary policy management and assistances of the poor and remote areas, and **(5)** Exceptions in the process of restructuring the banking system and testing new financial services. In addition, the SBV also actively participated and provided relevant information in market economy explanation sessions with the aim to persuade the U.S. to recognize Viet Nam's market economy status. In this process, the SBV was in charge of the issues relating to exchange rate mechanism, level of current account and capital account liberalization, and banking sector reform.

2. Cooperation with international financial and monetary institutions

“

Enhancing cooperation and strengthening position in international financial and monetary institutions.

The SBV continued to maintain and develop cooperation with financial, monetary, and banking institutions as well as well undertake the representative role of the Government of Viet Nam and protect the country's interests at the IMF, the WB, the ADB, the AIIB, the IIB, the IBEC and the BIS.

As for the relationship with the IMF, after 2 years of interruption due to the COVID-19 pandemic, in 2022, the IMF resumed the offline Article IV Mission to Viet Nam. In the context of unpredictable changes globally in 2022, the IMF made a series of notes on Viet Nam's economic

growth scenarios, assessing the impact of international events on Viet Nam, thus providing the Government, the SBV, relevant ministries and agencies with policy advices. Amidst difficulties arising in the domestic banking and financial system in the last months, the IMF provided the SBV with information and international experiences in addressing financial instability for reference in the process of planning relevant policy measures.

In the field of technical assistance (TA) and training, the IMF resumed offline TA missions in such areas as monetary policy, internal audit, organized 02 regional training courses on nowcasting models and macroeconomic diagnostics. Besides, the IMF received SBV officials to participate in training courses at the Capacity Development Office in Thailand (CDOT), Singapore Training Institute (STI), the Office for Asia-Pacific (OAP), South Asia Regional Technical Assistance and Training Center (SARTTAC) on a variety of topics in such fields as forecasting, statistics, monetary policy management, payments, virtual/digital money/assets. Moreover, the SBV continued to closely coordinate with the IMF Office in Viet Nam and the Southeast Asia Voting Group Office to exchange and update information and data, and actively participate in IMF activities.

As for relationship with the BIS, cooperation with BIS continued to be promoted and achieved important results. In 2022, for the first time, SBV staff was selected to participate in a 3-month secondment program (from September 1 to November 30, 2022) at the BIS Asian Representative Office to perform research task on improving the legal framework for the promotion of digital banking in Viet Nam. The selection of SBV staff on the one hand showed that the BIS highly appreciated the research capacity of the staff, on the other hand, made it an opportunity for the secondee to interact, study, discuss and work directly with experts and researchers, accessing the BIS's rich sources of information and data, thereby improving professional qualifications, and contributing to policy advisory work. In addition, the SBV contributed research on the implementation of sustainable banking principles in Viet Nam for the organization of the 14th Asian Research Network (ARN) Seminar cohosted by BIS and the Bank of Korea. Along with research activities, the SBV participated in a series

of projects under the BIS Innovation Hub (BISIH) in such fields as cross-border payments, central bank digital currency. This participation was of important significance in further improving cooperation and understanding of new payment technologies that the BIS had been developing and deploying as well as supporting central banks in designing, monitoring, and managing new payment systems and technologies.

In addition, in fulfilling BIS membership, the Governor of the SBV attended the 92nd BIS Annual General Meeting, exercised the right to vote to pass Meeting Resolutions, and attended bimonthly Governor-level meetings to discuss and share information and experiences on global economic and financial developments and policy management in the context of instability, global challenges, decentralized finance, controlling inflation and inflation expectations inflation, wages and labor market, etc. The SBV also actively attended the BIS Emerging Market Deputy Governor's Meeting on crypto/digital currency/digital currency, and the Monetary Policy Operating Procedures (MPOP) Meeting to discuss the monetary policy framework in the context of tightening global financial conditions and the impact of climate change. At the same time, the SBV actively participated in research and exchange activities with committees and units under the BIS such as attending the Annual Meeting of the Irving Fisher Committee (IFC), participating in discussions within the working groups under the BISIH, the Asian Consultative Council (ACC).

Regarding relationship with the WB, right after the successful control of the COVID-19 pandemic, many high-level delegations from the WB came to Viet Nam to meet with leaders of the National Assembly, the State, the Government, the SBV and other Ministries. They included the Delegation led by Ms. Manuela V. Ferro, WB Vice President in March, 2022, and the Delegation led by Mr. Axel van Trotsenburg, WB CEO in July, 2022. In 2022, the SBV chaired the negotiation and signing of the Grant Agreement for the Project "Improved Delivery of Legal Aid for The Poor and Vulnerable" worth USD 2.5 million, financed by the WB from the funding sources of Japan Social Development Fund (JSDF). The SBV also signed with the International

Finance Corporation (IFC) (1) Amended Cooperation Agreement on “Promoting Women Leadership in The Banking Sector” to extend the Agreement until June 30, 2023 for the conduction of surveys on the current status of women in the banking industry as well as the barriers and opportunities in effectively improving gender balance for female leaders in the banking industry, and (2) Memorandum of Understandings on “Green and Sustainable Banking Development” for the 2022-2026 period with the aim to support the SBV in developing tools to monitor the implementation of regulations on environmental and social risk management. Currently, the SBV had been implementing the TA on “Improved Development and Soundness of Viet Nam’s Banking Sector” worth about USD 7.2 million funded by the State Secretariat for Economic Affairs of Switzerland (SECO) and entrusted through the WB to strengthen the development and health of the banking sector, handle shortcomings and structural limitations for meeting international standards and contributing to macroeconomic and financial stability.

Regarding relationship with the ADB, the SBV coordinated with the ADB to successfully deploy the TA on “COVID-19 Relief for Women-led Small and Medium-Sized Enterprises” worth USD 5 million and “Promoting Transformative Gender Equality Agenda in Asia and the Pacific” worth USD 4 million. At the same time, the SBV continued to carry out other TAs in the fields of green finance, fintech, and financial inclusion. In 2022, the SBV mobilized an aid from the SECO and the JICA worth USD 7 million (entrusted funding through ADB) within the TA “Expanding Financial Inclusion and Climate Finance”. This TA project would commence in mid-2023 with the goal of promoting the application of fintech to solve financial inclusion challenges and support the banking industry to promote green credit, green banking through policy advice and capacity building. Meanwhile in 2022, the SBV coordinated with the ADB, relevant agencies and local authorities to successfully develop the National Partnership Strategy between Viet Nam and the ADB for the 2023-2026 period.

As for relationship with the AIIB, the SBV completed the role of Constituency Director at the

AIIB for a two-year term from July 1, 2020 to June 30, 2022.²² This was the first time Viet Nam took this position at a large international organization on a part-time basis. Despite taking on this role in the context of many challenges to the Bank's operations in general and member countries in particular due to the impact of the COVID-19 pandemic and the Russia-Ukraine conflict, the SBV made its efforts to overcome difficult and successfully complete assigned tasks. The representative of Viet Nam (the SBV) was recognized by all countries in the Constituency as having the ability to lead the Constituency, being reputable, responsible, professionally, and making effective and practical contributions to the Constituency in particular and the Bank's operations in general. As the Constituency Director, the SBV endeavored to balance and harmonize the position differences among members, effectively handled the expression of the Constituency's views on sensitive issues. The success of the SBV during its term helped the Constituency to be evaluated as one of the Constituencies with effective coordination and important voice in the 12 members of the AIIB Board of Directors. The Constituency was evaluated to be active to participate and to make meaningful contributions at discussion sessions of the Board of Directors and professional committees under the Board of Directors. In particular, as a member of the Audit and Risk Committee, the representative of Viet Nam (the SBV) was among those who actively contributed opinions and participated in the activities of the Committee, and was trusted and elected as a member of the Committee Deputy Chair from September 2021, and subsequently Committee Chair from March 2022. After completing the term of Constituency Director, the representative of Viet Nam (the SBV) continued to hold the position of Advisor to Constituency Director from July 1, 2022, effectively promoting the role and professional advantages of a central bank representative in supervising and providing comments on the Bank's financial and risk management activities.

²² The Constituency that Viet Nam participates in at the AIIB includes Australia, Cook Islands, New Zealand, Singapore and Viet Nam, referred to as Constituency No. 7 or ACNSV Group.

As for the relationship with the IIB and the IBEC, the SBV continued to participate in developing/amending regulations on governance and professional operations to further improve the efficiency of Banks' operations, approval of loans/investments to member countries and relevant third countries. In the context that the operations of the two banks were heavily affected by geopolitical crisis related to the Russia-Ukraine conflict in 2022,²³ the SBV actively coordinated with the Board of Directors of the IBEC and the IIB as well as other member countries to closely and regularly monitor the situation and consider and handle many arising problems of the two Banks, thereby helping the IIB and the IBEC overcome the crisis and maintain liquidity and gradually stabilized the operations of the two Banks. Meanwhile, the SBV coordinated closely with the two Banks and other shareholders to handle the withdrawal of some member countries on the basis of minimizing adverse impacts on operations of the two Banks while ensuring the national interests of Viet Nam in particular as well as those of member countries in general.

In addition, in 2022, the SBV increased working with international partners like the WB, the ADB, the IFC, the AFD, the DSIK, the ASEAN to mobilize assistances in view of ensuring their suitability with important tasks of the banking industry with the following focuses: **(1)** Supporting the SBV to implement assigned tasks in the National Financial Inclusion Strategy to 2025, with a vision to 2030, particularly in such important areas as payments, microfinance, financial literacy, fintech; and **(2)** Promoting assistances towards implementing green growth and green finance development tasks, contributing to helping Viet Nam fulfill its commitments at the 2021 United Nations Climate Change Conference (COP26). In addition to outstanding cooperation activities with the ADB and the IFC to support the realization of the goals of green growth, financial inclusion and sustainable development as discussed above, the SBV actively coordinated to implement activities within the ASEAN, the ASEAN+3 and the APEC cooperation initiatives such as building a sustainable financial classification system

²³ The IBEC and the IIB were unable to access financial markets and faced the risk of loss of liquidity and insolvency. The financial and risk indicators of the IBEC and the IIB were reduced and seriously affected.

(ASEAN Taxonomy), developing an ASEAN Green Roadmap (ASEAN Green Map), sustainable banking principles, developing a roadmap and training program for 2022-2023 on sustainable finance for ASEAN countries. In August, 2022, the SBV coordinated with the Banking Working Group (BWG) to co-host a conference on attraction of resources to support the implementation of green and sustainable development goals, thereby helping participating parties exchange information, share experiences and practices at home and abroad, and propose effective solutions to support the Government in attracting and mobilizing resources to realize goals of green and sustainable development as well as Viet Nam's commitments at COP26.

In addition, the SBV actively researched and promoted the mobilization of non-public capital for the private sector from such international financial institutions as the ADB, the AIIB, the IBEC, the IIB, the IFC, and Multilateral Investment Guarantee Agency (MIGA). This formed an important resource for investment in national development, gradually replacing public investment capital from the state budget in the future. Notably, the SBV actively coordinated with ministries and agencies to submit to the Government for issuance of Decision No. 12/2022/QĐ-TTg dated May 9, 2022 regulating process, procedures, and authority to grant Letter of Objection, No Objection to activities of international financial institutions with regards to the private sector in Viet Nam. This was a great effort of the SBV in setting up procedures for issuing Letters of Objection/No Objection to investments by international financial institutions to ensure their consistence with the Government's investment orientation.

3. Bilateral cooperation



Bilateral cooperation continued to be strengthened and promoted.

In implementing the Party's and Government's policies and orientations on strengthening international integration, despite impacts of the COVID-19 pandemic, the SBV continued to promote bilateral cooperation with partners in many regions around the world, implement many new initiatives and activities within working groups, improve efficiency and improve the depth and substance of relations with traditional and strategic partners such as Laos, Cambodia, China, Thailand, Korea, Russia.

The SBV established regular policy dialogue channels with partner countries to exploit and promote potential areas of cooperation. To be more detailed, the SBV coordinated with the Bank of the Laos PDR to organize Bilateral Meeting combined with a professional exchange program and cultural sports exchange on the occasion of the 60th anniversary of the diplomatic relations between Viet Nam and Laos and the 45th anniversary of the Treaty of Friendship and Cooperation between the two countries, contributing to further tightening the relationship between the two central banks as well as the two countries' banking systems, facilitating trade and investment activities between Viet Nam and Laos. Besides, the SBV together with the Bank of Thailand set up a launching ceremony of QR-based retail payment connection between Viet Nam and Thailand on the occasion of President Nguyen Xuan Phuc's official visit to Thailand in November 2022. At the ceremony, Deputy Governors of the two central banks experienced cross-border payment services with QR codes. Aiming at providing a cheaper, faster, safer, more convenient payment method with the promotion of the use of local currency, this payment service was a vivid demonstration of effective cooperation between authorities, businesses and commercial banking systems of Viet Nam and Thailand in the context of rapid economic and financial technology changes.

Next, the SBV coordinated with the National Bank of Cambodia to implement a bilateral QR-based payment system connection project between the Viet Nam and Cambodia. The two central banks had completed the pilot of one-way acceptance connection in Viet Nam and were expected to complete the two-way connection in 2023. At the same time, the SBV signed 03 Memorandums of Understandings/Cooperation Agreements with other central banks and banking supervision agencies of other countries. Those Memorandums of Understandings/Cooperation Agreements created an important framework for multi-faceted cooperation between the SBV and other central banks and monetary authorities in such areas as banking inspection and supervision, anti-money laundering, financial innovation, and payment systems. In addition, through forums and bilateral cooperation committees between the Government and other countries,

the SBV proactively proposed cooperation contents in the banking sector to establish an information exchange mechanism on legal framework and market information to support and encourage Vietnamese commercial banks to learn, connect and establish correspondent banking relations in foreign markets.

A horizontal graphic consisting of a light gray rounded rectangle with a blue border, flanked by two blue semi-circles on the left and right sides.

APPENDIX

APPENDIX 1: INTEREST RATES ANNOUNCED BY THE SBV

Unit: % p.a

Time	Interest rate refinancing	Interest rate rediscount	Overnight lending interest rate in interbank electronic payment
December 2021	4.00	2.50	5.00
January 2022	4.00	2.50	5.00
February 2022	4.00	2.50	5.00
March 2022	4.00	2.50	5.00
April 2022	4.00	2.50	5.00
May 2022	4.00	2.50	5.00
June 2022	4.00	2.50	5.00
July 2022	4.00	2.50	5.00
August 2022	4.00	2.50	5.00
September 2022	5.00	3.50	6.00
October 2022	6.00	4.50	7.00
November 2022	6.00	4.50	7.00
December 2022	6.00	4.50	7.00

Source: the SBV

APPENDIX 2: OPEN MARKET OPERATIONS

Bid	2022
Number of sessions	259
Term (days)	7; 14; 28; 91
Number of members	1,068
Average bidding volume/session (VND billion)	3,794
Average winning sales/session (VND billion)	2,853
Interest rate (% p.a)	2.5-6.0
Bidding method	Interest rate
Ask	2022
Number of sessions	75
Term (days)	7; 14; 28; 56
Number of members	492
Average bidding volume/session (VND billion)	29,509
Average winning sales/session (VND billion)	15,840
Interest rate (% p.a)	0.3-6.0
Bidding method	Interest rate

Source: the SBV

APPENDIX 3: REQUIRED RESERVE RATIO (*)

Unit: %

Effective time	VND DEPOSIT (**)		FOREIGN CURRENCY DEPOSITS (****)				Credit institutions' overseas deposits (***)
	Demand and less than 12 month deposits	12 month and up deposits	Demand and less than 12 month deposits		12 month and up deposits		
			Viet Nam's Bank for Agriculture and Rural Development (VBARD), Cooperative Bank	Other CIs	Viet Nam's Bank for Agriculture and Rural Development (VBARD), Cooperative Bank	Other CIs	
May 2011	3	1	5	6	3	4	
June 2011	3	1	6	7	4	5	
September 2011	3	1	7	8	5	6	1

(*) Excluding PCFs, microfinance institutions apply the required reserve ratio of 0 percent for all types of deposits; policy banks apply the required reserve ratio according to the Government's regulations (which was currently 0 percent).

(**) Credit institutions with an average density of lending for agricultural and rural development of 40 percent and over may apply lower required reserve ratio than the above required reserve ratio as prescribed by the SBV on guiding the implementation of measures to operate monetary policy tools to support credit institutions to lend for agricultural and rural development (which was currently Circular No. 14/2018/TT-NHNN dated May 29, 2018).

(***) Credit institutions operating in Viet Nam calculate required reserves for deposits received from foreign credit institutions (credit institutions established and operating abroad) as of September 2011 (according to Circular No. 27/2011/TT-NHNN) August 31, 2011).

(****) Deposits in VND and in foreign currencies of the core deposits subject to the RR are specified in: (1) Regulations on required reserve for CIs and guiding documents that are amended, supplemented before February 2020; (2) Circular number 30/2019/TT-NHNN dated December 27, 2019 from March 2020 until now.

Source: the SBV

APPENDIX 4: BALANCE OF PAYMENT

Unit: Million USD

	2021	2022
A. CURRENT ACCOUNT	-8,150	-1,074
Goods: Export F.O.B	336,167	371,304
Goods: Import F.O.B	320,495	345,587
<i>Goods (net)</i>	15,672	25,717
Services: Export	5,262	12,900
Service: Import	20,657	25,524
<i>Service (net)</i>	-15,395	-12,624
Investment income (Primary income): Receipts	982	2,321
Investment income (Primary income): Payment	19,731	22,049
<i>Investment income (Primary income) (net)</i>	-18,749	-19,728
Current transfers (Secondary income): Receipts	13,568	12,213
Current transfers (Secondary income): Payment	3,246	6,652
<i>Current transfers (Secondary income) (net)</i>	10,322	5,561
B. CAPITAL ACCOUNT	0	0
Capital account: Receipts	0	0
Capital account: Payment	0	0
C. FINANCIAL ACCOUNT	30,837	9,470
Direct Investment Abroad: Assets	-3 77	-2,674
Direct Investment in Viet Nam: Liabilities	15,660	17,900
<i>Direct Investment (net)</i>	15,283	15,226
Portfolio Investment Abroad: Assets	10	2
Portfolio Investment in Viet Nam: Liabilities	271	1,510
<i>Portfolio Investment (net)</i>	281	1,512
Other Investment: Assets	- 627	-13,663
Cash and deposits	- 792	-13,750
Credit Institutions	2,141	-4,750
Other sectors	- 2,933	-9,000
Loans	0	0
Trade credit and advances	0	0
Other receivables/payables	1 65	87
Other Investment: Liabilities	15,900	6,395
Cash and deposits	8,851	325
Credit Institutions and the SBV	8,331	184
Other sectors	520	141
Borrowing and repayment of external debts	5,439	6,070
Short term	2,637	3,195
Debt	33,283	37,494
Amortization	- 30,646	-33,579
Long term	2,802	2,155
Debt	1 5,162	15,620
Government's debt	1,777	1,693
Private debt	13,385	13,927
Amortization	- 12,360	-13,465
Repayment of Government	- 2,430	-2,747
Repayment of Privatization	- 9,930	-10,718
Trade credit and advance payment	0	0
Other receivables/payables	0	0
SDR	1,610	0
<i>Other Investment (net)</i>	15,273	-7,268
D. ERRORS AND OMISSIONS	- 8,398	-31,141
E. OVERALL BALANCE	14,290	-22,745
F. RESERVES AND OTHER ITEMS	- 14,290	22,745
Reserve assets	- 14,290	22,745
Claims on and borrow from the IMF	0	0
Special Finance	0	0

Source: the SBV

APPENDIX 5: VND/USD EXCHANGE RATE

Unit: VND/USD

2022	Exchange rate at the end of the month			Average exchange rate for the month		
	Central exchange rate	Vietcombank's listed exchange rate		Central exchange rate	Vietcombank's listed exchange rate	
		Buy	Sell		Buy	Sell
January	23,099	22,500	22,780	23,100	22,553	22,833
February	23,140	22,670	22,950	23,115	22,530	22,810
March	23,100	22,700	22,980	23,153	22,722	23,002
April	23,140	22,815	23,095	23,114	22,776	23,056
May	23,057	23,050	23,330	23,127	22,964	23,244
June	23,110	23,135	23,415	23,082	23,082	23,362
July	23,176	23,200	23,480	23,189	23,240	23,520
August	23,219	23,320	23,600	23,191	23,082	23,545
September	23,400	23,730	24,010	23,296	23,511	23,791
October	23,695	24,599	24,879	23,568	24,157	24,015
November	23,665	24,520	24,800	23,679	24,627	24,859
December	23,612	23,410	23,730	23,644	23,588	23,879

Source: the SBV, Vietcombank.

Note: Listed Exchange Rate was the amount of VND to exchange with 1 USD

APPENDIX 6: DOMESTIC GOLD PRICE

Unit: VND Million/tael

2022	Gold price end-month	Average gold price in the month
January	62.15	61.51
February	65.55	63.80
March	68.50	68.53
April	70.00	69.42
May	68.80	69.28
June	68.60	68.57
July	68.20	66.70
August	66.20	66.71
September	66.25	66.10
October	65.90	66.39
November	66.90	66.94
December	66.30	66.57

Source: the SBV

APPENDIX 7: CONSUMER PRICE INDEX

Unit: %

Year	Time	January	February	March	April	May	June	July	August	September	October	November	December
2018	Year to date	0.51	1.24	0.97	1.05	1.61	2.22	2.13	2.59	3.20	3.54	3.24	2.98
	Month on month	0.51	0.73	-0.27	0.08	0.55	0.61	-0.09	0.45	0.59	0.33	-0.29	-0.25
	Year on year	2.65	3.15	2.66	2.75	3.86	4.67	4.46	3.98	3.98	3.89	3.46	2.98
	Average year on year	2.65	2.90	2.82	2.80	3.01	3.29	3.45	3.52	3.57	3.60	3.59	3.54
2019	Year to date	0.10	0.90	0.69	1.00	1.50	1.41	1.59	1.87	2.20	2.79	3.78	5.23
	Month on month	0.10	0.80	-0.21	0.31	0.49	-0.09	0.18	0.28	0.32	0.59	0.96	1.40
	Year on year	2.56	2.64	2.70	2.93	2.88	2.16	2.44	2.26	1.98	2.24	3.52	5.23
	Average year on year	2.56	2.60	2.63	2.71	2.74	2.64	2.61	2.57	2.50	2.48	2.57	2.79
2020	Year to date	1.23	1.06	0.34	-1.21	-1.24	-0.59	-0.19	-0.12	0.01	0.09	0.08	0.19
	Month on month	1.23	-0.17	-0.72	-1.54	-0.03	0.66	0.40	0.07	0.12	0.09	-0.01	0.10
	Year on year	6.43	5.40	4.87	2.93	2.40	3.17	3.39	3.18	2.98	2.47	1.48	0.19
	Average year on year	6.43	5.91	5.56	4.90	4.39	4.19	4.07	3.96	3.85	3.71	3.51	3.23
2021	Year to date	0.06	1.58	1.31	1.27	1.43	1.62	2.25	2.51	1.88	1.67	2.00	1.81
	Month on month	0.06	1.52	-0.27	-0.04	0.16	0.19	0.62	0.25	-0.62	-0.20	0.32	-0.18
	Year on year	-0.97	0.70	1.16	2.70	2.90	2.41	2.64	2.82	2.06	1.77	2.10	1.81
	Average year on year	-0.97	-0.14	0.29	0.89	1.29	1.47	1.64	1.79	1.82	1.81	1.84	1.84
2022	Year to date	0.19	1.20	1.91	2.09	2.48	3.18	3.59	3.60	4.01	4.16	4.56	4.55
	Month on month	0.19	1.00	0.70	0.18	0.38	0.69	0.40	0.005	0.40	0.15	0.39	-0.01
	Year on year	1.94	1.42	2.41	2.64	2.86	3.37	3.14	2.89	3.94	4.30	4.37	4.55
	Average year on year	1.94	1.68	1.92	2.10	2.25	2.44	2.54	2.58	2.73	2.89	3.02	3.15

Source: the GSO

APPENDIX 8: MONETARY AND CREDIT INDICATORS

Items	2021	March 2022	June 2022	September 2022	December 2022
Closing balance (VND billion)					
1. Total liquidity	13,402,097	13,864,061	13,908,338	13,832,397	14,226,792
2. Deposit of resident economic entities and individuals	11,882,371	12,287,842	12,447,399	12,479,920	12,873,882
3. Claims to the economy	10,444,078	11,067,408	11,429,411	11,598,108	11,925,239
Annual percentage change					
1. Total liquidity	10.66	3.45	3.78	3.21	6.15
2. Deposit of resident economic entities and individuals	10.30	3.41	4.76	5.03	8.34
3. Claims to the economy	13.61	5.97	9.43	11.05	14.18

Source: the SBV

APPENDIX 9: GROSS DOMESTIC PRODUCT

Year	GDP at Current Price (VND billion)	GDP Growth* (percent)	GDP Per Capita (VND thousand)
2014	4,937,032	6.42	54,132
2015	5,191,324	6.99	56,288
2016	5,639,401	6.69	60,476
2017	6,293,905	6.94	66,753
2018	7,009,042	7.47	73,482
2019	7,707,200	7.36	79,881
2020	8,044,386	2.87	82,437
2021	8,479,667	2.56	86,083
2022	9,513,327	8.02	95,600

Source: the GSO

Note: * Calculated based on 2010 constant prices

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2022

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung

Giám đốc - Tổng Biên tập

TRẦN CHÍ ĐẠT

Chịu trách nhiệm bản thảo

Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập

NGÔ THỊ MỸ HẠNH

Biên tập: NGUYỄN LONG BIÊN

NGUYỄN THỌ VIỆT

Thiết kế: NGÔ NHỊ LƯƠNG

TRẦN HỒNG MINH

Publishing and contents responsibility

Director - Editor-in-Chief

TRAN CHI DAT

Typescript responsibility

Deputy Director - Deputy Editor-in-Chief

NGO THI MY HANH

Editors: NGUYEN LONG BIEN

NGUYEN THO VIET

Designer: NGO NHI LUONG

TRAN HONG MINH

In 220 cuốn, khổ 20,5 x 29 cm, tại Công ty TNHH In Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Lâm

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng, Thanh Xuân, Hà Nội

Xác nhận đăng ký xuất bản số: 3923-2023/CXBIPH/3-129/TTTT

Quyết định xuất bản số: 501/QĐ-NXB TTTT ngày 15/12/2023

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2023

ISBN: 978-604-80-8792-0

Printed 220 copies, size 20,5 x 29 cm, at Nguyen Lam Printing -Trading and Service Co., Ltd

Add: No. 352 Giai Phong Road, Thanh Xuan Dist., Ha Noi City

Publishing Plan: 3923-2023/CXBIPH/3-129/TTTT

Publishing Decision: 501/QĐ-NXB TTTT dated 15/12/2023

Completed and Registered in December 2023

ISBN: 978-604-80-8792-0



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

2022 ANNUAL REPORT



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT
2022

ISBN: 978-604-80-8792-0



9 786048 087920



8 935217 116829

SÁCH KHÔNG BÁN